

Nguyệt san



SỐ 1 — BỘ MỚI
THÁNG 12.2011

CHÀNH PHÁP

HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: info@chanhphap.us

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Châu**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**

Hình bìa: **Van Moch**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **AN PHẬN** (thơ Tín Nghĩa), trang 3
- ◆ **THIÊN NHÃN** (thơ Tâm Thường Định), trang 3
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ◆ **ĐI TÌM Ý NGHĨA CỦA CUỘC SỐNG QUA SỰ NGHIÊN CỨU QUAN ĐIỂM THỜI GIAN TRONG PHẬT GIÁO** (Thích Hạnh Tuán), trang 8
- ◆ **NGÔI CHÙA CÓ TRÊN ĐỒI TRẠI THỦY** (Nguyên Siêu), trang 14
- ◆ **QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC**, tiếp theo (HT. Thích Thắng Hoan), trang 15
- ◆ **DẪN THÂN, GẶP LẠI VÀNG TRĂNG...** (thơ Tuệ Thiển—Lê Bá Bôn), trang 19
- ◆ **PHÁP LẠC VÔ BIÊN** (Thích Tâm Hòa), trang 20
- ◆ **MẶC NHIÊN HOA NỞ** (thơ Hàn Long Ẩn), trang 21
- ◆ **ĐỜI SỐNG QUANH TA** (thơ Biểu Ý), trang 21
- ◆ **SỚM TRỞ VỀ** (Thích Đức Trí), tr. 18
- ◆ **THÂM Ý PHỒ MÔN KINH** (thơ Thích Chúc Hiền), trang 23
- ◆ **CHÙA MỘT CỘT VỚI TINH THẦN PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI NHÀ LÝ** (Hạnh Cơ), trang 24
- ◆ **GIÓ THU VỀ** (thơ Huyền Vũ), tr. 28
- ◆ **NGƯỜI ĂN CƠM PHẬT** (Cư sĩ Nguyên Giác), trang 29
- ◆ **CON QUỶ VÔ THƯỜNG** (Đào Văn Bình), trang 31
- ◆ **TIẾNG GỌI CỦA LỬA** (Huệ Trân), trang 32
- ◆ **CHÚ TIỂU SA-DI CỨU SỐNG ĐÀN KIẾN** (HT. Trí Chơn dịch), trang 33
- ◆ **SƠN TĂNG, CHÚ TIỂU** (thơ Trần Bách Linh), trang 33
- ◆ **KHÔNG AI CÓ THỂ CỨU BẠN - CHỈ CÓ THIÊN NGHIỆP** (Dalai Lama - Chân Huyền dịch), tr. 41
- ◆ **KINH VỀ TUỔI GIÀ VÀ SỰ SÁNG SUỐT** (Hoang Phong), trang 42
- ◆ **THƠ GIỮA ĐIỀU TÀN VANG TIẾNG HƯ KHÔNG** (thơ Từ Tú Trinh), tr. 45
- ◆ **VỀ MỘT NGÔI CHÙA NI TRÊN ĐẤT LÃO** (Lam Khê), trang 46
- ◆ **VỰC LÒNG, SÁU CHỮ** (thơ Mai Phước Lộc), trang 47
- ◆ **NHỚ CHA** (thơ Mãn Đường Hồng), trang 47
- ◆ **TÂM THƯ GỬI CHI!** (Thảo Lư), tr. 48
- ◆ **TÔI VÀ EM** (thơ Chiêu Hoàng), tr. 49
- ◆ **LÁ THƯ TU HỌC KÉ** (Tâm Minh - Vương Thúy Nga), trang 51
- ◆ **NÉN HƯƠNG CUNG TIỀN** (thơ Thích Minh Tuệ), trang 52
- ◆ **TÂM LANG THANG PHIÊU BẠT, ĐẠP QUẠT VÀO ĐẦU THẦY** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 53
- ◆ **NHƯ MỘT BÔNG TUYẾT TRỞ VỀ** (Nguyễn Đông Nhật), trang 54
- ◆ **THU CÒN CÓ EM** (Hoàng Mai Đạt), trang 56
- ◆ **CHÙM THƠ EO-GIÓ** (thơ Bạch Xuân Phê), trang 57
- ◆ **KHỞI ĐẦU CHO MỘT HÀNH TRÌNH** (Diệu Trang), trang 58
- ◆ **ĐÊM HUYỀN THOẠI** (Vĩnh Hào), trang 66
- ◆ **MÓN CHAY: TÀU HỦ CHIÊN SỐT CÀ** (Quảng Diệu An), tr. 67
- ◆ **HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN I** (Hải Triều Âm), trang 68

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 — U.S.A.

Báo Chánh Pháp Số 1, tháng 12 năm 2011, do Tổ Đình Từ Đàm (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư tòa soạn

Chúng ta đang bước vào tháng cuối cùng của một năm nhiều biến động với thiên tai, nhân họa, cùng những thay đổi chính trị ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Vài quốc gia ở châu Âu đang bên bờ vực phá sản, vỡ nợ. Sóng thần và động đất Nhật Bản, lũ lụt Thái Lan, động đất Thổ Nhĩ Kỳ, bão lụt Việt Nam... Chiến dịch hoa lài Tunisia vào cuối tháng 12 năm trước, lật đổ cả chính quyền nước này, và trở thành niềm gợi hứng cải cách, ảnh hưởng sâu rộng đến các nước Trung Đông, châu Phi: Egypt, Libya, Syria, Algeria, Maroc, Jordanie, Bahrain, Yemen... khiến cho các thể chế chính trị độc tài còn lại trên thế giới phải lo ngại, nao núng, tìm mọi cách ngăn chặn tác động của làn sóng dân chủ.

Cũng năm này, đã có 12 Tăng Ni Tây Tạng tự thiêu để phản đối cuộc xâm lăng văn hóa và đàn áp tôn giáo của Trung quốc trên đất nước họ. Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ vắng bóng một số chư tôn đức rường cột. Biển đông và các quần đảo của Việt Nam trở thành điểm nóng cho những tranh chấp chủ quyền, dấy động niềm căm phẫn, khơi dậy lòng yêu nước của nhiều người thuộc nhiều quốc gia, ở quốc nội hay hải ngoại.

Năm 2011 là bức tranh vân cầu chập chùng những biến thiên, chuyển động, thay đổi. Người con Phật không thể không quán sát các biến động ấy để chứng nghiệm về lẽ vô thường, thống khổ, huyền mộng và vô ngã mà Phật dạy. Tất cả mọi sự mọi vật đều do nhân duyên kết hợp mà sinh ra, do nhân duyên tan rã mà hoại diệt.

Những quốc gia hùng mạnh, những chế độ vững bền, 30 năm, hay trên 40 năm như chế độ của Gaddafi, cuối cùng cũng lung lay, hoặc sụp đổ. Say trong danh lợi và quyền lực, con người thường quên lãng nỗi thống khổ của kẻ khác, và không sao tưởng tượng được sẽ có một ngày những gì mình vun đắp, củng cố cho lâu dài tự ngã sẽ tan tành như mây khói.

Tu tập theo Phật, chúng ta cởi bỏ dần các vướng mắc nơi tự ngã, khởi đi từ thô đến tế, từ danh đến thực. Thô và danh là điều có thể thấy-nghe từ thân và miệng. Tế và thực là những cái trừu tượng của ý, của tâm thức. Tu tập là chuyển hóa thân, miệng, ý của mình từ xấu-ác đến đẹp-lành; từ tham lam đến thiếu dục, bỏ thí; từ sân hận đến từ bi, nhẫn nhục; từ si mê đến hỷ xả, trí tuệ.

Tu tập là một tiến trình của đổi thay, cải tiến, hoàn thiện đi từ nhân đến quả, từ phàm đến thánh, từ vô minh đến tuệ giác, từ vọng chấp đến giải thoát. Tu tập để phá vỡ danh tướng, lột dần sự chấp ngã, chứ không phải bồi đắp cho thêm bền chắc những vọng tưởng và huyền danh. Bày ra những chiến dịch, lập ra những tổ chức để rồi chỉ biết tranh nhau danh vọng và địa vị, thì đó không phải là mục tiêu của việc tu tập hay cải cách, cách mạng.

Tu tập hay cải cách, chỉ có ý nghĩa khi từng hành động, lời nói, ý nghĩ của mình tương hợp với chánh pháp, với lẽ phải và công bình, luôn hướng về lợi ích an vui cho số đông. Tất cả các hành xử của người học Phật, nếu không đặt nền tảng nơi tâm bồ-đề, thì chỉ là những vọng động của vô minh, chấp thủ.

Nhìn lại những đổi thay chuyển dịch của thế giới, của hành tinh, để tự nghiệm xét về lý tưởng sống và mục tiêu tối hậu của đời mình. Trong cơn bão lốc của vô thường thúc tới từ sau lưng, diễn ra ngay trước mắt, chúng ta nên làm gì, nói gì, nghĩ gì cho kịp và cho xứng đáng với những giây phút mong manh hiện hữu trên cuộc đời?

Chánh Pháp số 1 - bộ mới, trên tay bạn đọc, là một cải tiến nhỏ về hình thức. Cải tiến nhỏ, nhưng cũng là một thành quả đáng kể sau gần 3 năm có mặt trên vương chiều văn học và diễn đàn Phật giáo. Đây là nhờ sự tích cực ủng hộ từ tinh thần đến tài chánh của chư tôn đức tăng ni và phật-tử khắp nơi. Để đáp lại sự nhiệt tâm của chư liệt vị, chúng tôi chỉ biết nỗ lực làm việc, sao cho Chánh Pháp từ hình thức đến nội dung, ngày một trang nhã, phong phú, mang lại nhiều lợi lạc hơn cho bạn đọc.

Chúng tôi cũng tâm niệm rằng, thành quả hôm nay là do nhiều trợ duyên từ ngày hôm qua, và chỉ là bước khởi đầu cho những ngày kế tiếp ở mai sau. Thành quả, thực ra chỉ là "khởi đầu cho một hành trình." Với tâm niệm ấy, xin bắt đầu cho Chánh Pháp bộ mới bằng tháng cuối cùng của một năm đầy biến động. Có nghĩa rằng, nơi miền tuyết lạnh, nở những đóa sen tuyệt sắc.

Thành kính tri ân và xin cùng quý bạn đọc khép lại một năm cũ, khép lại những trang báo cũ, đón chào một mùa mới, một khung trời mới.





An phận

TÍN NGHĨA

*Tự thuở ban sơ mới chào đời,
In như bức họa chẳng một lời,
Nhìn lui nghiệp chướng dày ngun ngút,
Ngó tới niết bàn rộng chơi vui.
Gắng gượng kệ kinh đôi ba chữ
Hiều hiều chuông mõ một vài hồi.
Im hơi lặng tiếng theo Phật Tổ,
An phận tu thân trọn kiếp người..*

(An Lạc tu viện - Oct. 28, 2011 - Tân mảo Mạnh thu)

Thiền Nhân

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

Kính dâng Thầy Tuệ Sỹ

*Đôi mắt sâu hun hút của Người
Tinh anh rực sáng
Xa xôi và dịu vợi
Tàng chứa những bí ẩn
Cùng những tinh hoa vô giá
Những kham nhẫn vô biên
Ôi đôi mắt rất hiền
Mênh mông bốn tâm vô lượng
Ngài là con người cao thượng
Ở Ngài, con tìm thấy niềm tin yêu và hy vọng
Ôi con người thông dong
Lặng yên mà hùng tráng
Người biểu hiện của tươi sáng
Dáng Người như sự trầm luân của Sơn hà xã tắc
Mong manh mà bất diệt
Khắc khổ mà anh minh
Nước Việt sẽ hồi sinh
Vì những đáng nhân tài của đất nước*



*Có đạo đức và tình thương bao dung rộng lớn
Biết tha thứ bao dung
Như Ngài
Là hiện thân của hàng Bồ Tát
Còn Ngài, đời vẫn hát
Bài ca hy vọng ngập tràn.
Ngài - đôi mắt sâu hun hút
“Trên tất cả đỉnh cao
Chỉ là sự lặng im.” **

* “Thay lời dẫn cho Thơ Phạm Công Thiệu”
của Tuệ Sỹ



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Diệu Âm lược dịch

LIÊN BANG NGA: Phật tử Tuva yêu cầu Bộ Ngoại giao Nga cấp thị thực cho Đức Đạt lai Lạt ma

Kyzyl, Nga - Hội Phật tử Tuva (OBT) đã gửi một thư ngỏ đến Bộ Trưởng Ngoại giao Nga Sergey Lavrov, yêu cầu ông cấp thị thực nhập cảnh Nga cho Đức Đạt lai Lạt ma. Thư do vị lãnh đạo Phật tử Tuva là Kamby Lat ma Nicolay Kuula và Chủ tịch Trị sự OBT là Buyan Sandyk ký tên, đăng trên trang mạng của Trung tâm dành cho Văn hóa Thông tin Tây Tạng.

Bức thư viết rằng: Qua 20 năm kể từ chuyến thăm duy nhất của Đức Đạt lai Lạt ma đến Tuva, nhiều đền thờ, nhà cầu nguyện, bảo tháp và cõi kinh đã được xây dựng tại nước cộng hòa này. Tuva cũng đang xây tượng Đức Phật Thích Ca lớn nhất của Nga trên đỉnh Núi Dogee linh thiêng, và đang lập kế hoạch xây tại Kyzyl một đại tự mới - nơi sẽ trở thành biểu tượng của sự hợp nhất của tất cả Phật tử Tuva. Đối với Phật tử Tuva, việc Đức Đạt lai Lạt ma cầu phúc cho các điện thờ được tái tạo và cho việc xây dựng ngôi đại tự là điều cực kỳ quan trọng.

Thư cũng viết rằng Đức Đạt lai Lạt ma đã chính thức thôi giữ cương vị lãnh đạo chính trị của chính phủ Tây Tạng lưu vong vào tháng 3-2011, và kể từ đó ngài đã hoạt động thuần túy trong vai trò lãnh đạo tinh thần của Phật giáo.

(Interfax - November 1, 2011)

TÍCH LAN: Phiên họp Tăng chúng Thanh niên Phật giáo Thế giới lần thứ 8 tại Galewela

Tại Hội trường Tưởng niệm T.B. Tennakoon ở Galewela vào ngày 27-10-2011, phiên họp Tăng chúng Thanh niên Phật giáo Thế giới lần thứ 8 đã được tổ chức với sự tham dự của các đại biểu Tỳ kheo từ nhiều nước.

Trong bài phát biểu của mình, Thủ tướng Tích Lan D.M.Jayaratne nói rằng đây là một niềm vinh dự cho Tích Lan khi được tiếp kiến đại biểu từ 40 nước tham dự kỳ họp này.

Ông nói Tích Lan đã bảo vệ được tinh túy Phật giáo trong hơn 2.500 năm qua, và Đại Tăng đoàn đã đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền đạt Phật giáo cho thế hệ tương lai.

Thủ tướng Jayaratne cho biết

chính phủ đã hướng đến việc mời đại diện từ 75 nước Phật giáo đến với một chương trình đặc biệt được tổ chức vào ngày Lễ Phật Đản năm 2012.

(dailynews.lk - November 1, 2011)

ẤN ĐỘ: Kế hoạch xây bảo tháp lớn nhất thế giới tại bang Gujarat

Trong bài phát biểu rằng bang Gujarat sẽ chuyển thành một nơi hành hương dành cho các nước theo đạo Phật, Thống đốc Narendra Modi đang gạt bỏ mọi trở ngại để xây ngôi bảo tháp lớn nhất thế giới.

Dự án sẽ có kinh phí 10 tỉ Rupee, tập trung cho một bảo tháp cao 351 feet và một tượng Phật cao 151 feet. Công trình tọa lạc tại Dev-ni-Mori ở huyện Sabarkantha. Đây là nơi thứ 5 trên thế giới người ta tìm thấy các xá lợi của Đức Phật.

Các xá lợi này hiện đang được bọc giữ trong một miếng vải lụa, đựng trong một hộp mạ vàng tại Khoa Khảo cổ học của trường Đại học MS ở thành phố Vandodara.

Vào năm 1957, các xá lợi thuộc thế kỷ thứ 3 hoặc thứ 4 đã được phát hiện tại Dev-ni-Mori và chuyển về Vandodara. Ghi chú của hộp đựng xá lợi cho biết đó là xá lợi cơ thể của Đức Phật.

(TNN - November 4, 2011)



Xá lợi của Đức Phật tại Trường Đại học MS, Vadodara - Photo: Ajay Umat

VƯƠNG QUỐC ANH: Lễ Thọ Y Ca thi na tại Đại Tịnh xá Phật giáo Birmingham

Birmingham, Vương quốc Anh - Tại trụ sở Hội Phật giáo Quốc tế Midlands tại Vương quốc Anh, còn gọi là Đại Tịnh xá Phật giáo Birmingham, lễ

Thọ Y Ca thi na thường niên đã được tổ chức vào ngày 22-10-2011.

Nhiều tăng sĩ từ các tịnh xá khác nhau ở Vương quốc Anh cũng như từ châu Âu đã tham dự lễ.

Chương trình lễ do Thượng tọa Rathmale Punnaratana Nayake thuộc trường Đại học Pali & Phật giáo của chi nhánh Frankfurt (Đức) chủ trì, bắt đầu từ 6.00 p.m.

Những người tham dự bao gồm Phật tử thuộc nhiều quốc tịch như Anh, Tích Lan, Ấn Độ, Nepal, Bangladesh, Việt Nam, Trung quốc, Nhật Bản, Tây Tạng cũng như Phật tử châu Âu. Lúc 8.00 p.m, 14 nhà sư bắt đầu lễ tụng kinh Paritta suốt đêm, sau đó là lễ cúng dường buổi sáng.

(The Buddhist Channel - November 6, 2011)



Chư tăng trong lễ Thọ Y Ca thi na tại trụ sở Đại Tịnh xá Birmingham - Photo: Thakshila Udage

MIỀN ĐIỆN: Triển lãm lần thứ 4 xá lợi Răng Phật của Trung quốc

Xá lợi răng Phật linh thiêng của Trung quốc đã được chuyển đến thủ đô Nay Pyi Taw của Miền Điện vào ngày 6-11-2011, với sự hộ tống của các vị cao tăng. Công chúng Miền Điện sẽ được chiêm bái xá lợi trong 48 ngày - từ ngày 6-11 đến 24-12-2011 - tại 3 thành phố chính là Nay Pyi Taw, Yangon và Mandalay.

Xá lợi răng Phật được lưu giữ tại Chùa Linh Quang ở phía tây Bắc Kinh, Trung quốc, và từng được tôn trí tại Miền Điện vào các năm 1955, 1994 và 1996.

Lần triển lãm thứ 4 này, xá lợi được tiếp rước từ Phi trường Quốc tế Nay Pyi Taw về Chùa Uppatasanti trong



một đại lễ theo nghi thức Phật giáo và bản sắc dân tộc. Các quan chức chính phủ, các đại diện Phật giáo và hàng nghìn Phật tử đã tham dự sự kiện này.
(Xinhua - November 6, 2011)



Xá lợi Răng Đức Phật đang được chuyển từ Chùa Linh Quang để sang Miến Điện - Photo: Jin Liwang

HOA KỲ: Đại sư shakuhachi (sáo tre Nhật Bản) Micheal "Chikuzen" Gould

KALAMAZOO, Michigan - Micheal "Chikuzen" Gould là một trong những nghệ sĩ hàng đầu thế giới về shakuhachi, loại nhạc cụ được chơi tại Nhật Bản từ thế kỷ thứ 7.

Ông sẽ có một buổi trình diễn và thuyết trình về nhạc cụ cổ xưa này tại Hội trường Trung tâm Dalton trong khu đại học của trường Đại học Tây Michigan (WMU) vào 18-11-2011.

Gould học sáo từ 2 nhạc sư nổi tiếng tại Nhật trong 15 năm. Năm 1995, ông đạt danh hiệu Đại sư (Dai-Shihan), và là một trong số chỉ khoảng 6 người không phải là người Nhật từng đạt được danh hiệu này.

Ông đã lưu diễn nhiều nơi tại Hoa Kỳ và Nhật Bản, và đã sản xuất một số đĩa CD và sách hướng dẫn giảng dạy shakuhachi. Trong CD mới nhất, ông kết hợp phần tụng kinh Shomyo với nhạc sáo của mình.

Trong buổi trình diễn tại WMU, Gould sẽ chơi những bản truyền thống liên quan đến Thiền Phật giáo và âm nhạc đương đại dành cho shakuhachi. Sau đó ông sẽ nói về nhạc cụ truyền thống này và về mối quan hệ của nó với văn hóa Nhật Bản và Phật Thiền.

(WMU News - November 10, 2011)



TRUNG QUỐC: Đức Ban thiên Lạt ma thứ 11 thăm trường Cao đẳng PG Tây Tạng của Trung quốc

Ngày 10-11-2011 ở Bắc Kinh, Đức Ban thiên Lạt ma đã đến viếng trường cao đẳng Phật giáo Tây Tạng và tiếp các tín đồ Phật giáo tại đây.

Hơn 300 Phật tử từ Tây Tạng, Tứ Xuyên và các khu vực khác đã tham dự nghi lễ, trong số đó có 11 tăng sĩ đã tốt nghiệp bằng "Tho Ram Pa" của trường Cao đẳng Phật giáo Tây Tạng (Trung quốc) vào ngày 9-11-2011. Đây là một trong các bằng cấp cao nhất trong Phật giáo Tây Tạng. Các nhà sư được trao bằng tương đương học vị tiến sĩ này sau khi đã trải qua cuộc thi kéo dài trong 6 ngày về kinh Phật giáo Tây Tạng.

Ngoài ra còn có 28 nhà sư khác được chứng nhận làm giảng viên của trường cao đẳng này sau khi đỗ cuộc thi nổi trên.

(Xinhua - November 10, 2011)



Đức Ban thiên Lạt ma thăm trường Cao đẳng Phật giáo Tây Tạng - Photo: Lan Hongguang

ẤN ĐỘ: Xe lửa Phật giáo và hành trình "Các Điểm đến của Phật giáo tại Ấn Độ"

"Các Điểm đến của Phật giáo tại Ấn Độ" là một tour du lịch nổi tiếng của Ấn Độ, được loại hình dịch vụ du lịch Xe lửa Phật giáo thực hiện như một lựa chọn tuyệt vời cho du khách.

Phần lớn khách tham quan các điểm đến du lịch về Phật giáo của Ấn Độ là du khách đến từ khắp nơi trên thế giới. Và Vaishali, Nalanda, Takwang, Dharamshala, Varanasi, Bihar v.v. là những địa danh Phật giáo

quan trọng của tour này.

Với hành trình Các Điểm đến Phật giáo Ấn Độ bằng xe lửa Phật giáo, du khách sẽ đến được những thánh địa và hang động tuyệt đẹp, tham quan những bảo tháp và tượng đài khổng lồ, những tuyệt phẩm điêu khắc, chiêm bái những dấu chân và rất nhiều di tích của Đức Phật.

Giá trị lịch sử của chính những điểm đến này mang lại lợi ích cho tất cả sinh viên và học giả Phật giáo, giúp họ thu thập được thông tin giá trị về đạo Phật.

(ArticleSnatch.com - November 12, 2011)



Xe lửa Phật giáo - Photo: Google

NHẬT BẢN: Đức Đạt lai Lạt ma thăm khu vực bị thảm họa Ishinomaki

ISHINOMAKI, Miyagi - Ngày 5-11-2011, Đức Đạt lai Lạt ma đã thăm một khu vực bị tàn phá bởi trận động đất và sóng thần vào tháng 3 và tham dự một lễ tưởng niệm các nạn nhân.

Trong buổi lễ tại Chùa Saiko ở Ishinomaki thuộc quận Miyagi, vị lãnh đạo tinh thần 76 tuổi đã nói những lời động viên với những người sống sót.

Đức Đạt lai Lạt ma đã phát biểu trước khoảng 1.000 người tham dự rằng ngài chia sẻ nỗi đau của những người sống sót có thân nhân đã mất, và rằng ngài mong mọi người sẽ vượt qua được nỗi buồn và xây dựng lại cuộc sống của mình.

Chỉ riêng tại Ishinomaki, có khoảng 3.800 người đã thiệt mạng hoặc mất tích trong thảm họa - là số lượng nạn nhân lớn nhất trong một khu vực.

(The Buddhist Channel - November 12, 2011)

TÍCH LAN: Chuyên thăm Colombo của học giả Phật giáo đến từ Singapore

T.Y. Lee người Singapore, học giả Phật giáo và là nhà từ thiện nổi tiếng tầm quốc tế, là một người với một sứ mệnh cao quý: truyền bá thông điệp



của Phật giáo đến khắp thế giới.

Tuần trước, ông Lee đã đến Colombo để viếng các thánh địa và gặp các vị cao tăng, các cư sĩ nổi tiếng và giới quan chức chính phủ.

Một trong những điểm nổi bật của chuyến thăm là buổi thuyết trình của ông tại Hiệp hội Báo chí Tích Lan (ANCL). Bài thuyết trình tập trung vào tầm quan trọng và sự thích ứng ngày trong công việc cũng như trong gia đình.

Ông Lee ghi nhận rằng đạo Phật đang nhanh chóng phục hồi ngay cả tại những vùng không phải Phật giáo, kể cả châu Âu. Điều này được nhận thấy rõ ràng qua những nhu cầu rất lớn từ khắp thế giới về các cuốn sách và các trang web của ông.

Ông bày tỏ lòng biết ơn đối với các học giả và nhà hảo tâm trên toàn thế giới, những người đã nhiệt tình dịch và xuất bản miễn phí các cuốn sách của ông.

Ông Lee là tác giả 3 cuốn sách đã được lưu hành, phần lớn của số này đã được phân phối bằng các nguồn tài chính riêng của ông. Ông đặc biệt tự hào vì đã hợp tác với ANCL trong việc xuất bản và phát hành cuốn Hòn đảo của Ánh sáng - một sách hướng dẫn để đến các di tích Phật giáo tại Tích Lan - nhân kỷ niệm năm thứ 2.600 Đức Phật Thành đạo.

(Urban Dharma - November 13, 2011)



T.Y. Lee, học giả Phật giáo nổi tiếng người Singapore, tác giả cuốn Hòn đảo của Ánh sáng - Photo: Pramod DE SILVA

ẤN ĐỘ: Đại sứ Trung quốc tặng trường Đại học Nalanda 1 triệu USD

Vào ngày 15-11-2011, tại Trung tâm Quốc tế Ấn Độ, Đại sứ Trung quốc tại Ấn Độ Zhang Yan đã thay mặt chính phủ nước ông tặng 1 triệu usd cho trường Đại học Nalanda tương lai ở khu Nalanda, bang Bihar.

Tiến sĩ Gopa Sabharwal, Phó Viện trưởng Danh dự của trường Đại học Nalanda đã nhận khoản tiền tặng chính thức đầu tiên mà trường nhận được này.

Tại buổi lễ có sự tham dự của các quan chức Ấn-Trung và các đại diện của Đại học Nalanda, biểu trưng mới của trường đã được công bố.

Khoản tiền tặng này, theo thỏa thuận trước đây giữa 2 nước, sẽ được dùng để xây một thư viện kiểu Trung quốc tại trường Đại học Nalanda tương lai.

Trường Đại học Nalanda thời cổ đại được đặt tên là Chùa Nalanda, khi tại đó có một số nhà sư Trung Hoa nghiên cứu và giảng dạy Phật giáo. Sau đó chùa đã bị phá hủy vào thời chiến tranh.

(fmprc.gov.cn - November 17, 2011)



Phó Viện trưởng Danh dự của Đại học Nalanda và Đại sứ Trung quốc trong lễ trao tặng trường này 1 triệu usd - Photo: fmprc.gov.cn

ÚC ĐẠI LỢI: Hội Phật Quang Quốc tế Queensland (BLIAQ): Tổ chức Cộng đồng của Năm 2011

BLIAQ, có trụ sở tại Chùa Trung Thiên thuộc hội Phật Quang Sơn thành phố Brisbane, đã được chính phủ Úc công nhận là Tổ chức Cộng đồng của Năm 2011.

Với hơn 1.500 hội viên, BLIAQ phục vụ cộng đồng qua việc tổ chức các hoạt động đa văn hóa và tinh thần và qua các chương trình từ thiện, cung cấp các chương trình giáo dục và giúp đỡ những người đang gặp khó khăn.

Tổ chức nhiều sự kiện nhằm phát

huy sự hòa hợp cộng đồng và cung cấp các hỗ trợ cho hơn 70 hội từ thiện, hội BLIAQ tiếp tục là gương sáng dẫn đầu trong việc giúp đỡ các cộng đồng trong nước và những người kém may mắn ở hải ngoại.

BLIAQ tuân thủ những nguyên tắc chủ đạo của Hòa thượng Hsing Yun, người sáng lập hội, trong việc phát triển tài năng qua giáo dục, phát huy Phật giáo thông qua các nỗ lực văn hóa, mang lại lợi ích cho xã hội qua các chương trình từ thiện và thanh tịnh tâm ý thông qua thực hành Phật pháp.

(Westerner - November 16, 2011)

NAM HÀN: Phái đoàn Phật tử Nam Hàn đến Bắc Hàn để thảo luận về các cổ vật bị thu giữ tại Nhật

Ngày 18-11-2011, Nam Hàn cho biết đã cho phép một phái đoàn Phật giáo 7 người đến Bắc Hàn vào tuần sau, để thảo luận về một dự án thu hồi lại những cổ vật bị Nhật Bản chiếm đoạt từ bán đảo Triều Tiên trong cuộc chiếm đóng từ 1910 đến 1945.

Sự phê duyệt này của Nam Hàn là dấu hiệu rõ ràng mới nhất của sự giảm bớt căng thẳng giữa 2 miền.

Các quan chức của Bộ Thống nhất ở Seoul cho biết rằng các đại diện từ Hội Phật giáo Tại gia thuộc phái Tào Khê của Nam Hàn sẽ đến thành phố biên giới Kaesong của Bắc Hàn vào ngày 22-11 và gặp gỡ các đối tác miền bắc của họ để thảo luận về dự án.

Một quan chức giấu tên của Bộ này nói, "Việc phê chuẩn đã được thực hiện, vì dự án này là một nỗ lực chung của miền Nam và miền Bắc để thu hồi các tài sản văn hóa của chúng tôi, vốn bị chiếm đoạt trong suốt thời kỳ thực dân Nhật cai trị".

(Yonhap News - November 18, 2011)

NAM HÀN: Cuộc hành hương theo bước chân nhà sư Wonhyo

Vào ngày 2-12-2011, một đội hỗn hợp gồm các học giả, các nhà thám hiểm và các nhà báo sẽ bắt đầu mở đường cho một cuộc hành trình vốn được ấp ủ trong khoảng 5 năm qua - đi theo những bước chân qua Bán đảo Triều Tiên của nhà sư Triều Tiên Wonhyo xưa.

Đây là cuộc hành hương đầu tiên của loại này được thực hiện để vinh danh Wonhyo, nhà sư nổi tiếng nhất của Triều Tiên, là người đã giác ngộ tại Dangjin vào thế kỷ thứ 7 trong khi ông cố gắng đi thuyền sang Trung Hoa.



Cuộc hành hương sẽ khởi hành từ Gyeongju - trước kia là kinh đô của vương quốc Phật giáo Silla, nơi sư Wonhyo sống - và kết thúc tại Dangjin ở bờ tây của Tỉnh Nam Chungcheong. Những người hành hương sẽ chủ yếu đi bộ dọc theo các tỉnh lộ và các sơn đạo.

(The Seoul Times - November 18, 2011)

HOA KỲ: Triển lãm xá lợi tại thành phố Hilo (Hawaii)

Từ ngày 19 đến 20-11-2011, các xá lợi linh thiêng của Đức Phật và các môn đệ của Ngài, và của các đại sư Phật giáo từ 2.500 năm qua được trưng bày tại thành phố Hilo. Khách đến chiêm bái xá lợi được mời quay cối kinh, đánh chuông và được chúc phúc từ một xá lợi của Đức Phật đặt trên đầu của họ tại Giáo hội Hilo Meishoin.

Ngoài các xá lợi của Đức Phật và 2 đại đệ tử của Ngài là A Nan và La Hầu La, còn có hơn 3.000 xá lợi của 40 vị đại sư Phật giáo khác, bao gồm xá lợi của Đức Mục Kiền Liên và của nhà tư tưởng vĩ đại Nagarjuna. Xá lợi gần đây nhất là của một vị tôn sư thuộc dòng truyền thừa Gelug Tây Tạng viên tịch vào năm 2007; xá lợi cổ nhất tương truyền là của Ca Diếp Phật, là một vị cổ Phật xuất hiện trước Đức Phật một thời gian.

Một số xá lợi là những mảnh răng và xương, nhưng phần lớn là ringsel - theo tiếng Tây Tạng có nghĩa là những mẫu vật giống như hạt trai hoặc thủy tinh.

(Hawaii Tribune Herald - November 20, 2011)



Hòa thượng Junshin Miyazaki cầu nguyện khi đặt một xá lợi của Đức Phật (đựng trong hộp bảo tháp) lên đầu một khách tham quan triển lãm tại Hilo, Hawaii - Photo: PETER SUR



Bác sĩ Trần Ngươn Phiêu, pd. Minh Phước (1927—2011)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT

CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 - U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 508-1000

Phật Lịch 2555

PHÂN ƯU

Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ vừa nhận được tin Bác Sĩ Trần Ngươn Phiêu, Pháp danh Minh Phước, sinh năm Đinh Mão 1927 là:

- Thành viên Tổng Vụ Cư Sĩ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH,
- Sáng lập viên Hội Phật Giáo và Chùa Giác Hoa, miền Bắc Tiểu Bang Texas,
- Cựu Bộ Trưởng Bộ Xã Hội Việt Nam Cộng Hòa,
- Cựu Đại Tá Quân Y Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa,
- Cựu Chủ Tịch Hội Y Sĩ Việt Nam trên Thế Giới,
- Cựu Chủ Tịch Hội Y Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ,
- Cựu Chủ Tịch Hội Y Sĩ Việt Nam tại Texas,

đã xả bỏ thân tứ đại về cõi Phật lúc 8:38 phút tối, ngày 04 tháng 11 năm 2011 (nhằm ngày mùng Chín tháng Mười năm Tân Mão) tại Bệnh Viện Amarillo, Texas. Hưởng thọ 85 tuổi.

Lễ Hòa Táng sẽ được cử hành vào lúc 11:30 phút sáng, thứ Bảy, ngày 12 tháng 11 năm 2011 (nhằm ngày 17 tháng Mười năm Tân Mão).

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH nhất tâm cầu nguyện Hương Linh Bác Sĩ Minh Phước Trần Ngươn Phiêu thừa tư Phật lực vãng sanh An Lạc Quốc; đồng thành kính phân ưu cùng tang quyến của Bác Sĩ Minh Phước Trần Ngươn Phiêu, nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho chư vị bỏ đề tâm kiên cố, phước huệ trang nghiêm.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,
Thành kính phân ưu,

Santa Ana, ngày 06 tháng 11 năm 2011

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH

Quyền Chủ Tịch kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ



ĐI TÌM Ý NGHĨA CỦA CUỘC SỐNG

Qua Sự Nghiên Cứu Quan Điểm Thời Gian trong Phật Giáo

THÍCH HẠNH TUẤN

Dẫn Nhập

"Sự vô thường, tuổi già và bệnh tật không bao giờ hứa hẹn với chúng ta. Bất cứ khi nào chúng đến, chúng sẽ đến mà không một lời báo trước. Bởi vì cuộc sống là vô thường, nên chúng ta không biết chắc rằng chúng ta có còn sống ở sát na kế tiếp hay không. Nếu một tai nạn xảy đến với chúng ta, chúng ta sẽ biến mất khỏi thế giới này ngay tức khắc. Mạng sống của chúng ta ví như hạt sương đọng lại trên đầu ngọn cỏ trong buổi sáng mùa Xuân. Nó sẽ bị tan biến ngay khi ánh mặt trời ló dạng. Những ý niệm của chúng ta thay đổi rất nhanh trong từng sát na. Thời gian rất là ngắn ngủi. Nó chỉ kéo dài trong một sát na (*kṣaṇa*), giống như hơi thở. Nếu chúng ta thở vào mà không thở ra, chúng ta sẽ chết". Đây là bài học đầu tiên được lấy ra từ 'Quy Sơn Cảnh Sách' mà tôi đã học được từ Thầy của mình cách đây trên 39 năm, vào cái ngày đầu tiên sau khi tôi trở thành một chú tiểu.

Những thông điệp mà tôi học được từ bài học này nhắc nhở tôi rằng, tôi phải thực tập lời Phật dạy một cách nghiêm túc. Tôi không nên để thời gian trôi qua một cách vô ích mà không làm điều gì có ý nghĩa. Suốt 39 năm qua, tôi đã nhọc công đi tìm ý nghĩa của cuộc sống của chính tôi. Tôi luôn luôn tự hỏi: "Phải chăng tôi có sự sống?", "Mạng sống của tôi sẽ kéo dài được bao lâu?", "Phải chăng mạng sống của tôi chỉ kéo dài trong một sát na ngắn ngủi, hay là nó kéo dài hàng trăm năm với sự tiếp nối của một dòng chảy từ sát na này đến sát na khác?".

Cuộc đời là đau khổ. Chắc chắn vậy, không còn nghi ngờ gì về điều này. Sự sống là đau khổ vì mọi thứ đều vô thường. Đây là sự thật đầu tiên trong Tứ Diệu Đế. Phải chăng tất cả chúng sanh đều khổ đau kể từ ngày đầu tiên của cuộc đời cho đến những hơi thở cuối cùng của họ? Chúng ta có thể thoát khỏi sự khổ đau này ngay bây giờ được không, hay là phải đợi đến kiếp khác, hoặc đợi đến ngày chúng ta trở thành bậc Giác ngộ như Đức Phật? Trong quá trình tu tập theo đạo Phật, chúng ta có thể có được một đời sống với đầy ý nghĩa đích thực, hay chỉ là sự vật lộn để tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống? Phải chăng cuộc sống chỉ có ý nghĩa trong trạng thái tâm thức hay chỉ có ở trong cơ thể vật lý mà thôi? Chúng ta có thể tách biệt trạng thái tâm thức và cơ thể vật lý của mình để có được một đời sống hạnh phúc hay không?

Trong đạo Phật, tôi tin là những câu hỏi như thế không có gì mới. Trong quá khứ, đặc biệt là trong buổi bình minh của đạo Phật, Đức Phật đã giải thích khái niệm thời gian như thế nào, và các vị đệ tử của Ngài đã hiểu thời gian ra sao? Sau khi Ngài giác ngộ, ý nghĩa cuộc sống của Đức Phật là gì? Chúng ta có thể noi gương Đức Phật trong đời

này hay không? Để tìm ra ý nghĩa của cuộc sống, tôi cần phải quay lại tìm hiểu những học thuyết về thời gian đã được giải thích trong kinh điển Phật giáo thời kỳ đầu của Phật giáo Nguyên Thủy cho đến giai đoạn phát triển mạnh nhất của Phật giáo Đại Thừa. Trong bài viết này, tôi cố gắng nghiên cứu về quan điểm thời gian trong đạo Phật, để từ đó tìm ra ý nghĩa cho cuộc sống.

"Thời Gian" được hiểu theo Phật Giáo Nguyên Thủy (1)

Ngay sau khi giác ngộ, giáo lý đầu tiên mà Đức Phật Thích Ca thuyết giảng ấy là giáo lý Tứ Diệu Đế. Khi cần phải nói, tất cả chúng ta đều biết chân lý đầu tiên trong bốn chân lý này là "Cuộc sống là khổ đau". Sở dĩ như thế là vì tất cả mọi thứ đều vô thường (*anitya*) (2). Mọi pháp (*dharma*) đều do duyên mà sinh khởi, chúng được kết hợp bởi các yếu tố khác nhau. Tất cả các pháp đều có bốn đặc tính, đó là: thành (*jāti*), trụ (*sthiti*), hoại (*jarā*), vô thường (*anitya*). Theo ngài Thế Thân thì bốn đặc tính này là những đặc tính cơ bản của vạn pháp. Bốn đặc tính này đã đưa đến sự phát sinh tất cả các luận thuyết của Phật giáo Nguyên Thủy.

Khái niệm thời gian được diễn tả trong trường phái Phật giáo Nguyên Thủy bằng thuật ngữ 'samaya', bao hàm cả ý nghĩa về 'điều kiện' và 'thời gian'. Trong số nhiều luận giải, luận giải đề cập thường xuyên nhất đến vấn đề thời gian là quyển chú giải về bộ Pháp Tụ (*Dhammasaṅgani*) của ngài Buddhaghosa (Phật Đà Đa Xá). Ở đây, khái niệm 'samaya' được chia làm 5 loại (3) như sau:

1. *Kāla* (thời gian): miêu tả sự tiếp nối của một hoàn cảnh, như thế là thời gian của sự lạnh lẽo hay là sự đau ốm... Từ này lại được phân ra làm 9 loại: a) Sát na tâm (*citta-kara*); b) Pháp (*dhamma*) của các sinh vật, ký ức của pháp, còn có thể hiểu là pháp ở trong quá khứ, hiện tại và vị lai; c) Quá trình thứ lớp (*dhammapatti*) của mọi sự vật hiện tượng, ví dụ như thời gian khi những hạt giống nảy mầm; d) Sự xuất hiện của mọi thứ (*dhamma-lakkhana*), ví dụ như thời gian được sinh ra hay là thời gian của tuổi già; e) Thời gian của sự nhận lãnh (*dhammakicca*); f) Hành động của con người (*sattakicca*), ví dụ như thời gian tắm rửa hoặc ăn cơm; g) Những hình thái của sự vận động (*iriyāpatha*), ví dụ như đi, đứng, nằm, ngồi; h) Những diễn tiến của các hiện tượng tự nhiên (*candimāsuriyādi, parivattana*), ví dụ như diễn tiến của buổi sáng, buổi chiều hay là buổi tối và sự tiến triển của một ngày; i) Những sự phân chia thời gian (*kālasandaya*), ví dụ như nửa tháng, một tháng, một năm.

2. *Samūla* (nhóm): Một nhóm trong ý nghĩa của sự tích tụ của pháp (*dhamma*





-*puñja*), chẳng hạn như cảm giác, được dùng để từ chối ý niệm của một thực thể cá nhân. Học thuyết nhân quả trong Phật giáo cho rằng mọi sự vật, hiện tượng đều tồn tại nhờ vào nhân, duyên, quả. Loại này được hướng đến việc chống lại quan điểm sai lầm rằng, một thứ có thể sinh khởi độc lập với những thứ khác, vì thế nó chứng minh cho sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các

pháp.

3. *Hetu* (nguyên nhân): Nói lên sự phụ thuộc lẫn nhau của mọi hiện hữu, ví dụ như để nhìn được thì nhãn thức phải hội đủ điều kiện.

4. *Khana* (tính nhất thời): Đề cập đến sự kết nối tâm thức từ quá khứ đến hiện tại và chỉ nói đến tâm thiện chứ không nói đến tâm bất thiện. Khi tính nhất thời đang trôi chảy liên tục từ sát na này đến sát na khác trong quá khứ, rất khó để nắm bắt sát na ấy. Chính tâm của con người được xem là tồn tại mang tính nhất thời. Tính nhất thời rất khó nắm bắt, cho nên, để cho cái tâm nhất thời ấy khởi lên và giữ được sự tỉnh tại thì không phải dễ. Loại '*khanā*' này nói đến đạo đức của Phật giáo, bởi vì tính nhất thời được xem là chi liên hệ với tâm thiện. Nguyên tắc đạo đức là dùng sát na trong việc thực hành những hạt giống thiện.

5. *Samavāya* (sự kết hợp): Đề cập đến sự hòa hợp trong các duyên (*paccaya-sāmaggī*) và có chủ đích là để chứng minh rằng tâm thức có sự kết hợp lẫn nhau trong hiện tại. Nói cách khác, nó chỉ ra rằng thời gian là phụ thuộc và liên hệ lẫn nhau (*aññamaññ'upekkhā*). Thời gian được chỉ cho thấy không có thực thể và không có sự hiện hữu của Đấng Tạo Hóa.

Chúng ta nên biết rằng mọi thứ đều vô thường vì chúng đều tồn tại trong thời gian hạn cuộc. Sự tồn tại giới hạn này được đề cập đến trong Phật giáo Nguyên Thủy như là một sát na (*kṣaṇa*). Hơn nữa, hầu hết các trường phái của đạo Phật đã sớm giải thích sự thay đổi của mọi thứ như là sự tiếp nối của những trạng thái nhất thời (*kṣaṇika*). Nguồn gốc của khái niệm này dĩ nhiên được tìm thấy chân lý mà nó đã được chấp nhận bởi một số trường phái Phật giáo và cũng được tìm thấy bên ngoài đạo Phật, chân lý này cho rằng hai điều kiện tâm lý không thể cùng tồn tại trong một ý niệm, bởi vì phạm vi của ý thức là duy nhất (4). Vì thế mà hầu hết những trường phái Phật giáo ở thời kỳ đầu, chẳng hạn như phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvāstivādin), Hóa Địa Bộ (Mahīśāsaka), Kinh Lượng Bộ (Kāśyapiva), Độc Tử Bộ (Vāsīputria), Tây Sơn Trụ Bộ (Pūrvaśaila) và Đông Sơn Trụ Bộ (Apasāśaila) luôn cho rằng tất cả mọi thứ đều giả tạm. Khi tất cả mọi thứ hợp lại đều là vô thường, Đông Sơn Trụ Bộ cho rằng, tất cả mọi thứ đều chỉ kéo dài trong một sát na của ý niệm (*ekacitakkahaṇika*), bởi vì chúng đều vô thường. Có gì khác nhau giữa một thứ nhanh chóng bị phá hủy và một thứ khác tồn tại trong thời gian dài? (5) Trước khi đưa ra bất kỳ ý niệm nào về câu hỏi này, tôi đưa ra một định nghĩa về từ 'sát na' của một vài trường phái Phật giáo thời kỳ đầu.

"Thời Gian" Được Diễn Tả trong Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá (Abhidharmakośa)

Khoảng thời gian của sát na là gì? Điều này đã đề cập đến trong đoạn trước rằng, sát na là một chốc lát đơn lẻ của ý niệm (*ekacitakkahaṇika*). Nhưng ý niệm đơn lẻ này có thể được đo lường là bao lâu. Chúng ta có thể dùng một khoảng thời gian rất nhỏ là 'giây' để đo lường sát na. Ông Louis de la Vallée Poussin, khi nghiên cứu kỹ lưỡng về vấn đề này, ông đã diễn tả rằng: "Trong Phật giáo, cũng giống như trong tất cả thế giới, từ sát na được hiểu như là một khoảng thời gian rất ngắn, nếu chúng ta so sánh với thời gian của ngày, đêm, hoặc giờ. Vì thế, để có được khoảng thời gian chính xác của một sát na, chúng ta cần so sánh khoảng thời gian của nó với khoảng thời gian của một giây. Theo Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ thì 120 *kṣaṇa* (sát na) = 1 *tatṣaṇa*, 60 *tatṣaṇa* = 1 *lava*, 30 *lava* = 1 *muhūrta*. Vì thế, 1 *kṣaṇa* = 0,013333 giây (6).

Hơn nữa, sát na (*kṣaṇa*) được trình bày trong *Sārdūlakarṇa* có hơi khác: 16 *mimeṣas* = 1 *kāsthā*, 16 *kāsthās* = 1 *kalā*, 64 *kalās* = 1 *muhūrta*. Trong *Manu*, 18 *mimeṣa* = 1 *kāsthā*, 30 *kāsthās* = 1 *kala*, 30 *kalas* = 1 *muhūrta*. Những sự đo lường này có một vài khác biệt trong một số trường phái như *Puranas*, *Kautiliya* và *Bhasakara*. Họ đưa ra: 100 *truṭis* = 1 *tatpara*, 30 *tatparas* = 1 *nimeṣa*, 18 *nimeṣas* = 1 *kāsthā*. Theo Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, có 65 sát na (*kṣaṇa*) trong khoảng thời gian một người lực sĩ khỏe mạnh khảy ngón tay (7).

Sự Đo Lường của Sát Na Theo Kinh Lượng Bộ

Ngài Thế Thân đã đề cập đến trong Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá rằng: Nếu các duyên hội đủ (*pratyaya*), thời gian cần thiết để một pháp (*dharma*) sinh khởi, hay nói đúng hơn, thời gian để cho một pháp (*dharma*) diễn tiến từ một nguyên tử này (*paramāṇu*) đến một nguyên tử khác (*paramāṇu*) (8), ngài Thế Thân đã đưa ra một định nghĩa khác về sát na, đó là: "Sát na, hay là chốc lát, là khoảng thời gian mà những đặc tính đạt được sự hoạt dụng của nó".

Tuy nhiên, Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ xây dựng học thuyết của họ dựa trên một sự khảo xét khác, và sự khảo xét ấy được xem là gần với giáo lý của đạo Phật hơn. Họ cho rằng, cùng một người không thể nào trong cùng một lúc mà vừa hoàn thành một hành động (*karma*-ngiệp) vừa nhận kết quả mà hành động ấy đưa đến (*vipākaphala*). Khi một hành động là một thứ thuộc về tương lai, và khi đương sự nhận lấy kết quả từ một hành động gây ra trong quá khứ. Vì thế, nếu những thứ thuộc quá khứ và tương lai không tồn tại, những hành động trong quá khứ cũng không hiện hữu, không thể tạo ra quả. Có lẽ phải thú nhận sự táo bạo của tư tưởng này, trong trường hợp này nó đã rất khéo léo. Bởi vì đạo Phật không chấp nhận tất cả những thực thể cá nhân, giống như "*ātman*" (ngã) ở trong Áo Nghĩa Thư (*Upaniṣads*) và "*jīva*" (linh hồn bất tử) của đạo Ni Kiền Tử, có thể hoạt động như là sự hỗ trợ cho cấu trúc của sự đáp trả về những hành vi đã tạo (9).

Những trường phái khác không chấp nhận học thuyết về tính giả tạm của mọi sự vật, hiện tượng. Trong số đó, phái Thượng Tọa Bộ (*Theravādin*) chú ý đến sự thật rằng đại địa, đại dương, vua của tất cả những ngọn núi, nước, lửa, gió, cỏ, rừng núi, cây cối kéo dài lâu hơn một sát na đơn lẻ của ý niệm (10). Thật ra đây là một sự khảo xét khách quan của Thượng Tọa Bộ về khoảng cách của thời gian. Họ chỉ xem xét đến khía cạnh bên ngoài của sự vật mà không chú ý đến những thuộc tính bên trong sự vận hành của các sự vật.



Đối với Kinh Lượng Bộ (*Sautrāntika*) và Thí Dụ Bộ (*Dārṣṭānika*), học thuyết của họ mềm dẻo hơn, họ đã tiếp cận những điều khó khăn này một cách khéo léo. Về phía Thí Dụ Bộ thì khẳng định chắc chắn rằng, những nét đặc trưng của những phức hợp không phải là những thực thể (*dravya*) vì chúng được bao gồm ở trong những phức hợp bị tách rời ra của ý thức (*cittaviprayuktasamskāra*), ví dụ như những khái niệm trừu tượng không có thực chất bên trong (11). Hơn nữa, theo họ thì sát na là sự trống rỗng của ba thuộc tính: sinh thành, hủy hoại và chấm dứt, bởi vì nó sở hữu chúng, nó phải được sinh ra, bị hủy hoại và chấm dứt tất cả cùng một lúc, điều này rõ ràng là không thể được (12).

Về phía Kinh Lượng Bộ (*Sautrāntika*) thì nhận ra đặc tính về khoảng thời gian (*sthiti*), nhưng cũng như Thượng Tọa Bộ, chỉ là sự cải biến về điều đó mà thôi (*sthityanythātva*) (13). Trong những học thuyết của họ có một lượng nhất định về thuyết tiến hóa, đối nghịch với tính cấp thời thuần túy của phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (*Sarvāstivādin*). Xu hướng này lại được tìm thấy trong *Thành Duy Thức Luận* (*Vijñapti-mātratāsiddhi*), theo đó thì những đặc tính ấy có thể không chỉ là một sát na mà còn là một duyên kéo dài nhất định (14). Vì thế, dường như họ đã điều chỉnh quan điểm này từ sự kết hợp giữa ý tưởng của Thuyết nhất thiết hữu bộ (*Sarvāstivādin*), những người cho rằng những đặc tính là tương ứng với sát na, và ý tưởng đối nghịch của Chánh Lượng Bộ (*Sammatīya*), cho rằng những đặc tính ấy tương ứng với một duyên kéo dài (15). Thật ra thì dường như Thí Dụ Bộ (*Dārṣṭānika*), trường phái đã đem lại giá trị thật cho sát na, ví dụ như sự thật của khoảng thời gian, cũng là những người thuộc thuyết tiến hóa. Họ giữ quan điểm đối lập với Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (*Sarvāstivādin*), rằng những sự vật sinh khởi dần dần chứ không phải cùng một lúc (16).

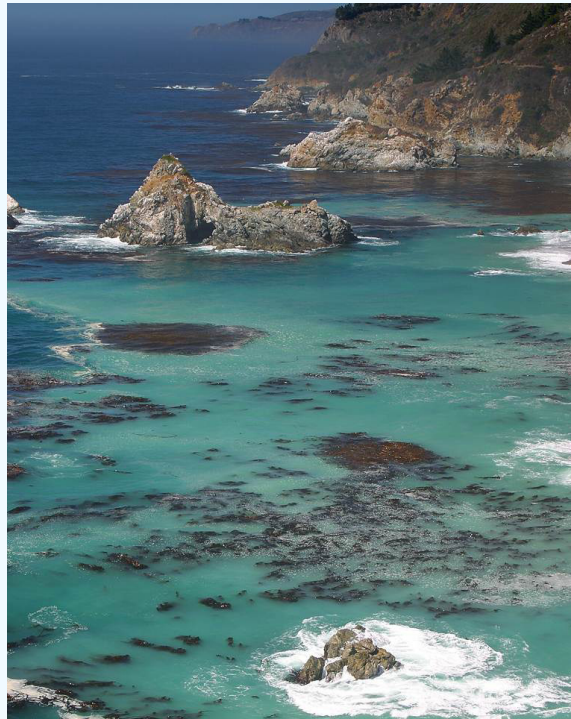
Tuy nhiên, những học thuyết của các trường phái ấy đều có chung một đặc điểm, đó là khó hiểu, nhưng lại có vẻ mâu thuẫn với học thuyết trước đây, khi nó cho rằng không có một sát na chính xác của sự sinh thành, cũng không có sát na chính xác của sự chấm dứt; vì thế, trong trường hợp của những phức hợp, chỉ có hai lần mà ở đấy chúng chưa được sinh ra, và ở đấy chúng đã được sinh ra, hoặc là ở đấy chúng chưa chấm dứt, và ở đấy chúng đã được chấm dứt (17).

Chỉ có hai trường phái mà sự phán đoán của họ về bản chất của sát na làm cho chúng tôi yên tâm, đấy là Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (*Sarvāstivādin*) và Thí Dụ Bộ (*Dārṣṭānika*), vì họ giữ những quan điểm hoàn toàn đối lập nhau. Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (*Sarvāstivādin*) thì thiếu thận trọng khi lấy chủ nghĩa sát na triệt để làm một trong những nền tảng cho học thuyết của họ, điều này đã đưa đến việc giới thiệu quá nhiều yếu tố trong sát na, sự nâng lên, sự dày lên, sự nặng lên của một nguyên tử của thời gian với tất cả những tiềm năng của nó, tính hiệu quả của

khoảng thời gian. Như là một sự phản ứng đối với điều này, Thí Dụ Bộ (*Dārṣṭānika*), đưa ra về trước của một phương trình (sát na = 0), rồi bị kẹt cứng vào nó, không chịu nhìn thấy thứ gì khác ở trong sát na, ngoại trừ sự vô dụng của nó, và điều này đã kéo họ trở lại với quan điểm tiến hóa, một quan điểm có tính chính thống hơn và phổ thông hơn (18).

"Thời Gian" Được Diễn Tả Như Là: Quá Khứ, Hiện Tại và Tương Lai

Một trong những triết gia Ấn Độ đã thể hiện khái niệm thời gian qua quá khứ, hiện tại và tương lai là Buddhadeva. Mặc dù vậy, chúng ta không thể tiếp cận với những công trình nghiên cứu của ông qua ngôn ngữ Sanskrit hoặc tiếng Hoa, hay là những bản dịch tiếng Tây Tạng của Buddhadeva, chúng ta vẫn phải nghiên cứu lời giải thích về khái niệm thời gian ở trong *Vibhāsa* (19). Đoạn văn sau được trích từ *Luận Tỳ Bà Sa* (*Vibhāṣā*) sẽ cho chúng ta thấy



quan điểm thời gian của Buddhadeva: "Một pháp (*dharma*) lưu chuyển trong ba thời gian, đó là quá khứ, hiện tại và tương lai, và nó phụ thuộc lẫn nhau từ những sát na trước đến sát na sau. Giống như cùng một người phụ nữ mà khi thì được gọi là "mẹ", khi thì gọi là "con gái". Do vậy, với sự liên hệ đến trước và sau, khi có thứ gì đó là trước so với một pháp (*dharma*) nhưng không có gì phía sau nó thì đấy là pháp (*dharma*) thuộc về tương lai, khi có cả trước và sau, thì đấy là pháp thuộc hiện tại, và khi có một thứ gì đó đằng sau nhưng không có ở trước thì pháp đó thuộc về quá khứ".

Những quan điểm về thời gian của Buddhadeva ở đây được trình bày hơi khác so với trong A-tỳ-đạt-ma Đăng Luận (*Abhidharmadīpa*) và trong Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá (*Abhidharmakośa*). Trong A-tỳ-đạt-ma Đăng Luận thì cho rằng, một pháp lưu chuyển trong ba thời gian, gọi là một

pháp hoặc một pháp khác phụ thuộc vào trước hoặc sau. Pháp này không tùy thuộc vào sự thay đổi của duyên hoặc của bản chất cốt yếu. Cũng giống như một người phụ nữ được gọi là mẹ hay con gái là tùy thuộc vào trước và sau (20). Trong lời luận bàn của *Yośamitra* về Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá (*Abhidharmakośa*) thì ghi rằng, thời gian được gọi tên bởi sự phụ thuộc lẫn nhau vào trước và sau. Điều này có nghĩa là thời gian được gọi là hiện tại, tương lai và quá khứ như là kết quả của sự phụ thuộc vào trước và sau. Nó được gọi là tương lai trong sự phụ thuộc vào sự thật rằng hiện tại và quá khứ ở trước nó. Nó được gọi là hiện tại vì phụ thuộc vào sự thật rằng quá khứ ở phía trước và tương lai ở phía sau. Và nó được gọi là quá khứ vì phụ thuộc vào sự thật rằng hiện tại hay tương lai đều đến sau (22).

Cuối cùng, theo Buddhadeva, quá khứ, tương lai và hiện tại là dựa vào các mối liên hệ (*anyonya*) với cả hai phía, cùng một thứ là quá khứ trong mối liên hệ với những



gì đi theo sau nó, và tương lai trong mỗi liên hệ với những gì đã diễn ra trước nó. Như chúng ta có thể thấy, bản thân quá khứ, hiện tại và tương lai không được Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ (*Sarvāstivādin*) xem như là những vật, mà là những phương thức của sự tồn tại, là những trạng thái, những thuộc tính, vị thế, những mối liên hệ tương hỗ. (23)

Xuyên suốt lịch sử triết học Ấn Độ, Buddhadeva được những người theo thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ trích dẫn chỉ để bác bỏ học thuyết thô thiển của Vasumitra. (24)

"Thời Gian" Được Diễn Tả trong Trung Luận của Ngài Long Thọ

Trong *Trung Luận* (*Mādhyamika*) ngài Long Thọ (*Nāgārjuna*) không dùng các thuật ngữ quá khứ, hiện tại, tương lai để khảo xét về 3 thời gian. Thay vì vậy, Ngài dùng 3 mối liên hệ thời gian, đó là 'sớm hơn', 'muộn hơn' và 'cùng lúc với'. Quả thực Ngài cố gắng diễn tả rằng, sản phẩm của những thứ cụ thể là không thể có, bởi vì nó không thể xuất hiện trong bất cứ phút chốc nào cả và tại vì mỗi liên hệ thời gian giữa những sự kiện không thể nào thiết lập được. Trong chương 11 của *Trung Luận* (*Mādhyamika*), ngài Long Thọ (*Nāgārjuna*) phát biểu: "Tất cả các pháp đều là không. Tại sao? Tại vì chúng không sớm hơn, không muộn hơn, cũng không phải cùng lúc như một hiệu ứng. Khi nó được gọi là 'sớm hơn', 'muộn hơn' và 'cùng lúc với', những sự kiện như thế là không thể có. Làm sao các sự kiện có thể được tạo ra bởi các nguyên nhân? Cho rằng một nguyên nhân có trước một kết quả là không đúng. Tại sao? Nếu một nguyên nhân tồn tại sớm hơn và từ đó mà một kết quả được tạo ra muộn hơn, ở đó ngay từ đầu đã không có kết quả thì cái gì là nguyên nhân của nó? Nếu một kết quả có trước một nguyên nhân, thế thì kết quả vốn đã được thiết lập ngay khi không có nguyên nhân, vậy thì tại sao nó cần đến một nguyên nhân? Nếu một nguyên nhân và một kết quả tồn tại cùng lúc, ở đó sẽ không có sản phẩm thuộc về nhân quả. Ví dụ, những cái sừng của con bò được mọc ra cùng lúc; sừng bên trái và sừng bên phải không phải là nguyên nhân của nhau. Cho nên cái gọi là nguyên nhân không thể là kết quả của nguyên nhân, bởi vì chúng được tạo ra cùng một lúc. Vì thế, ba mối quan hệ thời gian giữa nguyên nhân và kết quả là không có thể đạt được". (23)

Rõ ràng là sản phẩm thuộc về nhân quả phải được thể hiện trong những mối liên hệ thời gian nhất định: một nguyên nhân sẽ là sớm hơn, muộn hơn, hoặc là cùng lúc với một kết quả. Nhưng ngài Long Thọ muốn chỉ ra rằng, tính trước, sau và cùng lúc của những khoảng khắc thời gian đều là không, cho nên chức năng của sản phẩm nhân quả không thể được thiết lập. Bởi vì nhân quả là không, tất cả mọi pháp đều không. Bởi vì tất cả mọi thứ đều là những nguyên nhân và kết quả. Ngài Long Thọ nhắm đến việc chứng minh rằng tất cả mọi pháp đều không. Bởi vì tất cả đều bị thiếu những bản chất của chính nó, chúng phụ thuộc lẫn nhau. Đây chính là học thuyết Duyên Khởi (*pratītyasamutpāda*) được trình bày trong *Trung Luận* (*Mādhyamika*) của ngài Long Thọ.



"Thời Gian" Được Diễn Tả trong Kinh Vua Milinda Vấn Đạo

Vua Milinda Vấn Đạo (*Milindapañha*) cho chúng ta thấy có sự tiến bộ rõ rệt về mỗi quan tâm đến vấn đề thời gian. Vua Milinda hỏi Tỳ-kheo Na Tiên khá chi tiết về vấn đề này, và được trả lời rằng, có thời gian thuộc về quá khứ, hiện tại và tương lai. Khi nghiên cứu về khái niệm thời gian trong *Vua Milinda Vấn Đạo*, ông A.B. Keith phát biểu: "Điều này được giải thích trong ý nghĩa có những sự sắp đặt (*saṃkhāra*) (25), là quá khứ trong ý nghĩa đang bị chấm dứt sự tồn tại hoặc là đang bị tan rã, hoặc là hoàn toàn đã thay đổi; đối với chúng thời gian là không. Nhưng cũng có những duyên mà bây giờ đang tạo ra kết quả; hoặc ngược lại, những duyên ấy sẽ dẫn đến sự tái lập cá thể, đối với những duyên ấy thì thời gian là có. Đối với những người chết đi rồi sau đó tái sanh thì có thời gian, còn đối với những người chết đi mà không còn tái sanh nữa thì không có thời gian; và với những người hoàn toàn được giải thoát nhờ đạt đến Niết bàn (*Nirvāṇa*) và chỉ có thân thể của họ bị chết đi thì ở đó thời gian tuyệt nhiên không có".

Hơn nữa, rõ ràng là không có khả năng tìm ra điểm khởi đầu của thời gian, hoặc là điểm tốt cùng trong quá khứ; điều này được làm rõ thông qua phép loại suy về hạt giống, trái cây, hạt giống; quả trướng, con gà mái, quả trướng; và cái vòng của mắt, màu sắc, sự nhìn, sự tiếp xúc, cảm giác, sự mong muốn, hành động và những kết quả của hành động, và một con mắt trong sự sinh ra ở tương lai. Cuối cùng, Tỳ kheo Na Tiên nhấn mạnh khi phản đối ý kiến của vua cho rằng, có thể có sự gián đoạn giữa hiện tại và quá khứ, và tương lai thì tiếp diễn không ngừng. Điều đó không thể có được, quá khứ đã chuyển tiếp đến hiện tại và hiện tại chuyển tiếp đến tương lai (26).

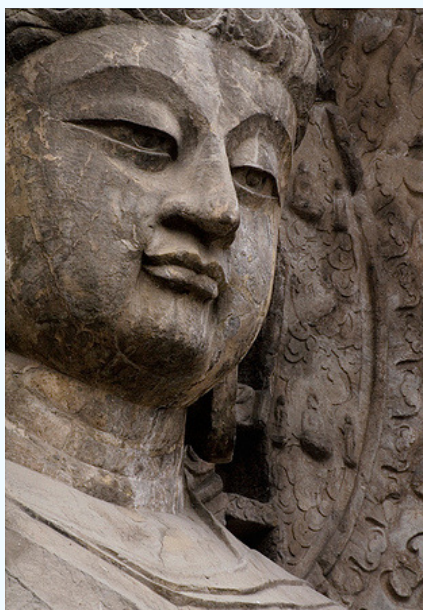
A.B. Keith tin rằng, những ý tưởng trong *Vua Milinda Vấn Đạo* xuất hiện dưới một hình thức khác ở trong *Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá* (*Abhidharma-kośa*). *Những người theo Nhất Thiết Hữu Bộ vẫn vững tin với việc duy trì sự tồn tại của mọi thứ trong quá khứ, hiện tại và tương lai, trong khi những người theo Phân Biệt Thuyết Bộ* (*Vibhajyavādins*) thì *phân biệt phương thức bình thường của chúng giữa: (1) những yếu tố hiện tại và những gì trong quá khứ chưa tạo ra quả, những thứ đó là hiện hữu; và (2) những yếu tố tương lai và những thứ trong quá khứ đã tạo ra quả, những thứ đó là không hiện hữu* (27).

"Thời Gian" Được Diễn Tả trong Kinh Điển Đại Thừa

Thời gian được diễn tả trong kinh điển Đại thừa (*Mahāyāna*) có thể xem xét từ quan điểm về ba thời: quá khứ, hiện tại và tương lai đối với những kiếp của thời gian trong một hệ thế giới. Quan điểm này được xem là đặc biệt trong Tam Tạng Kinh Điển bằng chữ Hán. Lewis R. Lancaster cho rằng, trong những kinh điển Đại Thừa ở thời kỳ đầu, khi bàn về thời gian (*adhvan*) người ta không đề cập đến khái niệm này ở dạng số ít mà chỉ ở dạng số nhiều (3 thời: quá khứ, hiện tại và tương lai): "Vấn đề ba thời đã khiến nhiều học giả Phật giáo bế tắc một thời gian dài trước khi có sự thăng tiến trong kinh điển Đại Thừa và



những trường phái Đại Thừa, như những người theo thuyết Thí Dụ Bộ (*Dārṣṭānika*) đã phát biểu: “Ba thời hiện hữu và thường còn trong khi những thực thể do duyên sinh và biến chuyển qua 3 thời thì vô thường. Họ đã diễn tả quan điểm của họ bằng cách đưa ra phép loại suy về ba căn nhà liền kề nhau. Từ căn nhà thứ nhất một người xuất hiện và đi qua căn nhà thứ hai, có nghĩa là người đó đã từ bỏ tương lai và đi vào hiện tại, rồi người đó đi từ căn nhà thứ hai sang căn nhà thứ ba, có nghĩa là anh ta đã đi từ hiện tại đến quá khứ. Người ấy là vô thường và là nhân tố chuyển đổi trong khi ba căn nhà thời gian thì cố định và luôn sẵn sàng đón nhận dòng chảy liên tục của những thứ vô thường (28).



Rõ ràng thời gian được trình bày trong kinh điển Đại Thừa khó hiểu hơn trong Phật giáo Nguyên Thủy. Kinh điển Đại Thừa chỉ đơn thuần phát biểu về những gì đã được hiểu và được Đức Phật thừa nhận (29), mà không trình bày như một vấn đề để được xác chứng hay là bác bỏ những khái niệm về thời gian trong Phật giáo Nguyên Thủy, chỉ là lời phát biểu về thời gian là gì. Đức Phật, một đấng Giác Ngộ, Ngài biết tất cả mọi vấn đề, với năng lực siêu nhiên đã được phát triển thông qua thiền định (*samādhi*), đối với vấn đề này Ngài có thể nhìn xuyên suốt và hiểu rõ bản chất cũng như cốt tủy của ba thời. (30)

Khi khái niệm ba thời được nhìn theo cách đặc biệt này, chúng được xem như là bình đẳng, không phân biệt, không chia cắt. Những thời gian ấy không đối chọi với nhau, bởi vì ở đó không có thứ gì trong hiện tại là khác hay tách biệt với tương lai. Đây là trường hợp mà trong các kinh thường diễn tả, đối với những người thiếu sự hiểu biết, ba sự phân chia về thời gian, ba dấu hiệu đặc trưng của thời gian đều bị giới hạn trong trần thế này; nhưng ở một mức độ cao hơn, mức độ siêu việt, những dấu hiệu ấy tỏ ra là một sự ảo tưởng. Vì thế, Đức Phật dạy rằng, ba thời chỉ sở hữu một dấu hiệu, dấu hiệu của sự thiếu các đặc tính để phân biệt (31).

Trong Đại Trí Độ Luận, luận về Bát-nhã Ba-la-mật-đa (*prajñā-pāramitā*) do Ngài Cưu Ma La Thập biên soạn, phát biểu rằng, những ai không có Chánh Biến Tri sẽ gặp chướng ngại khi họ cố gắng có được sự nhận thức về ba thời (32). Nó vượt ra ngoài khả năng của người bình thường. Hơn nữa, trong *Kinh Hoa Nghiêm* (*Avataṃsaka-sūtra*) chỉ ra rằng, vũ trụ của chúng ta là một trong số hàng ngàn vũ trụ của các hệ thế giới. Tất cả những thế giới này không có chung một cấp độ, cho nên thế giới mà chúng ta đang sống được bao trùm bên trong một cảnh giới khác, nếu nó mở rộng ra thì vượt ra ngoài những gì chúng ta có thể hiểu được. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả: “Nếu chúng ta thêm vào tất cả những ngày và đêm của những hệ thế giới cho đến tổng số là một kiếp (*kalpa*), vô số năm này bằng một ngày một đêm ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Và nếu người nào sống ở cảnh giới của Phật A Di Đà (*Amitābha*) một kiếp thì bằng một ngày một đêm ở cõi Kim Cang Tát Đòa (*Vajrasaṃhata*), và một kiếp (*kalpa*) ở cõi Kim Cang Tát Đòa thì bằng một ngày một đêm ở cõi Pháp Tướng (*Dharmaketu*), và cứ như vậy cho đến hàng trăm, hàng triệu cảnh giới chư Phật”. (33)

Và thế là các kinh lại một nửa đưa chúng ta trở về với sự trống rỗng của thời gian, cũng như là sự khó hiểu của

nó, sự vắng mặt những dấu hiệu nhận dạng. *Kinh Hoa Nghiêm* còn chỉ ra rằng, khi Đức Phật nhập vào chánh định (*samādhi*) thì Ngài thấy tất cả ba thời đều bằng nhau và như nhau. (34)

Ở đây, thời gian được hiểu như là toàn bộ sự kéo dài của thực tại. Nó không phải là một khoảng thời gian ngắn như là sát na (*kaṣaṇa*) đã được diễn tả trong Phật giáo Nguyên Thủy (*Theravāda*) và trong Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá. Vì thế, khái niệm thời gian ở trong kinh điển Đại Thừa có thể được định hình chỉ khi sự thay đổi trong thực tế hay là sự tiếp nối của những sự kiện được diễn ra trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Nếu vắng mặt sự thay đổi trong ý nghĩa về tính tạm thời thì ở đó sẽ không có khái niệm thời gian. Thời gian trong ý nghĩa này là một khái niệm phát sinh. Ở cấp độ thực tại tuyệt đối (*tathatā*), không có sự thay đổi nào được thừa nhận, dù là trong Đại Trí Độ Luận, luận về Bát-nhã ba-la-mật-đa của ngài Cưu Ma La Thập (*Kumārajīva*) hay là trong *Cứu Cánh Nhất Thừa Luận* (*Uttaratantra*) của Ngài Di Lặc (*Maitreya*). Do vậy, nếu thời gian thiếu những dấu hiệu nhận dạng, làm sao chúng ta có thể nói có thời gian? Khi Lancaster nói rằng: “Nó là thực tại toàn thể, là vũ trụ đích thực”, ông ấy xem thời gian như là toàn bộ sự kéo dài của thực tại. (35)

Sát Na Liên Quan Đến Ý Nghĩa của Cuộc Sống

Thông qua những nghiên cứu về một vài nguồn tư liệu chính yếu bàn về quan điểm thời gian trong Phật giáo, chúng ta có thể có được sự hiểu biết căn bản về khái niệm sát na (*kaṣaṇa*). Trong Phật giáo Nguyên Thủy, sát na được diễn tả như là ‘duyên’, và ‘thời gian’ hay là ‘tính nhất thời (*khaṇa*)’. Như thế, khái niệm về thời gian trong Phật giáo Nguyên Thủy chỉ ra rằng, mạng sống rất là ngắn ngủi. Vì vậy, hành giả phải luôn ý thức về mỗi sát na để thực hành những hạnh lành (*dhamma*). Hành giả cần phải dành nhiều thời gian cho việc thực tập giáo pháp để có được lợi ích cho tự thân và tha nhân. Hơn nữa, mặc dù sát na (*kaṣaṇa*) chỉ kéo dài trong phút chốc (*ekacittakhaṇitka*), nhưng những thiện nghiệp mà chúng ta đã tạo sẽ đem đến những quả lành trong tương lai gần, nếu chúng ta thực hành giáo pháp (*dhamma*) liên tục từ sát na này đến sát na khác.

Theo như trong luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá (*Abhidharmakośa*) thì một sát na là bằng 0,01333 giây, còn trong luận A-tỳ-đàm (*Abhidhārmika*) thì khoảng thời gian mà một lực sĩ khảy ngón tay là bằng 65 sát na (*kaṣaṇa*). Đây là khoảng thời gian tối thiểu cần thiết đối với những đặc điểm của sát na để có thể đạt đến những hoạt dụng của nó. Nếu không có khoảng thời gian tối thiểu cần thiết này thì các pháp (*dharmas*) không bao giờ được hình thành. Từ những quan điểm của Buddhadeva, thời gian được diễn tả thông qua quá khứ, hiện tại và tương lai đối với một pháp, tạo thành một vòng tròn. Đến ngài Long Thọ (*Nāgājuna*) thì thời gian được xem như là một pháp (*dharma*). Bởi vì tất cả các pháp, chúng phụ thuộc lẫn nhau, đều không có tự tánh, chúng là không, cho nên thời gian cũng là không. Chính vì lẽ này, chúng ta không thể tìm thấy điểm khởi đầu hay là điểm kết thúc của nó. Hơn nữa, trong kinh điển Đại thừa thì chúng ta không thể nào nhận ra được thời gian vì nó vượt lên trên khả năng nhận



biết thuộc ý thức của chúng ta. Do nó thiếu những đặc tính để phân biệt nên chúng ta không thể nào thông suốt và thấu hiểu về ba thời, chỉ có Đức Phật, đấng Chánh Biến Tri, Người có được năng lực siêu phàm thông qua thiền định (*samādhi*) mới thấu hiểu được.

Cuối cùng, từ chính những kinh nghiệm cá nhân của chúng tôi và sự hiểu biết thông qua việc tìm hiểu về quan điểm thời gian trong kinh điển Phật giáo, chúng tôi hiểu ra rằng, sát na (*kṣaṇa*) là một khoảng thời gian rất ngắn, thậm chí là nó ngắn hơn cả khoảng thời gian mà một ý niệm sinh khởi. Tuy nhiên, nó là khoảng thời gian cần thiết để cho các pháp vận hành. Rõ ràng là dù cho mạng sống của chúng ta thọ hay yếu thì đều được cấu thành bởi những sát na đơn lẻ. Bởi vì chỉ có sát na hiện tại là có thực, cho nên chúng ta không nên lo lắng về quá khứ hay tương lai, hãy sống trọn vẹn với giây phút hiện tại với tâm chánh niệm. Làm được như thế thì trong tương lai, nhiều điều tuyệt vời, đầy hứa hẹn sẽ đến với chúng ta.

Tài Liệu Tham Khảo

Leo M. Pruden, trans., *Abhidharmakośabhāṣyam*, Asian Humanities Press, Berkeley, California, 1988
 Sasaki, Genjun H., 'The Time Concept in Abhidharma' *Proceedings of the 26th International Congress of Orientalists*, New Delhi, 1964.
 Bareau, André, 'The Notion of Time in Early Buddhism', *East and West* 7, 1957.
 Louis de la Vallée Poussin, 'Documents d'Abhidharma: la controverse du temps' *Mélanges chinois bouddhiques* 5, 1937.
Mahāvibhāṣā, T.1545
 Paul Villiams, 'Buddhadeva and Temporality', *Journal of Indian Philosophy* 4, 1977.
 P.S. Jaini, ed., *Abhidharmadīpa with Vibhāṣāprabhāṛitti*, Kashi Jayaswal Research Institute, Patna, 1959
 U. Wogihara, ed., *Sphuṭārthā Abhidharmakośavyākhyā by Yaśomitra*, Part 2.
 Hsueh-li Cheng, trans., *Nāgārjuna's Twelve Gate Treaties*, D. Reidel Publishing Company, Dordrecht: Holland / Boston: U.S.A. / London: England, 1982.
 A. B. Keith, 'The Doctrine of Reality (The Nature of Time)', *Buddhist Philosophy in India and Ceylon*, Oxford University Press, 1923.
 Lewis R. Lancaster, 'Discussion of Time in Mahāyāna Texts' *Philosophy East and West* 24, 1974.
 H. D. Prasad, *Essays on Time in Buddhism*, First Edition, Mehra Offset Press, Darya Ganji, Delhi, 1991.
Taiśho Buddhist Tripitaka (T), 100 volumes.

8. Ibid., p.474
 9. Andre Bareau, 'The Notion of time in Early Buddhism', *East and West* 7, p.358
 10. *Mahāvibhāṣā*, T.1545, pp.198a-977b
 11. *Mahāvibhāṣā*, T.1545, pp.198a-977b
 12. Ibid., p.200a
 13. La Vallée-Poussin, *Abhidharmakośa*, II, pp.223-224
 14. La Vallée-Poussin, *Vijñaptimātratāsiddhi* p.67
 15. Ibid., p.67
 16. *Mahāvibhāṣā*, T.1545, pp.270a-463a
 17. Ibid; p.141b and 919b
 18. Andre Bareau, 'The Notion of Time in Early Buddhism', *East and West* 7, p.354
 19. Paul Williams, 'Buddhadeva and Temporality', *Journal of Indian Philosophy* 4, 1977, p.279
 20. P.S. Jaini, ed., *Abhidharmadīpa with Vibhāṣāprabhāṛitti*, p.260 (*dharmo'dhavasū pravartamānasyā (-mānaḥ) pūrvāparamavekṣyānyathā coyate / naivāsya bhāvānyanthātvam bhavati drāyānyathātvam vā / yathāikā strī pūrvāparamapekṣya mātā coyate duhitā ca*)
 21. U. Wogihara, ed., *Sphuṭārthā Abhidharmakośavyākhyā by Yaśomitra*, Part 2, p.470. (*pūrvāparamapekṣānyonya ucyata iti / pūrvam aparaṃ cāpekṣyātītā'nagatavartamānā ucyamta ity arthaḥ / pūrvam evātītam vartamānam vā'pekṣyānāgata iti / pūrvam vātītam aparaṃ vā'nāgatam apekṣya vartamāna iti / aparaṃ eva vartamānam anāgatam vā'pekṣyātīta iti /*)
 22. Andre Bareau, 'The Notion of Time in Early Buddhism' *East and West* 7, p.356
 23. Paul M. Williams, 'Buddhadeva and Temporality', *Journal of Indian Philosophy* 4, 1977, p.291
 24. Hsueh-li Cheng, trans., *Nāgārjuna's Twelve Gate Treaties*, p.101
 25. A. B. Keith, 'The Doctrine of Reality (The Nature of Time)', *Buddhist Philosophy in India and Ceylon*, pp.163-164
 26. Ibid; p.164
 27. Ibid; p.165
 28. Lewis R. Lancaster, 'Discussion of time in Mahāyāna Texts' *Philosophy East and West* 24, p.209
 29. T.228, p.630c; T.234, p.747c; T.1509, p.225a; and T.310, p.291b
 30. T.234, p.747c; T.225, p.507c; T.279, p.648b; and T.657, p.166b.
 31. Lewis R. Lancaster, Ibid., p.209
 32. T.1509, p.255a
 33. T.279, p.241a
 34. T.1059, p.306c; T.225, p.507a and T.279, p.684b.
 35. H.D. Prasad, *Essays on time in Buddhism*, pp.xviii-xix.

oOo

Mời đọc bản Anh ngữ của cùng tác giả: **"FROM STUDYING THE CONCEPT OF TIME IN BUDDHISM TOWARDS UNDERSTANDING THE MEANING OF LIFE"**
 sẽ đăng ở số 2 (tháng 01.2012)



1. Bằng cách sử dụng thuật ngữ "Phật giáo Nguyên Thủy", tôi cố gắng tránh dùng thuật ngữ "Phật giáo Tiểu Thừa - Hināyāna". Bởi vì danh từ "Phật giáo Tiểu Thừa - Hināyāna" hiện nay nó khá nhạy cảm khi chúng ta sử dụng nó, chúng ta có thể làm khó chịu cho những người đang thực tập theo truyền thống này.
 2. Leo M. Pruden, Trans. *Abhidharmakośabhāṣyam*, p. 238
 3. Sasaki, Genjun H., 'The Time Concept in Abhidharma' *Proceeding of the 26th International Congress of Orientalists*, pp.471-472.
 4. Bareau, André, 'The Notion of Time in Early Buddhism' *East and West* 7, p.353
 5. Ibid., p.353
 6. Louis de la Vallée Poussin, 'Documents d'Abhidharma: la controverse du temps' *Mélanges chinois bouddhiques* 5, p.140
 7. Leo M. Pruden, trans., *Abhidharmakośabhāṣyam*, p. 474



Ngôi chùa cổ trên đồi Trại Thủy

NGUYỄN SIÊU

Cổng chùa khép lại. Khách thập phương đã về. Trong tĩnh thất, ngọn đèn dầu leo lét, bất động trên bàn Phật, cháy suốt ngày lẫn đêm, tạo thành một không gian tĩnh mịch, u huyền. Nơi đó, sáng chiều hai buổi đều đặn lời kinh Kim Cang được trì tụng từ vị sư già nghe mà thẩm thía, siêu thoát làm sao: "Hy hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát. Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhen phát A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề tâm, vân hà ứng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?" Thật là hy hữu thay, bạch Đức Thế Tôn! Đức Như Lai hay khéo hộ niệm cho các vị Bồ Tát, khéo phó chúc cho các vị Bồ Tát. Bạch Đức Thế Tôn! Người thiện nam, kẻ thiện nữ phát khởi tâm Bồ đề cầu chứng quả vị vô thượng chánh đẳng, chánh giác, thì làm sao tâm được an trụ, tâm được hàng phục?

Cứ thế, lời kinh khi trầm, khi bổng, lúc nhặt, lúc khoan, hòa cùng tiếng chuông gia trì thấm sâu vào lòng người sống trong ngôi chùa cổ thăm lặng bao thời gian. Dù đêm mưa ngày nắng; dù mùa hạ, mùa đông cuộc sống tương chửa, chao mặn vẫn thanh như mây trời giăng giăng trên đồi Trại Thủy.

Có ai, khách thập phương một lần viếng thăm ngôi chùa cổ sẽ cảm nhận được từng lối mòn rêu phong, từng vách đá xám xỉ theo năm tháng, từng vách tường vôi loang lổ đã được xông ướp bao lời kinh, tiếng kệ, bao hình ảnh thâm trầm, từ tánh đức từ bi của những vị sư già chân tu, thật đức.

Khuya nay, chú tiểu đóng chuông, đã đọc lời kệ rằng:
"Nguyện thứ chung thính siêu pháp giới
Thiết vi u ám tất giai văn
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông
Nhất thiết chúng sanh thành chánh giác..."

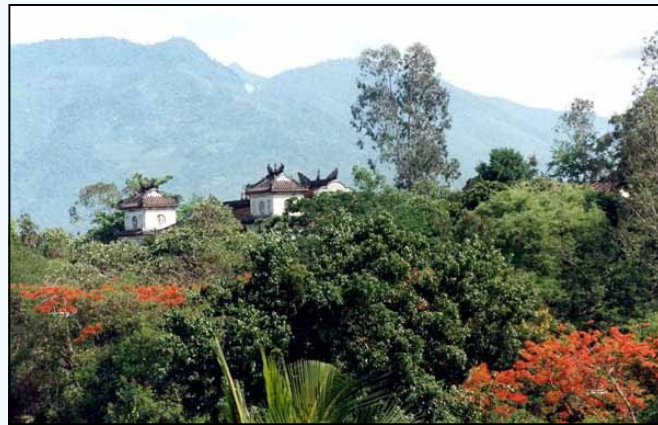
Dịch:
Nguyện tiếng chuông này siêu pháp giới
Thiết vi u ám tất đều nghe
Nghe rồi thanh tịnh chứng viên thông
Tất cả chúng sanh thành chánh giác.

Tiếng chuông đã đi vào lòng người dân Phương Sài, Phước Hải, Xóm Xường... một cách êm đềm, an tịnh. Người dân họ sống theo giờ giấc của tiếng chuông chùa cổ để thức dậy gồng gánh, bán buôn. Đúng là Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa thế gian để có Phật pháp. Hình ảnh mái chùa, câu kinh lời kệ, tiếng chuông nhịp mõ đã bao đời nuôi lớn những tâm hồn Phật sống chung quanh dưới chân núi. Gầy dựng, bồi đắp niềm tin yêu nơi Phật pháp, người dân làng đem sức sống của mình để cúng dường từng thúng khoai, thúng nếp cho chùa, ủng hộ chúng Tăng. Ấy là tấm lòng, là niềm tin nơi Phật pháp. Thời gian có xóa nhòa qua bao cuộc vô thường thiên biến nhưng tấm lòng hộ pháp của dân làng quanh ngôi chùa cổ thì bất di.

Dưới những tàng cây Bồ đề, những rặng cảnh phương vĩ, những giàn thanh long đỏ ối đã điểm xuyết cảnh vật nên thơ, dặt dẩn những tâm hồn của bao thi nhân, mặc khách đến viếng cảnh chùa mà nên câu thi phú:
"... Mõ ầm chuông ngân nhạc nhiệm mầu

*Lời kinh chưa thuộc được trăm câu
Nhưng tư tưởng niệm Nam Mô Phật
Huyền diệu thoa êm những vết sần."*
(Ngát trầm hương - Tâm Tấn)

Cũng trong tâm hồn văn chương, thi phú ấy, nhà văn Võ Hồng, tác giả "Hoa khế lưng đồi" đã viết trong truyện Màu áo nâu sồng: "Bên cạnh Hòa thượng Trí Thủ, Trí Nghiêm, tôi còn được quen với Hòa Thượng Chí Tín trụ trì chùa Long Sơn nằm sát cạnh trường Bồ Đề. Đứng bên gốc cây sứ hoa vàng nhìn xuống sân trường, nhìn đám học sinh ngây thơ nháy giỡn hay nhìn đoàn nữ sinh cầm tay nhau chậm chậm bước trên lối đi, nhìn các thầy cô giáo nghiêm trang nề nếp... tôi nghĩ rằng thầy trò chúng tôi đã ghi những nét dễ thương nơi tâm hồn Hòa Thượng. Rồi còn thầy Thích Phước Sơn, Thích Minh Tuệ... Hiệp trường của trường; rồi Thích... Thích... nhiều lắm kể sao cho đủ, kể sao cho hết. Và vậy là bao nhiêu khổ đau của cuộc đời tôi như được xoa dịu, tâm hồn tôi như được an ủi..."



Võ Văn Tường

Ấy chính là Phật pháp tại thế gian, Phật pháp tại ngôi chùa cổ trên đồi Trại Thủy đã giảng dạy cho bao tâm hồn, với đi nhiều nỗi niềm đau thương của nhân thế.

Rải rác trên những lối mòn, dưới các bóng cây rậm của những đêm trăng còn in đậm dáng dấp của vị sư già tay lần tràng hạt ung dung thả bộ, một tâm hồn thư thái, an nhiên. Tâm hồn này là sức sống, của ngôi chùa cổ mà trải qua bao thời gian vẫn ẩn tu như chửa hề xao lãng, dầu cuộc sống của thế nhân bao cuộc phũ phàng.

Đêm nay trời mưa lớn, gió từ biển khơi thổi mạnh, đập vào sườn núi làm tan tác lá hoa trên đồi, làm gãy đổ những giàn thanh long đã hết trái. Cảnh đời chuyển động. Biển đời chuyển động, dấy sóng muôn trùng lá bay, cành gãy. Điều linh của đêm mưa bão. Động! Từng sát na động! Từng phút giây động! Bản chất của thế gian, như từ vô lượng kiếp.

Tĩnh! Trong thiên thất của vị sư già, tĩnh! Tĩnh như ngọn đèn dầu yên tĩnh. Sáng mà không lay. Cháy mà không chao động, để nghe lời kinh Kim Cang của khuya nay trầm hùng, thanh thoát của vị sư già đang kiết già trên bồ đoàn:

*"Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ diệt như điện
Ứng tác như thị quán"*

Dịch: Tất cả các pháp hữu vi như giấc mộng, như huyễn hóa, như ráng nắng, như ảnh tượng, như sương mai, như điện xẹt. Cần phải thấy biết như vậy.

Mưa tạnh dần, thưa hột. Gió thổi nhẹ, mây tan. Nắng lên dần, sương ảm lá hoa triển đồi qua đêm rơi rụng. Mặt trời lên cao, vạn vật tươi mình trong nắng, tiếp tục vươn lên đầy sức sống. Ngôi chùa cổ muôn đời vẫn còn đó, còn như là chứng tích của thời gian, của bao cuộc vô thường, phũ phàng. Của bao lớp người đến đi không định, nhưng luôn vắng nghe lời kinh mầu nhiệm. Lời kinh lòng, Phật dạy khi xưa:

*Gate! Gate! Paragate! Parasam-
gate! Bodhi svaha!*



QUAN NIỆM SỬ HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư PHÁP PHẪNG**

Người dịch: **THẮNG HOAN**

(tiếp theo)

I.- PHẬT GIÁO CĂN BẢN VÀ DUY THỨC HỌC:

A.- LỜI TỰ THUẬT:

Nơi Phật Học, ai cũng đều biết có một đạo học gọi là "Tiểu Thừa". Danh xưng Tiểu Thừa thông thường đều cho rằng được xuất hiện vào khoảng sau Phật nhập diệt ba trăm năm khi Phật Giáo Đại Thừa hưng khởi. Điều đó không đúng như thế, danh xưng Tiểu Thừa sao lại không thấy trong Ba Tạng văn Pa Li, không thấy trong Kinh A Hàm Hán dịch và cũng không thấy trong Luận Hữu Bộ. Cho đến danh xưng Đại Thừa cũng không thấy đề cập đến trong các kinh luận nói trên. Tổng quát mà nhìn trước sau có thể nói, Phật Giáo Đại Thừa xuất hiện vào khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch. Các học giả Phật Giáo Đại Thừa trong thời kỳ này đều cho Phật Giáo căn bản nguyên thủy là Phật Giáo Tiểu Thừa và đồng thời tự cho mình là hạng Đại Thừa. Những học giả Đại Thừa nói trên lại "không có tên họ" trong lịch sử, nhưng sau này các nhân vật có thể đại biểu như là Mã Minh, Long Thọ và Vô Trước. Các nhân vật này đều chống lại hạng Thịnh Văn. Kinh giáo A Hàm được đánh giá, bất luận như thế nào đều không phải là ý của Phật. Danh xưng Tam Thừa, Ngũ Thừa hay Nhất Thừa cũng là do giáo đồ Đại Thừa sau này phân biệt lập ra. Khi Phật Đà còn tại thế và thời gian ba trăm năm đến bốn trăm năm sau khi ngài nhập diệt, chữ "Thừa" không bao giờ được thiết lập, mặc dù thời kỳ đó Phật Giáo bị phân hóa thành hai mươi Bộ Phái. Hai mươi Bộ Phái đều là những kẻ "uống nước nhớ nguồn", "Vạn pháp quy về một mối" và họ không có phê phán cao thấp, lớn nhỏ, cũng như không có phân biệt Nhất Thừa, Tam Thừa, v.v... Vấn đề phê phán và phân biệt sơ dĩ được thành lập quá nhiều nói trên là hoàn toàn do các học giả Đại Thừa cố ý tạo nên.

Chữ "Thừa", như Đại Thừa, Tiểu Thừa, Nhất Thừa, Tam Thừa, v.v... là sử dụng để thí dụ giá trị Phật Giáo, bao gồm cả phê phán tư tưởng ở trong. Trước hết, Sử Phật Giáo Ấn Độ được xem là giáo pháp đầu tiên. Kế đến, sáu Tông và tám Tông lần lượt được phân vị và sau này giáo pháp bị phê phán quá nhiều. Khi Phật Giáo đến Trung Quốc, học phong giáo pháp lại càng được thịnh hành. Đời Đường có

kể nói rằng "Người Hiền Triết thời xưa thiết lập Giáo Môn sai biệt không phải ít" (1). Chữ "Thừa", chữ "Tông" được phát sanh từ nơi tư tưởng, như "Thừa" như "Tông", v.v... và chữ "Thời" được thiết lập từ nơi phê phán thời gian, như "Ba Thời" "Năm Thời", v.v... Học thuyết Năm Thời, Tám Giáo, v.v... chúng ta không tin là có thể phù hợp với lịch sử. Khác nào học thuyết Đại Thừa, Tiểu Thừa, Nhất Thừa, Tam Thừa cũng giống như thế đều do các học giả Đại Thừa sau này sáng tác. Ấn Độ là quốc gia không có giảng lịch sử. Đặc biệt nhất vào thời đại thượng cổ, trước khi Phật Đà ra đời, Ấn Độ có thể nói một điểm tư chất khoa học lịch sử cũng đều không có. Mãi đến Phật Đà lập giáo về sau, lịch sử Ấn Độ tính ra thì có chiều hướng sáng sủa, mặc dù vẫn chưa được tinh tường. Hôm nay, sự nghiên cứu tư tưởng Phật Giáo Ấn Độ kể từ Đức Thế Tôn Kiều Đạt Ma (Gotama) ra đời được trình bày như sau:



B.- PHẬT GIÁO CĂN BẢN:

Các học giả Phật Giáo Trung Quốc, từ xưa đến nay vẫn thừa nhận kinh điển, không luận kinh điển Đại Thừa hoặc kinh điển Tiểu Thừa đều cho là của Phật nói. Phật Đà sở dĩ được tôn vinh là Pháp Vương vì tất cả pháp môn khác đều y chỉ nơi giáo pháp của Đức Phật để thuyết minh. Cho nên giáo pháp của Đức Phật được xếp vào loại là chủ của tất cả pháp và cũng gọi là Phật Giáo Căn Bản. Nói rộng thêm, các bộ Luận của các đệ tử sau này sáng tạo cũng đều nương tựa nơi giáo pháp của đức Phật làm căn cứ và các bộ Luận đó cũng có thể được xếp vào loại Phật Giáo Căn Bản. Nói rõ hơn, những giáo pháp trong đây được định danh là Phật Giáo Căn Bản đều chỉ cho những ngôn giáo chính của Phật Đà Thích Ca và của các đệ tử của ngài ở thời đại đầu tiên sáng lập. Còn tất cả giáo pháp thuộc kinh, luật, luận của Đại Thừa thầy đều y chỉ nơi tư tưởng ngôn giáo của Đức Thế Tôn Kiều Đạt Ma để thành lập và có mặt sau này, như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Đại Nhật, v.v... Tóm lại, những giáo pháp chính của Phật Đà Thích Ca nói ra và của các đệ tử sau này sáng lập đều được gọi là Phật Giáo Căn Bản.

Phật Đà Thích Ca Mâu Ni Kiều Đạt Ma trước khi chưa thành Phật gọi là Tất Đạt Đa, giảng sanh trong gia tộc Thích Ca tại thành Ca Tỳ La nơi Bắc Ấn Độ (nay là biên



cảnh nam bộ của nước Nê Bạc Nhĩ "Népal") vào năm 466 trước Kỷ Nguyên. Ngài xuất gia năm 437 trước Kỷ Nguyên (29 tuổi) và ngộ đạo năm 431 trước Kỷ Nguyên (35 tuổi). Khi ngộ đạo, ngài thấu triệt chân lý của vũ trụ và trở thành triết nhân duy nhất của bậc Đại Giác Ngộ. Khi thành đạo trở về sau, ngài được gọi là Thích Ca Mâu Ni Phật. Năm 386 trước Kỷ Nguyên, ngài nhập diệt lúc 80 tuổi. Phật Giáo trong 30 năm sau khi Phật Đà nhập diệt được gọi là thời kỳ Phật Giáo Căn Bản (2). Trong thời kỳ này, giáo pháp của Phật Đà thuyết giảng đều nhằm vào đối tượng xã hội và tư tưởng đương thời. Giáo pháp của ngài phản đối tư tưởng Phệ Đà, phản đối giáo sĩ Bà La Môn và phản đối chế độ xã hội của họ. Thời bấy giờ, tư tưởng Ấn Độ rất là phức tạp và sự phức tạp của tư tưởng Ấn Độ có thể tóm lược thành hai điểm chính sau đây:

1/- Phương Diện Triết Học:

Tư Tưởng Triết Học Ấn Độ trong thời kỳ này là Nhị Nguyên Luận. Nhị Nguyên Luận gồm có:

a)- Nhục Thể và Linh Hồn:

Tư Tưởng triết học đương thời là học thuyết của các Luận Sư Lục Phái. Lục Phái là sáu phái triết học. Các Luận Sư Lục Phái thiên trọng nơi sự mong cầu giải thoát khổ đau nơi Linh Hồn. Cho đến xã hội lại có một loại người thị tộc tức là các giáo sĩ Bà La Môn, v.v... thuộc giai cấp hưởng thụ tận lạc. Khi chí nguyện giải thoát khổ đau đã hoàn bị, các Luận Sư lại phát hiện: Tự Tánh và Thần Ngã.

b)- Học Thuyết Tự Tánh, Thần Ngã và Luận Lý Sanh Thiên:

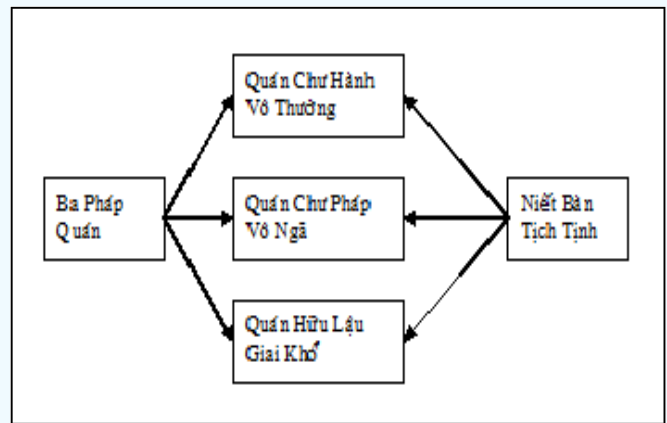
Thần Ngã là ông chủ sáng tạo và chủ yếu của Thần Ngã là hưởng thụ. Tự Tánh là nhu yếu của Thần Ngã, có bốn phận phát khởi, biến hóa và sanh sản vạn vật để thích ứng với Thần Ngã. Nhân loại nếu như đạt đến cùng với Thần Ngã hợp nhất thì không còn bị sanh diệt và lúc đó được gọi là giải thoát. Căn cứ nơi các pháp mà nói, vạn hữu vũ trụ đều là tổ hợp của Tự Tánh và Thần Ngã. Trước hết, Nhục Thể và Linh Hồn thì thuộc về hiện tượng luận. Sau đó, Tự Tánh và Thần Ngã thì thuộc về bản thể luận.

2/- Phương Diện Tôn Giáo:

Nói về vấn đề tu định và khổ hạnh (3), Ấn Độ thuộc về vùng đất nhiệt đới. Khu vực sông ngòi trong đại lục là nơi phát triển vật sản phi nhiều và phong phú. Nhân dân không còn phiền não về vấn đề sanh kế, cho nên tư tưởng xuất thế dễ phát sanh, tôn giáo tín ngưỡng phi thường rất phát đạt và giáo phái nảy nở cũng rất nhiều. Chỉ một điều bất luận người trong giáo phái nào, họ không lìa khỏi hai thứ hành vi thực tiễn là thiền định và thực hành pháp khổ hạnh. Đặc biệt hơn cả là học phái Lục Sư và các tập đoàn Sa Môn, họ lại càng chú trọng hai thứ hành vi nói trên. Phật Đà trước khi chưa xuất gia đều học tập pháp thiền của Bà La Môn Giáo. Trước hết ngài tu tập thiền định và sau đó cùng với các giáo sĩ Bà La Môn hành trì khổ hạnh. Trong vài năm, ngài tham học ít nhiều với các danh đức đương thời. Cuối cùng ngài cảm giác lối tu khổ hạnh là một phương pháp khiến cho thân thể cũng như tinh thần trở nên thống khổ và lao tổn, tuyệt đối không có khả năng thành chánh quả. Lối tu khổ hạnh theo ngài không phải là pháp môn cứu cánh. Ngài liền chuyển sang tu tập theo phương pháp thiền định. Thế là ngài theo hai vị tiên nhơn có công hạnh tu dưỡng rất cao, có danh tiếng bậc nhất đương thời để học tập pháp môn tu thiền. Một hôm ngài giác ngộ được rằng phương pháp tu thiền của hai vị tiên nhơn kia cũng chẳng cứu cánh, không thể mở bày được trí tuệ và cũng không thể thấu triệt được chân lý. Ngài lại bỏ hẳn phương pháp tu thiền của hai vị tiên nhơn kia. Trước hết ngài khiến cho thân thể khôi phục trạng kiện trở lại và sau đó tự mình

mong cầu pháp môn ngộ đạo, gọi là Ngồi Tòa Bồ Đề Hành Tư Duy.

Phật Đà sau khi thành đạo liền đi thuyết pháp đó đây để hóa độ chúng sanh. Những giáo pháp của ngài nói đều là cảnh giới mà ngài đã chứng ngộ và những giáo pháp đó không ngoài Ba Pháp Ấn. Ba Pháp Ấn tức là "Chư Hành Vô Thường, Chư Pháp Vô Ngã, Hữu Lậu Giai Khổ". Ba thứ chân lý đây chính là lý tánh duyên khởi mà Phật Đà Kiêu Đạt Ma đã giác ngộ nơi cội Bồ Đề. Về sau ba thứ chân lý trên trở thành pháp môn tu quán. Tu quán vô thường, quán vô ngã và quán khổ đều là trí tuệ quán chiếu nơi nội tâm chúng ta. "Chư Hành, Chư Pháp, Hữu Lậu" là đối tượng để quán, để tu, tức là chỉ cho thế giới hiện tượng của chúng ta. Hành giả cần phải nương nơi ba phương diện đây để tu tập và từ ba phương diện đây phải trải qua sự thực hành tu quán, tức là phải trải qua sự kinh nghiệm thì mới có thể đạt đến quả vị an lạc của "Niết Bàn Tịch Tĩnh", nghĩa là đạt đến một thứ cảnh giới chứng lý tâm an. Ba Pháp Ấn trước là thuộc về nhân và một Pháp Ấn sau là thuộc về quả. Ba Pháp Ấn trên nếu cộng thêm Niết Bàn Tịch Tĩnh vào thì trở thành bốn Pháp Ấn. Bốn Pháp Ấn được trình bày qua đồ biểu sau đây:



Yếu nghĩa của Kinh A Hàm Thánh Điển tuy nhiều, nhưng cốt yếu quan trọng không ngoài Ba Pháp Ấn nói trên. Ba Pháp Ấn đích thực là cứu cánh của Phật Giáo Căn Bản. Ba Pháp Ấn này quan hệ như thế nào với Duy Thức? Trong Ba Pháp Ấn, chúng ta nên biết yếu chỉ của đạo lý Chư Hành Vô Thường, theo Duy Thức chính là các pháp hữu vi hư vọng phân biệt của Tâm, Tâm Sở và các pháp đó đều do Duy Thức biến hiện. Còn Các Pháp Vô Ngã cũng không khác Nhị Vô Ngã (Hai Vô Ngã) của Duy Thức đề cập. Nguyên vì người nghiên cứu Phật Học phổ thông đều công nhận đạo lý của Tiểu Thừa chỉ bàn luận về Nhân Vô Ngã mà không thấy nói đến Pháp Vô Ngã; Tiểu Thừa chỉ chứng được Sanh Không Chân Như mà không thể chứng đến Pháp Không Chân Như. Trái lại Đại Thừa chẳng những bàn luận về Nhân Vô Ngã mà cũng lý giải về Pháp Vô Ngã và lại còn chứng đắc Nhị Không Chân Như (Chân Như của hai Không). Nhân Vô Ngã thì hẹp, Pháp Vô Ngã thì rộng và người phân loại hai thứ vô ngã đây chính là Đại Thừa hưng khởi sau này phân biệt kiến lập. Ngày nay chúng ta mỗi khi đề cập đến "Các Pháp Vô Ngã" đều là hiển bày nghĩa lý Nhị Vô Ngã của Đại Thừa. Hơn nữa Kinh A Hàm chỉ trình bày Các Pháp Vô Ngã mà không thấy đề cập đến Nhân Vô Ngã. Riêng tư tưởng Hữu Lậu Giai Khổ và Niết Bàn Tịch Tĩnh, cả Tiểu Thừa Phật Học và Đại Thừa Phật Học đều phát huy giống nhau. Chẳng qua những tư tưởng trên biểu hiện rất sâu đậm trong Kinh A Hàm.



C.- PHẬT GIÁO NGUYÊN THỈ:

Vấn đề Nguyên Thỉ thì không giống nhau với Căn Bản và cũng không giống nhau với thời gian. Nhưng tư tưởng của chúng thì không sai biệt với nhau cho lắm, có thể nói cùng nhất trí với nhau. Phật Giáo Nguyên Thỉ sở dĩ có sự sai biệt là do giới luật của Tăng Đoàn. Thời kỳ Phật Giáo Căn Bản chấm dứt là khi Phật Đà và các đệ tử trực tiếp của ngài đã nhập diệt. Còn Phật Giáo Nguyên Thỉ thì bắt đầu từ các đệ tử tái truyền của Phật Đà, ước lượng vào khoảng 120 năm, từ 350 năm đến 270 năm trước Kỳ Nguyên. Khoảng thời gian này được gọi là thời đại Phật Giáo Nguyên Thỉ. Nguyên Thỉ sở dĩ được mang danh nghĩa là do trong khoảng một trăm mấy mươi năm, những tư tưởng cũng như những hành vi của các đệ tử Phật Đà đại thể đều noi theo quy củ của Thế Tôn di chúc lại. Nơi thời kỳ Phật Giáo Nguyên Thỉ, các đệ tử Phật lúc bấy giờ, nhất là Tăng Đoàn, đặc biệt chú ý đến hai hạng sự tình: một hạng là duy trì truyền thừa Pháp Thống và một hạng là bảo trì tôn tại Giáo Quyền. Hai hạng sự tình này thường thấy nơi hành động của Tăng Đoàn trong Luật Điển.

a>- Phương Diện Duy Trì Truyền Thừa Giáo Thống:

Duy Trì Truyền Thừa Giáo Thống nghĩa là duy trì truyền thừa giáo pháp. Hiện tượng duy trì truyền thừa giáo pháp không khác hiện tượng duy trì chế độ Tổ Sư để truyền thừa nơi Trung Quốc.

Như theo nghi thức quy định, Đức Phật truyền cho ngài Ca Diếp, ngài Ca Diếp truyền cho ngài A Nan và cứ như thế mà tiếp tục truyền đến vị Tổ thứ 28. Mục đích Duy Trì Truyền Thừa Giáo Pháp chính là để duy trì Yếu Điểm Khẩu Truyền của Đại Chúng Kiết Tập và khiến cho lời truyền thừa đây được tiếp nối truyền xuống mãi từ đời này đến đời khác.

b>- Phương Diện Bảo Trì Tôn Tại Giáo Quyền:

Vấn đề bảo trì tôn tại Giáo Quyền là duy trì sự bảo thủ giới luật, đặc biệt là chế độ Yết Ma (Hội nghị). Thứ chế độ này đáng chú ý nhất là Phật Giáo Nam Truyền và Phật Giáo Nam Truyền biểu hiện chế độ nói trên rất kiên cố. Cho đến ngày nay chế độ bảo thủ giới luật của Phật Giáo Nam Truyền vẫn còn quy mô. Riêng chế độ Tổ Sư sau này và chế độ Y Bát Truyền Pháp của Trung Quốc thì còn là biểu diễn hình thức. Trên hình thức, họ nghiên cứu và diễn giảng bằng cách bảo thủ, cũng như trên luận lý và tư tưởng, họ hoàn toàn không có chút nào tiến bộ cả.

Qua những thời kỳ nói trên, chúng ta có được một kết luận khả dĩ, Thời kỳ Phật Giáo Căn Bản trở về trước, trọng tâm của Phật Giáo là ở nơi Phật Đà, nghĩa là Phật Giáo chỉ nương tựa nơi người mà không nương tựa nơi pháp luật. Đến thời đại Phật Giáo Nguyên Thỉ, trọng tâm của Phật Giáo là nơi Giới Luật (Tăng Đoàn), nghĩa là Phật Giáo chỉ nương tựa nơi Tăng Đoàn và Giới Luật mà không nương tựa nơi người và cũng không nương tựa nơi giáo pháp. Về sau thời kỳ Phật Giáo Bộ Phái, trọng tâm của Phật Giáo là

ở nơi giáo pháp, nghĩa là Phật Giáo chỉ nương tựa nơi Pháp mà không nương tựa nơi người và cũng không nương tựa nơi Giới Luật và Tăng Đoàn. Cho nên giáo pháp Đại Thừa cũng được phát sanh từ đó. Trọng tâm của Phật Giáo Đại Thừa chính là ở nơi pháp lý và tư tưởng. Còn tư tưởng của Phật Giáo Nguyên Thỉ thì chỉ chú trọng ở nơi sự bảo trì giới luật và đối với giáo pháp thì lại chú trọng ở nơi Ba Pháp Ấn. Vấn đề "Chư Hành Vô Thường, Chư Pháp Vô Ngã, Hữu Lậu Giai Khổ", người đời sau nghiên cứu như thế nào? Tư tưởng của Ba Pháp Ấn trên được giải thích gồm có Năm Uẩn. Trước hết, Sắc Uẩn của Năm Uẩn thì thuộc về phương diện vật chất (nhục thể) và Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bốn Uẩn ở phía sau thì thuộc về phương diện tinh thần (tâm lý), do đó năm Uẩn được gọi là Chư Hành. Còn yếu chỉ của năm Uẩn Đức Phật nói như thế nào? Đức Phật chỉ vì sự mê tâm chấp ngã của chúng sanh cho nên mới nói năm Uẩn và phân tích

tâm lý tưởng tận để chỉ bày chỗ gọi là Tâm thì thể của nó cũng vô ngã không tồn tại. Hơn nữa Đức Phật vì sự mê chấp Sắc Pháp cho là ngã của chúng sanh, thể nên mới nói 12 Xứ và phân tích Sắc Pháp tưởng tận để chỉ bày sự vô ngã của vật chất. Tư tưởng Phật Đà sở dĩ được tiến bộ là nhờ đạo lý của Pháp Tướng Duy Thức đều kiến lập trên Năm Uẩn, Mười Hai Xứ, Mười Tám Giới làm học thuyết căn bản cho đời sau. Nhưng luận lý của Pháp Tướng Duy Thức không ngoài ba Pháp Ấn nói trên. Nhân chứng cho vấn đề này, Kinh A Hàm của Phật Giáo Nguyên

Thỉ là bộ kinh hàm chứa tư tưởng Duy Thức ở trong. Tư tưởng về Duy Thức trong Kinh A Hàm xin được trình bày rõ sau đây:

Bốn bộ Kinh A Hàm có rất nhiều chỗ đề cập đến đạo lý của Duy Thức: như thuyết sanh tử luân hồi, thuyết nghiệp cảm duyên khởi, đều do tâm làm chủ để tạo tác; hơn nữa Kinh Tạp A Hàm lại nói đến các pháp tướng, như Uẩn, Xứ, Giới, Duyên Khởi, Thực, Trụ, v.v... đều gọi là Pháp Tướng cả. Sách Duy Thức Pháp Tướng Nhập Môn gọi là Bách Pháp Minh Môn Luận là bộ luận chuyên giải thích nghĩa lý "Tất cả pháp vô ngã" của Kinh A Hàm để hiển bày nguyên lý Pháp Tướng Duy Thức (4); lại nữa Ngũ Uẩn Luận là bộ luận giải thích Năm Uẩn của Kinh A Hàm để hiển bày nguyên lý Pháp Tướng Duyên Sanh (5). Chỗ khác nhau của Phật Kinh Nguyên Thỉ và Duy Thức là ở điểm: Duy Thức thì nói có tám Thức và trái lại A Hàm chỉ nói có sáu Thức. Đại Thừa Duy Thức trình bày sự luân hồi của chúng sanh là do các thứ nghiệp phiền não và lúc vào thai thức của mẹ chính là Thức A Lại Da thứ tám. Khác hơn Kinh A Hàm thì lại nói lúc vào thai của mẹ chính là Ý Thức thứ sáu. Riêng sự phân biệt danh tướng giữa Ngũ Uẩn của Phật Giáo Nguyên Thỉ và Bách Pháp của Duy Thức, cũng như sự quan hệ của chúng như thế nào thì sau này mới đề cập đến.

Phật Giáo Nguyên Thỉ trừ ngoài Kinh A Hàm còn có bảy bộ luận nữa, như A Tỳ Đạt Ma Luận Tạng và Lục Túc Phát Trí Luận, v.v... của Hữu Bộ. Riêng Thượng Tọa Bộ thì cũng có bảy bộ luận, như Pháp Tụ Luận, v.v... Bảy bộ luận của



Hữu Bộ là do các bậc Đại A La Hán, đệ tử của Phật sáng tạo, nhưng bảy bộ luận này ra đời rất muộn. Bộ A Tỳ Đạt Ma Luận Thích được gọi là Đối Pháp Luận. Hình thức của bộ luận này giống hệt như Kế Kinh và nội dung của nó là giải thích các loại giáo lý nơi Kinh A Hàm (6). Những học thuyết trong bộ A Tỳ Đạt Ma Luận Thích so với Duy Thức Học thì quan hệ rất nhiều, đồng thời đối với Phật Học đương thời, tư tưởng và danh từ Pháp Tướng thì được tổ chức cũng tương đương có hệ thống. Duy Thức Học chẳng qua chọn lấy học thuyết của A Tỳ Đạt Ma Luận Thích và cộng vào sự tổ chức thêm nghiêm mật mà thôi. Như sự tổ chức của Duy Thức Ngũ Uẩn Bách Pháp đều căn cứ nơi Pháp Uẩn Túc Luận, Ngũ Sự Tỳ Bà Sa Luận, Câu Xá Luận, v.v... để kiến lập.



D.- PHẬT GIÁO BỘ PHÁI:

Thời đại Phật Giáo Bộ Phái xuất hiện kể từ sau Phật nhập diệt 120 năm (năm 267 Kỷ Nguyên), Tăng Đoàn bắt đầu phân hóa. Nguyên do tại Ấn Độ, nước Tỳ Xá Ly có vị tỳ kheo tên là Bát Kỳ Tử vì thực hành mười thứ việc không phải luật pháp của Phật Giáo cho phép là nhân tố dẫn đến sự phân đôi của đại chúng và cũng từ đó có cuộc kiết tập lần thứ hai. Chỉ vì ý kiến không đồng nhất, hội nghị kiết tập đi đến kết quả là bị phân hóa thành hai bộ phái: một là Thượng Tọa Bộ và hai là Đại Chúng Bộ. Thượng Tọa Bộ là phái Chánh Thống Bảo Thủ và Đại Chúng Bộ là phái Cách Tân Tiên Tiến. Về sau hai phái này, mỗi phái lại tự tiến hóa sanh thêm một số phái nữa, tổng cộng thành hai mươi Bộ Phái Phật Giáo. Thượng Tọa Bộ thì phát triển đến địa phận Tích Lan, Miến Điện, v.v... và thịnh hành cho đến ngày nay; Đại Chúng Bộ thì phát triển thành Đại Thừa và lưu hành nơi địa phận Trung Hoa, Nhật Bản, Mông Cổ, Tây Tạng, v.v... Trong Đại Chúng Bộ, Duy Thức được phổ biến và được cho là thuộc về Đại Thừa. Nơi các địa phận như Tích Lan, v.v... Thượng Tọa Bộ mãi đến hôm nay tuy không tin Phật Học Đại Thừa, nhưng các học giả của họ nghiên cứu thì lại chẳng thiếu người nào. Lý do họ có một điểm dung thông với nhau đều là Phật Giáo và cũng đều thuyết minh pháp nhân duyên cả (7).

Phật Giáo Bộ Phái thì chọn Phật Giáo của thời đại A Dục Vương làm trung tâm, nguyên vì vua A Dục đã từng ủng hộ Phật Giáo làm quốc giáo. Vua A Dục chánh thức lên ngôi vào năm 271 trước Kỷ Nguyên và sau đó, vào năm thứ 7, vua A Dục liền tổ chức hoằng truyền Phật Giáo đại quy mô. Nhờ sự bảo hộ của vua A Dục, học giả Mục Kiền Liên Đế Tu thuộc Thượng Tọa Bộ đứng ra triệu tập đại hội kiết tập lần thứ ba. Lần kiết tập này nói cho đúng chỉ là kiết tập Luận Tạng và nhưn đó, đại hội suy tôn Thượng Tọa Bộ là hệ phái Phật Giáo thuần khiết chánh thống, đồng thời phê phán học thuyết của các tông phái khác (8). Luận điển của Thượng Tọa Bộ cũng đã từng giảng Tâm Pháp, Tâm Sở Pháp, Sắc Pháp và Niết Bàn (9). Về phương diện Tâm Pháp, Thượng Tọa Bộ thì có "Hữu Phần Tâm" và sau này học giả Duy Thức chính nương theo đó thành lập Thức A Lại Da. Xét đại thể, triết học của Thượng Tọa Bộ thực tế

không có mạch lạc và cũng không có phát triển tiến bộ chút nào, nguyên vì họ quá chú trọng nơi sự bảo thủ. Họ còn cho rằng, giáo điển thuộc văn hệ Pa Li mới thực sự là Phật Giáo chân chánh. Đến nỗi đối với những giáo điển này họ chỉ biết một mực là "tin tưởng, vâng giữ và thi hành" mà không thể góp vào ý kiến của mình. Và đối với vấn đề giải thích Phật Âm, v.v... họ cũng chỉ biết làm theo như con rùa soi gương mà không thể nghiên cứu và phê phán thêm.

Còn Đại Chúng Bộ thì không có kinh luận nào truyền vào Trung Quốc, chỉ có một bộ duy nhất là Ma Ha Tăng Kỳ Luật. Tại Ấn Độ, Đại

Chúng Bộ cũng không có bao nhiêu kinh giáo để lại sau này và chỉ có thể tìm thấy giáo nghĩa Đại Chúng Bộ trong Đại Tỳ Bà Sa Luận của Hữu Bộ, cũng như trong điển tịch của chính họ mà thôi. Giáo nghĩa của Đại Chúng Bộ thì có đề cập đến Thức Căn Bản; nhưng Thức Căn Bản đây xem lại nơi Duy Thức Học chính là Thức A Lại Da.

Đặc biệt Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ thì lại phát sanh từ Thượng Tọa Bộ và bộ phái này có tất cả bảy bộ luận đều được truyền đến Trung Quốc. Phát Trí Luận, một trong bảy bộ luận nói trên, nội dung là giảng về Pháp Tướng. Ngoài ra, Lục Túc Luận đều có quan hệ với Phát Trí Luận. Cho nên Phát Trí Luận được xem như là Thân (thân thể) và sáu bộ luận kia được xem như là Túc (chân tay). Bảy bộ luận nói trên đều giảng về Pháp Tướng, như trong Pháp Uẩn Túc Luận và Giới Thân Túc Luận đều giảng Sắc Pháp, v.v... đều giảng 5 Ngũ Vị và 75 Pháp. Theo hai bộ luận này, hiện tượng các pháp là thuộc về Duy Vật Luận, nghĩa là do Sắc Pháp mà có Tâm Sở Pháp, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, Vô Vi Pháp hiện khởi và cho rằng, Sắc Pháp chính là căn bản, còn Tâm Pháp thì thuộc về chi nhánh; về sau tư tưởng của hai bộ luận này phát triển thành học thuyết Đại Thừa Pháp Tướng Duyên Sanh. Ngoài ra các bộ luận còn lại đều thuộc về Duy Tâm Luận và họ chủ trương: hiện tượng các pháp là do Tâm Pháp mà có Tâm Sở Pháp, Sắc Pháp, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, Vô Vi Pháp hiện khởi và cho rằng, Tâm Pháp chính là căn bản, còn Sắc Pháp thì thuộc về chi nhánh; về sau những tư tưởng của những Bộ còn lại nói trên phát triển thành học thuyết Đại Thừa Duy Thức Chuyển Biến (10). Riêng học thuyết Hữu Bộ chuyên sưu tập tài liệu, tổ chức rất có tiến bộ và trở thành luận phái đổi mới của học phái Tiểu Thừa, được gọi là Cách Tân Luận Phái, nghĩa là học phái cải cách canh tân. Căn bản học thuyết của học phái này nếu như so sánh với Thượng Tọa Bộ thì có phần tiến bộ rất xa. Thành phần Ngũ Vị, Pháp Thể Thật Hữu, v.v..., cũng như Tam Thể Thật Hữu, thành phần Hữu Vi và Vô Vi, tất cả đều có thể gọi là Nhị Nguyên Luận; học thuyết "Cực vi (Nguyên Tử) là nguyên nhân sanh ra vạn pháp" của Hữu Bộ chủ trương có thể cho là Thật Tại Luận của Duy Vật.

Còn các học thuyết khác, như Sắc Tâm Hổ Huân, Vi Tế Ý Thức, Chủng Tử của Kinh Bộ, như Phi Túc Uẩn, Phi Ly Uẩn Ngã của Độc Tử Bộ, như Bất Thất Pháp của Kinh Lượng Bộ, như Cùng Sanh Tử Uẩn của Hóa Địa Bộ, những tư tưởng này được phát sanh trong thời kỳ đó xem ra đều có quan hệ mật thiết với Duy Thức Học.



Tóm lại, mọi người đều công nhận là có một Tâm Linh Thức Thể của mỗi cá thể liên tục nối kết sanh tử và danh xưng của nó xét cho cùng thì không giống nhau. Thật thể của Tâm Linh này thì chỉ có một và khắp đó đây. Quan niệm đó không riêng gì Phật Giáo nhận định có một thứ pháp nói trên, các giáo phái Ấn Độ cũng đều thừa nhận có một thứ vật tồn tại để làm thể cho sự luận chuyển. Như Bát Thức Quy Củ Tụng nói rằng: “Khứ hậu lai tiên tác chủ ông” (nghĩa là Tâm Thức chuyển làm ông chủ, khi đi thì đi sau và khi đến thì đến trước). Do đây xét lại, toàn bộ học phái Phật Giáo chỉ cần sử dụng trí tuệ của Phật Đà làm điểm để đứng, tuy rằng chỗ kiến giải của họ không giống nhau, nhưng có thể dung thông với nhau, mặc dù các tông phái có những đặc điểm thù thắng riêng biệt.

Chú thích:

1. Hoa Nghiêm Nhưث Thừa Giáo Nghĩa Chương và Tham Huyền Ký đều nói rằng: “Các bậc Hiền xưa nay thiết lập Giáo Môn sai biệt không phải một, tóm lược gồm có mười nhà, dùng làm soi gương”. Học thuyết của mười nhà tham khảo gồm sách quyển 20, trang 3.
2. Niền đại của bốn chương đã nói đều căn cứ nơi Ấn Độ Triết Học Sử của Vũ Tinh Bá Thọ (chương 9, trang 81).
3. Khổ hạnh là pháp tu như tuyệt thực, v.v... cho đến ngày nay Ấn Độ vẫn còn lưu hành.

4. Tham khảo Ấn Độ Triết Học Sử, kỳ thứ 2, chương thứ nhứt.
5. Ngũ Uẩn Luận Tự của Âu Dương Tiềm nói rằng: “Đại khái lý duyên khởi của Duy Thức Tông kiến lập... dùng lý duyên sanh để thành lập Pháp Tướng Tông... 17 Địa của Du Già thâm nhiếp hết trong Nhị Môn. Kiến lập để làm một cội gốc, chọn lựa nơi Nhiếp Luận, căn cứ nơi sự phân biệt của Du Già, khuếch trương rộng lớn nơi Nhị Thập Duy Thức, nơi Tam Thập Duy Thức, nhưng phôi thai nơi Bách Pháp Minh Môn, chính là Duy Thức Tông. Kiến lập để làm năm chi, chọn lựa nơi Tập Luận, căn cứ nơi Biện Trung Biên, khuếch trương rộng lớn nơi Tạp Tập... nhưng cũng phôi thai nơi Ngũ Uẩn, chính là Pháp Tướng Tông.”
6. Tham khảo A Tỳ Đạt Ma Nghiên Cứu của Mộc Thôn Tân Hiền và sự phát đạt của Truy Vĩ Biện Lục Túc Luận (Hải Triều Âm Văn Khố, Biên Luận Thích Hạ thứ 3).
7. Đây là căn cứ nơi học giả của Nam Dương Khai Minh đã nói đến Tử Ngạn Phái Giáo Đồ chính là nói “Đại Thừa là ngoại đạo”.
8. Thấy trong Biện Tông Nghĩa Luận.
9. Thấy trong Pháp Tự Luận và A Tỳ Đạt Ma Nhiếp Nghĩa Luận. Như nói: “Nói nghĩa đối pháp đây, chân thật có bốn thứ: Tâm và Tâm Sở Pháp, tất cả Sắc và Niết Bàn”. Phẩm đầu, trang nhứt.
10. Thấy trong Ấn Độ Triết Học Sử, chương thứ 2, trang thứ 219.



Dấn Thân

*Từ khi lộ ánh trắng thiên
Tri ân sâu nặng cơ duyên cuộc đời
Vô ngôn sáng giữa muôn lời
Dấn thân thể sự, chẳng rời Tánh Không*

Gặp Lại Vàng Trăng

*Chen lán mười năm quên ngắm trăng
Về quê gặp lại giữa đêm rằm
Trăng ngoài ấy, trăng trong ta hội ngộ
Lợi danh nào đổi được ánh trăng tâm?*

Tĩnh Tâm Ở Quán

*Trâm tư quán cóc ven đời
Hương cà phê sớm quện lời tâm kinh
Thương người tất bật vô mình
Chút vui xanh xám bên nghìn đấng cay*

Về Từ Biển Chiều

*Quên mình giữa bãi chiều hôm
Tan hoà bọt sóng nghìn trùng biển xanh...
Trở về với thị với thành
Nao nao thương cảm những thân nghèo sò*

Tình Quê

*Tiếng chuông thăm đượm tình nương rẫy
Cứu vớt hồn ta giữa chợ đời...
Phố chật lao xao lời với lỗ
Mai về quê cũ uống trà chơi*

TUỆ THIÊN—LÊ BÁ BÔN

(Đường Về Minh Triết)



PHÁP LẠC VÔ BIÊN

DIỄN VĂN BẾ MẠC

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ I

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Ba tháng trước đây, chúng ta đã chọn thời điểm và địa điểm vào cuối tháng 10, nơi trú xứ này, để làm bước khởi đầu cho Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ.

Trong ba tháng đó, từ chư tôn trưởng lão Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, cho đến quý học viên Phật-tử từ khắp nơi đã chuẩn bị tinh thần, thu xếp hành trang, chờ ngày phò hội. Và cuối cùng, chúng ta đã có 3 ngày tu học thật trang nghiêm, lợi lạc.

Như vậy, có thể nói rằng sự khởi đầu của khóa tu năm nay chính là thành quả của một tiến trình chuẩn bị, sắp xếp, qua đó ước nguyện của tất cả chúng ta đã được kết tụ trong sự nao nức chờ đợi; và sự thành tựu tốt đẹp của khóa tu, ngay nơi thời điểm bế mạc này, lại chính là bước đi ban đầu cho cả một tiến trình dài lâu đang mở ra trước mắt.

Con đường tu học và hành trì Phật Pháp là con đường vô hạn, chỉ kết thúc khi nào chúng ta đạt đến mục tiêu tối hậu là giải thoát giác ngộ.

Nói như thế, chúng tôi muốn trân trọng kính bạch cùng chư tôn đức và quý Phật-tử rằng: chúng ta đã vượt qua được một chặng đường, dù chưa phải là đạt đến tiêu đích sau cùng, nhưng với tâm nguyện cao đẹp vì lợi ích an lạc cho số đông, và với tinh thần cầu học tiến tu không mỏi mệt, tất cả chúng ta đã kết thúc khóa tu học năm nay một cách ngời sáng, vinh dự. Ngời sáng niềm vui học Phật, vinh dự làm những người tiên phong, đặt những bước chân đầu tiên để khơi mào cho những khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ về sau. Thật chẳng có niềm vui nào to lớn hơn niềm vui trong sự tiếp nhận và tỏ ngộ về Phật Pháp.

Với niềm pháp lạc vô biên ấy, xin thành kính đánh lễ tri ân chư tôn thiên đức, hết lòng tán dương tinh thần học Phật của tất cả quý học viên; và trân trọng tuyên bố bế mạc Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ nhất hôm nay.

Nam mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật

Thay mặt Ban Tổ Chức,

T.T. THÍCH TÂM HÒA



Khoá Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ 2011 - HoPhap.Net - Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ 2011 - HoPhap.Net



Mặc nhiên hoa nở

Tay lần chuỗi,
niệm Nam mô Phật
Mặc thể nhân,
danh lợi với thị phi
Ai nói ngược,
A di đà Phật
Ai nói xuôi,
ta để gió cuốn đi

Nhân ngã lắm,
cũng triển miên sanh tử
Bỉ thử chi,
cho dâu bẻ tang thương!?
Ta vỡ đá,
hỏi đâu là cõi mộng?
Đá mỉm cười,
rằng đá cũng phong sương

Ta lấy cỏ,
kết Bồ đoàn thiên tọa
Mắt khép hờ,
quán hơi thở vào ra
Ồ, rất lạ!
một cây khô vừa chết
Bồng cựa mình...
trẩy nhánh,
đơm hoa...

(Thiên Trúc, tháng 9/2011)

HÀN LONG ẨN



Đời sống quanh ta

I

Sáng nay đứng gác nhà băng
Mẹ con hướng đạo sinh rằng: Bác ơi!
“Đặt bàn bánh kẹo kiếm lời
Phụ chi đoàn phí sống đời thiên nhiên”
“Ừ thì xin cứ tự nhiên” (thâm nghĩ)
Thuở nay sống với thiên nhiên (cũng) bạc tiền!

II

Xứ Cờ Hoa sáng dắt tôi đi bộ
Thấy rất nhiều chó dắt người loanh quanh
Tôi dắt tôi lơ lửng từng bước lạc
Chó dắt người sáng sửa những khôn lanh
Tôi dắt tôi hờ hững bước trần gian
Nói những lời có mặt đất làm chứng
Chó dắt người làm bậy với cỏ cây hoa lá cành

III

Giữa phố phường không một bóng cây
Đàn chim sẻ run trên giây điện
Dưới cơn mưa hiu hắt ngày dài
Tiếng nã nê kêu trời lương thiện
Lùa cho chút nắng để hong khô!

IV

Hừng sáng buồn tình thả bộ công viên
Đứng coi đàn vịt rong vui mặt hồ
Cạp cạp gọi nhau ra vẽ nhàn cư
Mà đôi chân lại đạp quơ liên hồi!

V

Chuyển gác nhà băng ngay góc ngã tư
Đèn xanh đèn đỏ găm giữ cộ xe
Già trẻ gái trai đuối nhau com áo
Trăm phương ngàn hướng tuyệt tận nẻo về!

BIỂU Ý

Sớm trở về

THÍCH ĐỨC TRÍ

Mọi người cứ tưởng rằng, một xã hội văn minh có nhiều thành tựu về khoa học cũng như điều kiện vật chất, con người có nhiều cơ hội để sống theo những gì mình mong muốn; nhưng xét cho cẩn thận rằng, trên đời mọi sự hưởng thụ nào cũng có cái giá phải trả của nó. Nếu như đam mê đeo đuổi đời sống hạnh phúc với thái độ sống sai lạc mà quên đi sự bồi dưỡng giá trị đạo đức con người thì kết quả chỉ là thất vọng mà thôi. Suy luận đến cùng thì mọi sự khổ đau trên đời đều do con người tạo ra, vì mọi hiện tượng đều có nguyên nhân của nó cả. Con người không nên đổ thừa hoàn cảnh, mà phải có cuộc cách mạng tinh thần phổ cập trong xã hội với giá trị đạo đức Phật giáo để tháo gỡ những vướng mắc trong đời sống hiện tại. Đây chính là lúc con người phản tỉnh để điều chỉnh lại quan điểm sống của chính mình. Do vậy, cần phải quán xét hoàn cảnh cuộc sống, như tiêu chuẩn nghề nghiệp, đạo đức gia đình, sống đời biết đủ và nỗ lực chuyển hóa tâm thức để có một hướng đi tươi đẹp cho cá nhân, gia đình và xã hội.

Thứ nhất, nghề nghiệp là vấn đề quan trọng đối với mọi người trong đời sống và sự nghiệp. Từ ông tổng thống cho đến người dân, mỗi người đều có chức nghiệp khác nhau. Nghề nghiệp và địa vị trong xã hội có khác nhau, nhưng hạnh phúc không do địa vị quyết định hoàn toàn. Giá trị bình đẳng là nghề nghiệp sinh sống chân chánh. Phật giáo gọi đó là đời sống Chánh Mạng. Dù ở nghề nghiệp và địa vị nào mà kiếm sống bằng việc bất chánh đều đem kết quả khổ đau và phiền muộn. Dù ở địa vị và nghề nghiệp nào mà sống hiền lương, không gian tham xảo trá, trung thực với người, trung thực với công việc thì có đời sống an lạc. Điều đáng quan tâm hiện nay là nạn khủng hoảng nghề nghiệp. Như ở nước Mỹ, chính phủ đang tìm mọi cách duy trì việc làm cho công nhân. Nhiều nơi trên thế giới người dân đang khó khăn vì mất việc làm, đời sống mất tự tin và rối loạn. Có nhiều gia đình do chồng hay vợ mất việc làm ăn đưa đến cảnh xào trộn và ly dị. Có người mất việc làm, sinh ra tâm lý lo toan và tiêu cực oán âm khác.

Nhưng nếu mọi người biết quán xét tường tận bản chất đời sống thì mọi áp lực khó khăn hiện tại sẽ nhẹ bớt nhiều. Vì trên thế giới này hằng ngày có nhiều người cũng đang gặp đau thương hơn nữa. Hằng ngày có hàng trăm ngàn người chết đói, trẻ em đang thiếu sữa, người chết vì bệnh tật và chiến tranh. Hàng ngàn người chết vì thiên tai, lụt bão, sống thần, động đất trong những năm qua. Đời sống vô thường, cái gì cũng có thể xảy ra đâu phải riêng nghề nghiệp thôi đâu. Nhìn chung mà nói, phải chăng con người trong xã hội giàu mạnh, chưa quen với đời sống khó khăn. Khi gặp cú shock về khủng hoảng kinh tế và tai nạn bất thường xảy ra thì họ chao đảo, bế tắc. Trong lúc đó, những người Á Châu sống trên đất Mỹ, họ đã trải qua nhiều sự thăng trầm cuộc sống, nên có kinh nghiệm về khổ đau hơn người dân khác. Họ sống ít chạy đua hưởng thụ, biết kham nhẫn trong mọi điều kiện. Do vậy, phần đông gia đình những người này vẫn an ổn trước hoàn cảnh cuộc sống hiện nay. Từ đó chúng ta suy luận ra, hoàn cảnh đó chưa làm ai chết, nhưng chính thái độ sống thụ động và bám víu làm rối loạn đời sống con người.

Thứ hai, đời sống gia đình trong xã hội công nghiệp cũng là vấn đề đáng quan tâm. Cha mẹ hay con cái, ai sống cũng phụ thuộc vào công việc và hưu bổng của mình, hay thừa hưởng tiền già, tiền bệnh. Có nhiều con cháu thương cha mẹ, ông bà nhưng vì công việc đời sống bản thân, họ phải chấp nhận đưa cha mẹ vào Nursing home (nhà dưỡng lão). Vì nếu để người già yếu ở nhà mà không người chăm sóc cũng rất khó khăn. Đưa vào đó, họ đi thăm người thân hằng ngày, hay mỗi cuối tuần. Khi tuổi già mới thấm thía tình cảm gia đình là rất cần thiết. Ở Nursing home các bậc cha mẹ mỗi ngày chỉ có ba bữa ăn với chăm sóc y tế. Có người già bệnh sống vài năm thì chết, có người sống trên mười năm, hai mươi năm, đúng là ngày dài cô đơn mà họ phải chấp nhận.

Một gia đình lý tưởng là gì? Vợ chồng chung thủy và thương yêu nhau, cha mẹ có trách nhiệm với con

cái, con cái biết hiếu kính cha mẹ và tổ tiên. Con người dù sống trong hoàn cảnh giàu sang nhưng không có tình thương thì cũng sẽ khổ đau. Tình thương là yếu tố hạnh phúc, nó giúp cho họ sống có trách nhiệm và trở thành nét đạo đức cá nhân, gia đình và xã hội. Người có tình thương và trách nhiệm thì hoàn cảnh nào cũng chấp nhận bỏ bớt thụ hưởng cá nhân, dành thời gian có thể để chăm sóc những người khác đang khó khăn là điều vô cùng cần thiết, mẫu người như vậy đáng trân trọng và tán thán.

Thứ ba, sống biết đủ là điều kiện then chốt để con người được thanh thoi tâm hồn. Con người cứ mãi mê chạy đua với nhu cầu vật chất, nên cảm giác thiếu thốn và bận rộn mãi. Không ít người thích sống phô trương, dù khả năng thu nhập không cao, nhưng muốn căn nhà thật khang trang, một chiếc xe thật mới, hãnh diện về sự giàu sang. Nhưng ai biết đâu, họ đâu yên thân thụ hưởng được, khi hằng tháng phải lo lắng tất bật trả tiền bill nhà, xe, điện, nước, bảo hiểm. Nếu vì lý do nào đó mất việc, thiếu tiền bill hằng tháng thì tài sản họ có thể trở thành tài sản của người khác. Cho nên, có người bảo rằng: "Cái gì mình cũng có, nhưng cũng chưa hẳn là sở hữu của mình!" Có người tuy đời sống ổn định vật chất thì họ cũng dẫn vật trong buồn tẻ và lao nhield vào những tệ nạn. *Muốn tâm hồn thanh thản* thì phải bớt ham muốn các nhu cầu không cần thiết. Khổ vì tham muốn tiền tài giàu sang phú quý, tham mê sắc dục, tham mê



danh vọng, tham mê ăn ngon, tham mê ngủ nghỉ. Đó là đề tài hấp dẫn thúc đẩy mọi hoạt động con người lao vào trong vòng xoáy đam mê quên lối về chân như.

Vấn đề khác nữa, như căn nhà hoang phế không người chăm sóc sẽ sớm bị đổ nát, không lo chăm sóc tinh thần lành mạnh thì cuộc đời sẽ đổ nát và thất vọng. Khủng hoảng vật chất đáng lo nhất thời, khủng hoảng về đời sống tinh thần thì sâu bi mĩ mĩ. Khổ đau và hạnh phúc đều do tâm tạo, đó là nguyên lý nhân quả tự nhiên, không ai sắp đặt cả. Đức Phật và các bậc thánh nhân chứng nghiệm sự thật ấy mà chỉ dạy chúng ta phương pháp thoát khổ. Vậy thì ngay trong đời sống này, chúng ta có cơ hội quán sát mọi hiện tượng xảy ra để đoạn trừ các nguyên nhân đau khổ và được sống an lành.

Vị ngọt của ngũ dục khiến con người mong muốn thiết lập quan điểm tự do cá nhân và xem đó quyền sống

hưởng thụ theo nhu cầu ích kỷ. Con người càng lạm dụng tinh thần tự do thì đời sống gặp nhiều sự đổ vỡ đáng tiếc. Triết lý tự do phải dựa trên nền tảng từ bi và trí tuệ. Từ bi là chất liệu sống hạnh phúc của con người, trí tuệ là ngọn đèn soi sáng đời sống hiện tại và tương lai. Người dân hay ông tổng thống khi thực hiện đúng đạo lý đều có thành quả đời sống tốt đẹp. Do vậy, một tôn giáo chân chính, xã hội lý tưởng là gìn giữ hạnh phúc chân chính cho người và nhân loại. Nếu mọi người biết sống theo năm giới Phật dạy: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu thì sẽ có được phước lành đời này và cả đời sau. Năm giới này tuy ngắn gọn, dễ nhớ, nhưng chúng ta tư duy sâu sắc và tuân thủ đúng sẽ đem đến sự quân bình về trật tự đạo đức con người và nhân loại. Do đó, không những riêng người Phật tử mà mọi người gồm các tôn giáo khác đều

thấy sự lợi ích hiển nhiên như thế mà áp dụng. Năm giới này còn là nền tảng của các thiện pháp, phát huy yếu tố giải thoát giác ngộ.

Đến thời điểm này, con người trong xã hội hiện đại cần trở về tư duy hiện thực đời sống, nhay qua dòng thác đam mê để khỏi bị cuốn trôi vào hố sâu tuyệt vọng. Trở về nương tựa đạo lý nhân bản Phật giáo giúp con người và xã hội thoát ra mọi sự bế tắc đang vây bủa. Tất cả những diễn biến khổ đau và hạnh phúc là đời tượng chúng ta quán chiếu để thể nghiệm bản chất cuộc đời. Mọi nhu cầu tham muốn của con người trong thế giới vật chất đều là cạm bẫy đưa đến thất vọng. Khi tâm con người được tịnh hóa, không còn bóng tối vô minh và chấp thủ ngự trị thì đời sống an lạc được hiển bày. Tư duy như thế, giúp chúng ta nhận thức rằng hạnh phúc chân thật là sống đúng đạo lý chứ không do sự tìm kiếm với lòng ham muốn hưởng thụ không ngừng.

Thâm Ý Phổ Môn Kinh

[Quán Thế Âm Bồ Tát]

*Lửa sân đốt cháy ba ngàn cõi
Nước ái chìm trôi bốn vạn loài
Bảy báu dò tìm tham dấy khởi
Luân hồi khổ hải vạn trùng khơi*

*Chướng duyên đùn đẩy sa ác thú
Thiện niệm bùng lên khởi ách nàn
Tâm không vương chấp sầu lo hết
Trí sáng rạng soi chướng nghiệp tan.*

*Tà tâm tà niệm vừa xuất hiện
Tỉnh thức liền hay niệm Quan Âm
Ác niệm tiêu trừ dao gậy gãy
Tháng ngày thanh thân sạch niệm đau*

*Xiềng xích gông cùm nào ai trói
Chính vì toan nghĩ chuyện luân khân
Nên chi vương phải sầu lo lắm
Tu niệm Quan Âm thoát nghiệp trần*



*Khách thương dắt dẫn người theo nghiệp
Hiềm trở đường đi ác nghiệp mang
Cộng nghiệp khổ sầu đừng đeo nữa
Để lòng thanh thân niệm Quan Âm*

*Tâm lành dấy khởi sầu vương hết
Thiện nghiệp rong chơi khắp nẻo đường
Ác nghiệp tiêu mòn trong ba cõi
Quan Âm hiển hiện trái lòng thương.*

THÍCH CHÚC HIỀN



CHÙA MỘT CỘT VỚI TINH THẦN PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI NHÀ LÝ

HẠNH CƠ

Cũng như triều đại nhà Đinh (968-980) trước đó, triều đại Lê Đại-Hành (980-1005) (1) là một triều đại về vang trong lịch sử dựng nước của nước ta, nhưng sự nghiệp ấy quá ngắn ngủi vì sự phá nát của vua Lê Long-Đĩnh (1005-1009) (2), cho nên bắt buộc phải có một sự đổi thay. Phú cường và an cư lạc nghiệp là những nhu cầu thiết yếu của quốc gia dân tộc, và đó đã là động cơ thúc đẩy Lí Công-Uẩn (3) lên nắm chính quyền (1010-1028) để phục hưng quốc gia, bảo vệ tinh thần đạo đức của dân tộc. Và sự lên ngôi của Lí Công-Uẩn để khai sáng ra nhà Lý đã là một công trình, một sắp xếp chính trị rất khéo léo của thiền sư Vạn-Hạnh (4). Đó là một kết quả của "tinh thần Vạn-Hạnh," và Lí Công-Uẩn lên ngôi, cũng như các vua Lí kế tiếp, là thực hiện cái sứ mệnh "đem ĐẠO vào ĐỜI" của Tổ Vạn-Hạnh. Nói cách khác, tư tưởng của Vạn-Hạnh đã ảnh hưởng sâu xa và quyết định phần lớn cho tinh thần giới lãnh đạo suốt triều đại nhà Lý; đó là tinh thần tập thành Thiên và Mật, có kiến thức cao siêu thần toán, thấu suốt và nối liền quá khứ, hiện tại, vị lai, sử dụng các thuật phong thủy và sấm ví, làm lợi khí cho những hành động ích quốc lợi dân, phụng sự quốc gia và bảo vệ chủ quyền dân tộc. Nhà Lý đã xây dựng một quốc gia tiến bộ khác hẳn Đinh, Lê trước đó, và chùa Một-Cột đã xuất hiện một cách độc đáo trong cái tinh thần tiến bộ toàn diện đó.

1. Sự Hình Thành và Ý Nghĩa Chùa Một-Cột

Chùa MỘT-CỘT được hình thành là do một giấc mộng của vua Lí Thái-Tông (1028-1054) (5). **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** chép: "Tháng hai, mùa xuân năm Kì-Sửu (1049), vua đổi niên hiệu là Sùng-Hung Đại-Bảo (1049-1054) (6) năm đầu. Trước đó vua mộng thấy Phật Bà Quan-Âm ngồi trên đài hoa sen, dẫn vua lên đài. Khi tỉnh dậy, vua nói lại với triều thần. Có người cho là điềm gỡ, nhưng nhà sư Thiên-Tuệ thì khuyên vua nên xây chùa. Vua cho dựng cột đá giữa hồ, xây đài hoa sen có tượng Bồ-Tát Quán-Thế-Âm ở trên, đúng như hình ảnh vua đã thấy trong mộng. Các nhà sư chạy đàn chung quanh, tụng kinh cầu sống lâu, nhân đó đặt tên chùa là Diên-Hựu." (7)

Theo đó thì chùa Một-Cột đã lấy nguồn cảm hứng từ giấc mộng đài sen với Phật Bà Quan-Âm. Cảm hứng từ mộng là một thứ tâm lí nghệ thuật của các dân tộc Đông phương, và hình dáng chùa đã bao hàm nhiều ý nghĩa nghệ thuật tôn giáo.



Theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục (trong sách **Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam**) thì từ thời nhà Đinh đã dựng cột bia đá "Đà-la-ni," gọi là cột "nhất-trụ," để cầu tuổi thọ, cầu cho vận nước dài lâu bên cạnh cái không khí luôn luôn đe dọa nặng nề của Trung Quốc. Đến nhà Lí thì cây cột "nhất trụ" ấy lại bao hàm nhiều ý nghĩa hơn nữa, khi vua Lí Thái-Tông đã biến hình "nhất trụ" thành hình hoa sen (bằng cách cho xây trên đỉnh cột một cái điện nhỏ bằng gỗ lợp ngói, mái cong), để trở thành chùa Diên-Hựu -- tức Một-Cột. Chùa có hình dáng một hoa sen, và nếu nhìn từ xa thì quả đó một hoa sen lớn mọc lên từ hồ nước, - dĩ nhiên, cây cột đã trở thành cọng sen.

Vẫn theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục thì hình ảnh hoa sen cũng đã có những ẩn tượng rõ nét trong tinh thần dân tộc ta từ thời nhà Đinh: Đinh Bộ-Lĩnh (tức vua Đinh Tiên-hoàng-đế, 968-979) ở cạnh đền Sơn-thần, ngoài cửa có đám

sen núi có dấu chữ "thiên tử"; mẹ Lê Hoàn (tức vua Lê Đại-Hành) có mang năm mộng thấy trong bụng sinh hoa sen; tháng sáu, niên hiệu Long-Thụy Thái-Bình (1054-1058) (8) thứ 5 (1058), vua Lí Thánh-Tông (1054-1072) (9) cho xây điện Linh-Quang, bên trái dựng điện Kiến-Lễ, bên phải dựng điện Sùng-Nghi; phía trước điện dựng lầu chuông một cột sáu cạnh hình hoa sen. (10)

Vậy thì, hoa sen luôn luôn mang một ý nghĩa tốt đẹp, tượng trưng cho những gì cao quý nhất trên đời. Nơi nào có hoa sen là nơi đó có Phật, Bồ-Tát ngự trị; nơi nào có dấu sen là nơi đó có dấu vết hiền nhân; nơi nào có hồ sen nhất định phải là nơi thanh tịnh; và chính hoa sen đã được người bình dân tôn quý để ví với những người có tâm hồn thanh cao, sống nơi bụi trần đầy danh lợi mà không bị những thứ ô uế cảm dỗ, ràng buộc:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng;
Nhụy vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.* (Ca dao)

Cuối cùng, hoa sen có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, đến nỗi nó đã được dùng làm tựa đề cho một bộ kinh cao thâm của Phật giáo đại thừa: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Do đó có thể thấy, tín ngưỡng HOA SEN là tín ngưỡng PHẬT THỪA vậy.

Cũng vì hoa sen mang những ý nghĩa như thế, nên hễ người ta nói đến hoa sen là nói đến Phật. Sen là chỗ Phật



ngự. Tòa sen là tòa Phật. Và bộ ba "Tam Thánh": Di-Đà -- Quan-Âm -- Thế-Chí đã dính liền mật thiết với hoa sen trong tín ngưỡng Tịnh-Độ tông. Cối Cực-lạc là cả một thế giới hoa sen. Vì vậy, vua Lí Thái-Tông đã mộng thấy hoa sen với Phật Bà Quan-Âm đứng trên đài sen, và giấc mộng ấy đã được hiện thực bằng ngôi chùa Một-Cột có hình dáng hoa sen với tượng Bồ-Tát Quán-Thế-Âm được thờ trong đó.

Tín ngưỡng Phật Bà Quan-Âm trong tâm thức dân tộc Việt cũng là một tín ngưỡng đặc biệt, nó biểu hiện cho lòng yêu thương vô bờ của MẸ, hòa đồng với tín ngưỡng sùng bái Nữ Thần cổ hữu trong tư tưởng bình dân Việt Nam. Người bình dân Việt Nam với tâm hồn chất phác, chân thật, luôn luôn có khuynh hướng nguyện cầu một "tha lực" từ bi cứu khổ cứu nạn như Bồ-Tát Quán-Thế-Âm, hay là Nữ Thần của họ. Họ nương tựa vào đó như một nơi an lành, như đứa bé cảm thấy được yên ổn trong lòng mẹ. Họ luôn luôn yên tâm khi tin tưởng có Bồ-Tát Quán-Thế-Âm ở bên cạnh để che chở, độ trì.

Xem thế, chùa Một-Cột quả là một tác phẩm nghệ thuật tân kỳ, thể hiện trọn vẹn cái tâm linh độc đáo của dân tộc. Với cây cột độc nhất dựng sừng sững giữa hồ, nó biểu hiện cho tín ngưỡng về nguồn sống vũ trụ, về âm dương hòa hợp của tư tưởng Bà-la-môn giáo và Chiêm-thành -- vốn cũng đã ảnh hưởng ngấm ngấm vào tinh thần dân Việt từ lâu. Với cái điện hình hoa sen mọc lên từ hồ nước, nó nói lên cái tinh thần phấn đấu âm thầm với dự vọng để tự kiến tánh thành Phật của các thiền sư, tức là giới trí thức bác học. Và với tượng Phật Bà Quan-Âm, nó bộc lộ cái tình mẹ, tượng trưng cho Nữ Thần, một tha lực từ bi luôn luôn cứu độ chúng sinh, đó là tín ngưỡng của giới bình dân chơn chất. Vì vậy, chùa Một-Cột quả đã gói ghém hoàn toàn tinh thần tín ngưỡng đặc biệt của Việt Nam thời đó. Tinh thần chùa Một-Cột là một tinh thần tổng hợp của Phật giáo Việt Nam thời Lí. Tinh thần đó đã dung hòa các tư tưởng vừa Thiền, vừa Mật, vừa Nho, vừa Lão, vừa trí thức, vừa bình dân, nhất là nó thể hiện một tinh thần hợp sáng nhưng độc lập của quốc gia; và chính cái tinh thần đó đã là nguyên nhân sâu xa của việc thành lập thiền phái Thảo-Đường, một phái thiền Việt-nam được đấng thời nhà Lí.

2. Thiền phái Thảo Đường: Một kết tinh của Tinh thần Phật giáo Việt Nam thời nhà Lí
Thời đại nhà Lí là thời đại toàn thịnh của Phật giáo Việt Nam, mà cũng là thời đại có í thức dân tộc cao nhất, tinh thần quốc gia hùng mạnh nhất trong lịch sử độc lập của Việt Nam. Về điểm này, giáo sư Hoàng Xuân Hãn có nói: "*Lí Thánh-Tông là vua ta đầu tiên có óc lập một đế quốc có danh ngang với một nước thiên tử. Vua đặt quốc hiệu là Đại-Việt (1054), tôn các vua trước là Thái-Tổ, Thái-Tông, coi các nước nhỏ là chư hầu, và muốn ngăn cấm Chiêm Thành thần phục Tống.*" (11) Và chính ở trong cái í thức dân tộc và tinh thần độc lập, tự cường cao độ đó mà phái thiền Thảo-Đường đã xuất hiện, như học giả Trần Văn Giáp đã nói: "*Đến thế kỉ XI, đạo Phật rất thịnh vượng ở Việt-nam. Những người nhiệt thành với đạo này không phải chỉ là quần chúng mà cả những quan lớn ở triều đình, và cả những vua chúa nữa. Những ông vua ấy muốn thiết lập một phái mới. Nhưng thay vì trực thuộc với Bồ-Đề Đạt-Ma, họ lại chọn một thiền sư Trung-hoa tên là Thảo-Đường đã đến Chiêm-thành và ngụ một thời gian ở đó. Chắc chắn họ đã theo giáo huấn của vị sư trưởng này và thực hành giáo pháp của ông. Thời kì thứ tư này quả là thời kì Thiền học Việt-nam.*" (12)

Từ Lí Thái-Tông, ta thấy nhà vua đã có khuynh hướng xây dựng một nền Phật giáo riêng biệt, đặc thù cho Đại-cổ-việt (13) qua kiến trúc hợp sáng chùa Một-Cột, thờ Phật Bà Quan-Âm trong một cái điện hình hoa sen. Đến vua Lí

Thánh-Tông thì cái khuynh hướng ấy lại càng mạnh mẽ hơn nữa, đến nỗi đã đưa đến việc sáng lập một phái thiền mới lấy tên của thiền sư Thảo-Đường.

Về sự tích Tổ Thảo-Đường, sách **An Nam Chí Lược** chép: "*Thảo-Đường đi theo sư phụ sang ở đất Chiêm-thành. Khi vua Lí Thánh-Tông đánh Chiêm-thành, bắt được làm tù binh, giao cho quan tăng-lục làm gia nô. Quan tăng-lục viết sách Ngử Lục, để ngỏ trên bàn và đi khỏi. Nhà sư Thảo-Đường xem trộm, có sửa chữa đi. Quan tăng-lục về thấy thế lấy làm kinh ngạc về anh gia nô, bèn tâu lên vua. Vua bái Thảo-Đường làm quốc-sư.*" (14)



Tinh thần của tài liệu này cho ta thấy gì? Đọc lại lời của giáo sư Hoàng Xuân Hãn ở trên thì triều đại Lí Thánh-Tông quả là một triều đại oanh liệt, có tinh thần dân tộc cao sáng nhất. Vua Lí Thánh-Tông nuôi mộng xây dựng quốc gia thành một đế quốc hùng cường, xứng danh "Đại-Việt"; trong đó bao gồm í tưởng sáng lập một tông phái Phật giáo Đại-Việt đặc thù, hoàn toàn mang màu sắc dân tộc, mặc dù trước đó đã có hai phái thiền Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi và Vô-Ngôn-Thông từ ngoại quốc truyền vào. Và mộng ước ấy đã được thành tựu do một thiện duyên hãn hữu, đó là việc nhà vua đi đánh Chiêm-thành, bắt nhiều tù binh, và trong đám tù binh ấy có thiền sư Thảo-Đường.

Thảo-Đường là một tù binh được cắt đặt làm thị giả cho vị tăng-lục (*vị tăng sĩ cao cấp trông coi về tăng sự*). Lại do sự khám phá của chính vị tăng-lục mà Thảo-Đường được nhà vua tôn làm quốc-sư. Ấy là vua đã nhặt được viên ngọc vô giá từ trong bùn lầy! Ý vua đã mong ước thành lập một tông phái đặc biệt Việt Nam, nhưng nhà vua là cư sĩ, không thể đứng làm tổ khai sơn cho một môn phái, -- lại không muốn chọn các vị thiền sư đã sẵn có môn phái đương thời, -- nhân cơ hội khám phá được viên ngọc vô giá là thiền sư Thảo-Đường (*dù vốn có nguồn gốc từ Trung-hoa*), bèn lập tức tôn lập ngài làm Tổ, lấy tên ngài làm tên môn phái, rồi chính nhà vua làm đồ đệ đầu tiên đời thứ nhất. Thật là một cơ hội nghìn vàng để vua thực hiện giấc mộng. Quan tăng-lục là một vị cao tăng, mà viết "ngử lục" còn bị Thảo-Đường sửa chữa, thì Thảo-Đường quả xứng đáng với sự trông đợi và kính ngưỡng của vua Lí Thánh-Tông.

Vậy thì cái tinh thần đặc biệt của Tổ Thảo-Đường là gì? Đó là một tinh thần tổng hợp Thiền và Tịnh. Theo tinh thần bài "Kinh Sách" của Tổ thì con đường tu hành không phải chỉ có một, mà phải gồm cả ba phương diện: tham thiền, quán chiếu và niệm Phật. Tham thiền và quán chiếu tức là tập trung tinh thần nhằm vào một điểm, ngưng đọng tất cả mọi vọng niệm trong tâm, để cho tâm í thanh tịnh, không



còn vọng động. Lúc đó cả năng tri và sở tri đều mất, trí tuệ phát sinh, kiến tánh giác ngộ. Đó là con đường tự lực đốn ngộ, có thể giải thoát ngay ở đời này, được áp dụng chung cho cả tăng lẫn tục. Nhưng đó là con đường trí thức, chỉ thích hợp cho những bậc thượng nhân; còn đối với kẻ độn căn mà đa số là quần chúng nông dân thì không thích hợp. Do vậy mà Tổ đã đưa ra con đường niệm Phật để dẫn dắt đám quần chúng nông dân đông đảo ấy. Tổ nói: *"Thiền vốn không có cửa vào nhất định, nếu không đủ căn bản tâm linh thì phần nhiều rơi vào lằm lạc, trọn đời trôi nổi, khó mà giác ngộ. Pháp quán tâm thì rất tế nhị, tinh vi, nếu không có trí tuệ bát nhã thì ít có thể tiến bộ trên đường chứng nghiệm. Chỉ còn có lối niệm Phật là rất mau lẹ, tiện lợi. Từ xưa đến nay, người thông minh hay ngu độn đều tu, đàn ông hay đàn bà đều chuộng, muôn người không một sai lầm như bốn lời dạy của phái Lâm-Tế đã tỏ rõ. Chỉ cần tự phân tích lấy tâm mình, chớ nghi ngờ mình làm không được."* (15)

Người nông dân vốn dồi dào tình cảm và giàu tưởng tượng. Hơn nữa, trải qua bao cảnh bạo tàn, đau thương của giặc giã, chiến tranh từ các đời trước, họ chỉ mong được một đời sống thanh bình, an cư lạc nghiệp với sự độ trì của thần linh, cho nên sự tin tưởng vào Phật Bà Quan-Âm với lòng từ bi của Mẹ Hiền cứu khổ cứu nạn đã phổ biến mau lẹ và sâu rộng trong quần chúng bình dân. Tín ngưỡng vào Bồ-Tát Quán-Thế-Âm cứu khổ độ trì là một lòng tin vào tha lực. Bởi thế, con đường niệm Phật dành cho người bình dân đã được đề cao bên cạnh con đường tham thiền và quán chiếu dành cho bậc đại trí tin tưởng vào tự lực; đó là cái chủ tâm của vua Lí Thánh-Tông trong việc thành lập thiền học Thảo-Đường, nhằm tổng hợp tín ngưỡng của toàn dân, làm thành một sức mạnh vô địch để thực hiện cái mộng "Đại-Việt" trong tinh thần dân tộc cao sáng của mình.

Như vậy, đứng về phương diện lịch sử, chúng ta phải công nhận người sáng lập ra phái thiền Thảo-Đường là vua Lí Thánh-Tông. Tinh thần Thảo-Đường chính là tinh thần Lí Thánh-Tông trong í hướng sáng lập một môn phái đặc biệt dân tộc. Tinh thần Lí Thánh-Tông là một tinh thần cởi mở, sẵn sàng thấu hóa nhiều tín ngưỡng khác nhau. Vua rất sùng thượng Phật pháp nên đã xây cất và tu bổ rất nhiều chùa tháp. Tinh thần từ bi của Phật giáo đã ảnh hưởng sâu đậm nên nhà vua có tiếng là một ông vua nhân từ. Vua đã từng ban chẩn chiếu cho tù nhân, cho họ ăn cơm đầy đủ vì nghĩ thương cái hoàn cảnh đói lạnh của họ trong ngục xá; và đối với dân chúng thì: *"Lòng trầm yêu dân như yêu con trầm vậy; hiềm vì trăm họ ngu dại làm cần phải tội, trầm lấy làm thương lắm; vậy từ nay về sau, tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi."* (16) Đối với Khổng giáo nhà vua cũng rất chú trọng. Vua là người đầu tiên ở nước ta dựng lập văn miếu, tạc tượng Chu-Công, Khổng-Tử và tứ-phối để thờ phượng (1070). Vua cũng rất hâm mộ âm nhạc Chiêm-thành và tin Thần đạo, xây chùa Nhị-Thiên-Vương thờ Nhật-Thiên (Civa

Deva) và Nguyệt-Thiên (Visnu Deva) thuộc tín ngưỡng Ấn-độ giáo.

Vì vậy, khi nhận xét về Lí Thánh-Tông, giáo sư Nguyễn Đăng Thục đã viết: *"Xem thế thì biết rằng khuynh hướng tín ngưỡng của nhà vua cũng như của toàn quốc thời bấy giờ không có tính cách giáo điều, hết sức cởi mở để thỏa hiệp nhiều tín ngưỡng khác nhau."* (17)

3. Quan Âm Nữ

Nói đến Lí Thánh-Tông, chúng ta còn phải đề cập đến một điểm đặc biệt khác nữa, đó là sự liên quan gần như mật thiết giữa nhà vua với hình ảnh Bồ-Tát Quán-Thế-Âm. Hình ảnh Phật Bà Quan-Âm đã ám ảnh dân ta từ lâu, và đã được thể hiện một cách cụ thể kể từ vua Lí Thái-Tông, qua việc xây chùa Một-Cột hình hoa sen để thờ đức Bồ-Tát như chúng ta đã thấy ở trên. Một sự kiện nữa, như sử chép: *"Nhà vua 40 tuổi, chưa có con trai, thường đi các đền chùa để cầu tự. Ngự giá đến đâu, người xem chật đường. Khi đến làng Thổ-lỗi, có người con gái hái dâu đứng dựa vào khóm cỏ lau, nhà vua lấy làm lạ, cho vào cung, lập nàng làm i-Lan phu-nhân. Đến khi có mang, sinh hoàng -tử Càn-Đức, nhà vua mừng lắm. Ngày hôm sau lập làm thái-tử, đổi niên hiệu, đại xá, phong i-Lan phu-nhân làm thần-phi, lại gọi là nguyên-phi, đổi làng Thổ-lỗi làm làng Siêu-loại, vì là nguyên quán của nguyên-phi."* (18)

Sử Kí Toàn Thư lại chép: *"Vua thân đi đánh Chiêm-thành, lâu không thắng, trở về đến châu Cư-liên, nghe tin nguyên-phi điều khiển nội trị được lòng dân hòa hợp, trong nước yên ổn, tôn sùng Phật giáo, tục gọi là Quan-Âm-Nữ. Vua tự bảo, 'Kẻ kia là một nữ nhi mà còn có thể được thế, ta là trai còn dùng làm chi!' Bèn quay lại đánh mới thắng được."* (19)

Sử Kí Toàn Thư lại chép: *"Vua thân đi đánh Chiêm-thành, lâu không thắng, trở về đến châu Cư-liên, nghe tin nguyên-phi điều khiển nội trị được lòng dân hòa hợp, trong nước yên ổn, tôn sùng Phật giáo, tục gọi là Quan-Âm-Nữ. Vua tự bảo, 'Kẻ kia là một nữ nhi mà còn có thể được thế, ta là trai còn dùng làm chi!' Bèn quay lại đánh mới thắng được."* (19)

Trong chế độ quân chủ xưa, việc vua sinh được hoàng nam là một điều vui mừng trọng đại không những cho nhà vua, cho triều đình, mà cho cả nhân dân trong nước. Vua Lí Thánh-Tông đã 40 tuổi mà chưa có con trai, nay gặp được i-Lan phu-nhân thì sinh hoàng nam, đó chẳng là điều đại phúc cho triều đình và cho cả thiên hạ ư? Vì vậy, từ một cô thôn nữ, i-Lan đã được bước lên địa vị một nguyên-phi, và đối với nhân dân thì được tôn kính là Quan-Âm Nữ (con gái của Phật Bà Quan-Âm), nàng quả đã được mọi người, mọi tầng lớp trong toàn quốc coi là một cứu tinh của dân tộc. Nàng là cứu tinh của dân tộc không những sinh được vị thái-tử anh minh, mà còn vì ở tư cách lãnh đạo nhân dân, làm cho họ được sống thanh bình trong cảnh an cư lạc nghiệp. Người dân vốn đã sẵn lòng sùng bái Phật Bà Quan-Âm, nay họ có dịp hiện thực hóa Phật Bà Quan-Âm vào đối tượng i-Lan phu-nhân, chúng ta đã có một sợi dây cảm thông, một í thức nối liền giữa tầng lớp bị trị và tầng lớp thống trị.

Từ trước khi chùa Một-Cột và tượng Phật Bà Quan-Âm xuất hiện, Phật giáo nước ta chỉ biết có Thiền và Mật thần thông, là khuynh hướng tin tưởng vào tự lực, chỉ thích hợp với thiểu số tầng lớp trí thức bác học, giàu nghị lực và í chí. Từ khi chùa Một-Cột với tượng Phật Bà Quan-Âm ra đời thì



hình ảnh Nữ-Thần Quan-Âm đã là đối tượng lí tưởng của đại đa số nông dân tin tưởng vào một tha lực cứu khổ cứu nạn. Và đến Lí Thánh-Tông thì sợi dây nối kết giữa tự lực và tha lực, giữa trí thức bác học và nông dân quê mùa, giữa giới thống trị và giới bị trị, đã được bện thành; và sợi dây đó chính là nàng thôn nữ Í-Lan. Í-Lan đối với nhà vua là hình ảnh Quan-Âm Nữ, không những đã đem đến cho nhà vua niềm vui một vị thái-tử anh minh nổi nghiệp, mà còn là một động lực phấn khởi nhiệm mầu khiến cho nhà vua thắng trận khai hoàn; còn đối với nhân dân thì Í-Lan cũng là hình ảnh Quan-Âm-Nữ vì đã đem lại cho họ một xã hội an cư lạc nghiệp. Vì vậy, sau khi thắng giặc Chiêm-thành trở về, vua Lí Thánh-Tông đã sáng lập tại kinh đô Thăng-long thiền phái Thảo-Đường, cũng với í chí thống nhất tín ngưỡng sùng bái của bình dân với tín ngưỡng trí thức của bác học để lấy sức mạnh toàn dân mà thực hiện mộng "Đại-Việt" nói về phương diện quốc gia, và thực hiện một môn phái Thiền "Đại-Việt" nói về phương diện Phật giáo.



được các cấp lãnh đạo thực hành triệt để, xây dựng một nước Đại Việt hùng cường, thịnh vượng và nhân ái.

Tinh thần "Bi-Trí-Dũng" ấy lại là một tinh thần toàn dân thống nhất, do công trình nối kết từ tín ngưỡng trí thức quý tộc đến tín ngưỡng sùng bái bình dân qua các hình ảnh chùa Một-Cột, Quan-Âm Nữ, nhất là sự sáng lập thiền phái Thảo-Đường, đã làm cho Phật giáo Việt Nam thời nhà Lí có một tinh thần tín ngưỡng hợp sáng thật đặc biệt. Tất cả những sự kiện trên đã làm cho nước ta dưới thời đại nhà Lí thật xứng đáng với danh xưng "Đại-Việt."

CHÚ THÍCH:

4. Một cách tổng quát

Nhìn một cách tổng quát, chúng ta thấy Phật giáo thời Lí quả đã chứng tỏ cái năng lực phi thường trong việc giáo hóa con người về cả hai phương diện, xuất thế cũng như nhập thế. Từ Lí Thái-Tổ đến Lí Chiêu-Hoàng (1224-1225), trải qua chín đời vua, trị vì suốt một thời gian 215 (1010-1225) năm, Phật giáo luôn luôn nắm vai trò chủ động. Mọi phương diện hệ trọng của quốc gia, từ chính trị, quân sự, đến giáo dục, văn học, nghệ thuật v.v... đều mang tinh thần Phật giáo. Ba phái thiền Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi, Vô-Ngôn-Thông và Thảo-Đường cùng nhau hợp tác, truyền bá song hành, và cùng chung qui vào một chí hướng phục vụ quốc gia dân tộc.

Về phương diện xuất thế, các thiền sư cũng như các vua chúa sùng đạo đều căn cứ vào thiền để khai phóng tâm linh, tự mình phát triển trí tuệ mà ngộ đạo. Về phương diện nhập thế, sau khi ngộ đạo, họ đã hòa mình vào đời sống xã hội, từ cung vua, kinh thành, cho đến làng mạc, thôn quê, họ đã mở bao nhiêu đạo tràng, trường học để mở mang văn hóa, giải phóng tâm hồn môn đệ cho người đời; ở đâu có người sống là ở đó có ánh sáng đạo lí lan tràn tới. Bao nhiêu tinh hoa của dân tộc được khai triển triệt để, làm cho nền văn minh nước ta vào thời đó thật rực rỡ, sánh ngang hàng với Trung Quốc, khiến cho nước láng giềng to lớn này phải nể sợ.

Tinh thần Phật giáo thời Lí, nhất là từ khi hình ảnh hoa sen với tượng Phật Bà Quan-Âm xuất hiện, không phải là một tinh thần Phật giáo Thiền tông thuần túy, mà là cả một tinh thần dung hóa sáng tạo. Từ thiền sư Vạn-Hạnh với triết lí "dung tam tế" đến các thiền sư Từ Đạo-Hạnh, Minh-Không với khuynh hướng tổng hợp Thiền-Mật, sử dụng quyền năng thần thông để giúp đời; rồi các thiền sư Viên-Chiếu, Cứu-Chi, Ngô-Ấn, Thông-Biện, Viên-Thông v.v..., đều khai triển cái học TAM-GIÁO (Phật-Lão-Nho) để phụng sự quốc gia dân tộc, khiến cho cái tinh thần "Bi, Trí, Dũng" của Phật giáo, hay "Nhân, Trí, Dũng" của Nho giáo

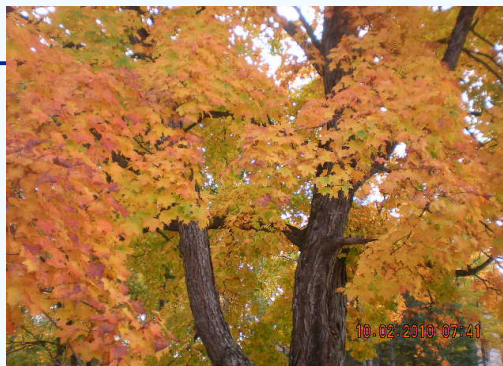
chính cho Vệ-vương Đinh Tuệ (con út của vua Đinh Tiên-hoàng, lên ngôi năm 979, lúc đó mới sáu tuổi). Năm 980, quân Tống xâm lăng, Lê Hoàn cử Phạm Cự Lượng làm đại tướng cầm quân nghênh địch. Trước khi ra quân, Phạm Cự Lượng cùng ba quân đều đồng thanh tôn Lê Hoàn lên ngôi vua (lấy cơ vua Đinh Tuệ còn quá nhỏ dại, chứ tướng sĩ đánh giặc không thể biết thường phạt công minh). Liền đó, Lê Hoàn lên ngôi, xưng là Đại-Hành hoàng-đế, phế Đinh Tuệ làm Vệ-vương, mở ra nhà Tiền-Lê (980-1009), rồi đích thân cầm quân chống giặc, thắng được cả thủy, lục quân Tống, giết chủ tướng Tống là Hầu Nhân-Bảo (981), nhà Tống phải cầu hòa. Ông ở ngôi được 25 năm (980-1005), thọ 65 tuổi.

- 2) Lê Long-Đĩnh: Là con út của vua Lê Đại-Hành (em của Long-Ngân, Long-Kính, Long-Việt). Vua Lê Đại-Hành mất (1005), Long-Việt lên ngôi (là vua Lê Trung-Tông), nhưng chỉ được ba ngày thì bị Long-Đĩnh cho người ám sát để đoạt ngôi, trở thành vua đời thứ ba của nhà Tiền-Lê. Lê Long-Đĩnh là ông vua nổi tiếng về độc ác, bạo ngược, hiếu sát trong lịch sử nước ta. Ông lại là người hoan dâm quá độ, đến nỗi mắc bệnh không ngồi được, phải nằm mà thỉnh triều, cho nên được người đương thời gọi là "Ngọa-Triều hoàng-đế." Ông ở ngôi được bốn năm (1005-1009), thọ 20 tuổi.
- 3) Lí Công-Uẩn: Vua khai sáng nhà Lí (1010-1225). -- Để phân biệt, có người gọi đây là nhà Hậu-Lí, khác với nhà Tiền-Lí (544-602) do Lí Nam-Đế (544-548) sáng lập. -- Công-Uẩn người làng Cổ-pháp, huyện Đông-ngạn, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh, không biết cha là ai, được mẹ là bà họ Phạm đem cho thiền sư trú trì chùa Cổ-Pháp là Lí Khánh-Vân làm con nuôi, cho nên lấy họ Lí. Tuổi thơ ông đã sống kham khổ trong chốn thiền môn, nhưng lại được sự dạy dỗ tận tình của thiền sư Vạn-Hạnh, nên lớn lên ông đã trở thành một người tài đức kiêm toàn, được vào triều phụng sự nhà Tiền-Lê, làm quan đến chức tả-thân-vệ điện-tiền chỉ-huy-sứ. Ông được toàn thể đình thần tin yêu và kính trọng, nên sau khi vua Lê Long-Đĩnh băng (1009), ông đã



được họ tôn lên ngôi vua (tức vua Lí Thái-Tổ), khai sáng một triều đại nhà Lí huy hoàng, áp dụng tinh thần BI-TRÍ-DŨNG của Phật giáo trong việc trị dân, chấm dứt một giai đoạn tai ách khổ đau cho dân tộc. Sau khi lên ngôi, nhà vua cho dời kinh đô từ Hoa-lư (Ninh-bình) ra La-thành, đặt tên lại là Thăng-long (tức thành phố Hà-nội ngày nay) -- vẫn giữ quốc hiệu là Đại-cồ-việt (xin xem chú thích số 13 ở sau). Ông ở ngôi được 18 năm (1010-1028), thọ 55 tuổi.

- 4) Vạn-Hạnh: Vị cao tăng đời thứ 12 thiền phái Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi. Thiền sư họ Nguyễn, người làng Cổ-pháp, huyện Đông-ngạn, phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh. Từ thuở nhỏ đã thông minh khác thường, tinh thông cả Nho, Lão, Phật, nghiên cứu hàng trăm bộ kinh luận Phật giáo, không ham danh lợi, không trọng giàu sang. Năm 21 tuổi xuất gia, học với thiền sư Thiền-Ông chùa Lục-Tổ, chuyên cần tinh tấn, đạo hạnh cao dày, lại rất giỏi về sấm vĩ và phong thủy, được thiên hạ tin tưởng là bậc tiên tri. Thiền sư là thầy dạy học cho cả vua Lê Đại-Hành và Lí Thái-Tổ, đã giúp đỡ rất nhiều cho vua Lê Đại-Hành trong các việc cai trị cũng như quân quốc đại sự. Khi đoán biết vận số nhà Tiền-Lê đã hết, thiền sư đã khéo léo vận động đưa Lí Công-Uẩn lên ngôi hoàng đế, chấm dứt thời kì tối tăm đầy đau khổ của dân tộc dưới triều vua Lê Long-Đĩnh tàn ác, dâm loạn, đồng thời ngăn chặn được những biến loạn nguy hiểm sau khi vua Lê Long-Đĩnh băng. Vua Lí Thái-Tổ lên ngôi, mở ra triều đại nhà Lí, phong cho thiền sư làm quốc sư. Nhân cơ hội này, thiền sư đã đem hết khả năng và tinh thần "dung hợp Nho-Lão-Phật" của mình để giúp vua trị quốc an dân, đúng với tư cách của một vị lãnh đạo không những về tâm linh, mà còn về hành động giúp dân an cư lạc nghiệp. Thiền sư tịch vào năm 1018.
- 5) Lí Thái-Tông: Con trưởng vua Lí Thái-Tổ, tên Phật-Mã, nối ngôi năm 1028, là vua đời thứ hai nhà Lí. Ông là một vị quân vương thông minh, giỏi cả về chính trị cũng như quân sự. Ông cũng thấm nhuần đức độ của vua cha, thâm tín Phật pháp, nên rất thương dân và thường quan tâm đến đời sống của dân. Ông ở ngôi được 26 năm (1028-1054), thọ 55 tuổi.
- 6) Trong suốt thời gian ở ngôi, vua Lí Thái-Tông đã đặt sáu niên hiệu: Thiên-Thành (1028-1033); Thông-Thụy (1034-1038); Càn-Phù-Hữu-Đạo (1039-1041); Minh-Đạo (1042-1043); Thiên-Cầm-Thánh-Vũ (1044-1048); Sùng-Hưng-Đại-Bào (1049-1054).
- 7) Trích từ sách Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam, tập II (Sài-gòn: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1969) của Nguyễn Đăng Thục.
- 8) Trong suốt thời gian trị vì, vua Lí Thánh-Tông đã đặt năm niên hiệu: Long-Thụy Thái-Bình (1054-1058); Chương-Thánh Gia-Khánh (1059-1065); Long-Chương-Thiên-Tự (1066-1067); Thiên-Huống Bào-Tượng (1068); Thần-Võ (1069-1072).
- 9) Lí Thánh-Tông: Vua Thái-Tông băng (1054), thái-tử Nhật-Tông lên nối ngôi làm vua đời thứ ba nhà Lí, tức Lí Thánh-Tông, đổi quốc hiệu là Đại-việt. Ông cũng là một vị quân vương tài trí, nhân từ và đức độ, đã tạo một sự nghiệp hiển hách còn hơn cả các đời trước. Ông ở ngôi được 18 năm (1054-1072), thọ 50 tuổi.
- 10) Theo giáo sư Nguyễn Đăng Thục, Sđd.
- 11) Hoàng Xuân Hãn, Lí Thường Kiệt (Sài-gòn: Ban Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, 1967).
- 12) Trần Văn Giáp, Phật Giáo Việt Nam, Tuệ Sĩ dịch (Sài-gòn: Ban Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, 1968).
- 13) Năm 968, Đinh Bộ-Lĩnh dẹp yên 12 sứ quân, lên ngôi vua, xưng là Tiên-hoàng-đế, đặt quốc hiệu là Đại-cồ-



Gió thu về

*Hoàng hôn ơi chậm chậm đừng vội vã...
Giữa đêm về chưa kịp vỗ... chiêm bao
Ngày tháng cứ xoay vòng trong hồi hải
Ta giật mình... thân xác đã gãy hao.*

*Sâu lữ thứ chưa nguôi tình cố quận
Trải một đời chưa hết nỗi băng khuâng
Ngồi đối diện với bao điều khó hiểu
Gió thu về thổi lạnh... nhớ chinh nhân !*

Florida, Trung thu Tân Mão 2011

HUYỀN VŨ

việt (nước Việt lớn), đóng đô tại Hoa-lư (tỉnh Ninh-bình).

- 14) Nguyễn Đăng Thục, Sđd.
- 15) Nguyễn Đăng Thục, Sđd.
- 16) Thượng-tọa Mật-Thể, Việt Nam Phật Giáo Sử Lược (Nha-trang: Phật Học Viện Trung Phần, 1960).
- 17) Nguyễn Đăng Thục, Sđd.
- 18) Nguyễn Đăng Thục, Sđd.
- 19) Nguyễn Đăng Thục, Sđd.

Tài liệu tham khảo

- Hoàng Xuân Hãn. Lí Thường Kiệt. Sài-gòn: Ban Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, 1967.
- Nguyễn Đăng Thục. Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam, tập I, II. Sài-gòn: Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, 1969.
- Nguyễn Đăng Thục. Thiền Học Việt Nam. Sài-gòn: Lá Bối, 1967.
- Nguyễn Lang. Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I. Paris: Lá Bối, 1977.
- Thượng-tọa Mật-Thể. Việt Nam Phật Giáo Sử Lược. Nha-trang: Phật Học Viện Trung Phần, 1960.
- Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Sài-gòn: Tân Việt, in lần thứ sáu.
- Trần Văn Giáp. Phật Giáo Việt Nam (Tuệ-Sĩ dịch). Sài-gòn: Ban Tu Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1968.



NGƯỜI ĂN CƠM PHẬT

CƯ SĨ NGUYÊN GIÁC

Có một chút khác nhau giữa cách nói “ăn cơm Phật” và “ăn cơm nhà Phật.” Đó là giữa một mô tả về cơm, và một chỉ định về nơi chốn của cơm này. Nhưng cũng có thể nghĩ rằng sẽ không có dị biệt nào, nếu cùng hiểu rằng chữ Phật có nghĩa là “trí tuệ tinh thức.” Đức Phật, để nói ngắn gọn, là người đã tỉnh thức.

Có một câu ca dao Việt Nam thường nghe, trong đó nói về tâm thức của người ăn cơm Phật. Tác phẩm “Ca Dao Tục Ngữ Phật Giáo Việt Nam” do Thầy Lệ Như Thích Trung Hậu sưu tập, nơi câu thứ 25, có ghi:

*“Ăn cơm Phật lật đật cả ngày,
Ăn cơm nhà bay thẳng tay mà ngủ.”*

Hai hình ảnh khác nhau nổi bật. Hễ đã ăn cơm Phật, là bận rộn làm việc liên tục, không mệt mỏi. Hiểu là, ăn cơm Phật, là đã “tỉnh thức trí tuệ,” thì không lười biếng nổi được nữa, nghĩa là lúc nào cũng thấy có việc phải làm, và do cơ duyên lúc nào cũng gặp việc phải làm. Lúc đó, có muốn lười biếng, cũng không lười biếng nổi.

Còn “ăn cơm nhà bay,” theo nghĩa đối nghịch với câu trên, có nghĩa là “ăn cơm chúng sinh,” nên hiểu là “cơm của cõi chưa tỉnh thức,” là vẫn còn u mê mờ mịt, lúc nào cũng tự mãn và vui chơi ăn ngủ.

Nếu hiểu là ăn cơm nhà chùa, và ăn cơm ngoài đời thì lại nghĩa khác. Nhưng nơi đây không có ý như thế. Kiểu như một câu thường nghe, “ăn mày cửa Phật,” là cụ thể nói chuyện đời. Nhưng khi nói “ăn cơm Phật,” tất cả các nghĩa ngoài đời đều biến dạng, mà chỉ còn có nghĩa là “pháp hỷ, thiền duyệt,” nơi đó chỉ có niềm vui của người đã tỉnh thức.

Tuy nhiên, phải khéo léo. Bởi vì, chữ “lật đật” trong tiếng Việt có thể làm chệch ra ngoài ý nghĩa của trung dung, trung đạo. Tuy là làm việc gì cũng có thể làm khẩn cấp, nhanh nhẹn – ngay cả khi viết bài, dịch bài, chạy, bơi, múa võ, đánh quyền... – lúc nào tâm cũng cần giữ nơi lặng lẽ và tỉnh thức. Bởi vì ngay khi để tâm niệm chạy theo quán tính, lúc đó đã không còn là “ăn cơm Phật” nữa. Lúc đó là “ăn cơm nhà bay,” là cơm số

hiều, là “ăn cơm chúng sinh,” là niệm niệm sinh diệt dẫn theo kiếp kiếp sinh diệt.

Không giữ được trung dung, là các cõi chúng sinh lôi kéo liền. Nhưng hễ đi chệch hướng, nghĩa là “ăn cơm nhà bay,” nghĩa là khởi tâm chúng sinh, thì lúc đó dù có ngồi thiền quanh năm, dù tụng kinh ngàn biển, dù niệm Phật trọn đời... cũng vẫn gọi là kiểu “thẳng tay mà ngủ,” kiểu không tu gì hết, bởi vì tu trật hướng, có nghĩa là phóng dật vậy.

Kinh Pháp Cú, bài kệ 21, do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, viết:

*“Không phóng dật, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi.”*

Câu đầu tiên trong bài kệ trên, tiếng Pali là “Appamado amatapadam.”

Tác phẩm “The Dhammapada: Verses and Stories” (Kinh Pháp Cú: Kệ và Truyện Tích) bản dịch Anh ngữ bởi Daw Mya Tin, giải thích:

“Bài kệ 21: Tỉnh thức là đường tới Bất Tử (Niết Bàn); không tỉnh thức là đường tới sự chết. Những người tỉnh thức sẽ không chết; người không tỉnh thức là kẻ như đã chết

rồi.” (Verse 21: Mindfulness is the way to the Deathless (Nibbana); unmindfulness is the way to Death. Those who are mindful do not die; those who are not mindful are as if already dead.)

Trang này còn giải thích về ngữ căn “appamada,” rằng, “Theo Bản Chú Giải, chữ này mang toàn bộ ý nghĩa các lời Phật dạy trong Ba Tạng Kinh, và do vậy chữ appamada được dịch như luôn luôn tỉnh thức khi làm việc công đức...” (appamada: According to the Commentary, it embraces all the meanings of the words of the Buddha in the Tipitaka, and therefore appamada is to be interpreted as being ever mindful in doing meritorious deeds...)

Như thế, “không phóng dật” có nghĩa là “tỉnh thức không ngừng nghỉ.” Như thế, dù có ngày đêm sáu thời tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền... mà tâm không tỉnh thức, cũng có nghĩa là tâm đã phóng dật. Làm sao có thể tỉnh thức không ngừng nghỉ? Làm sao có thể lúc nào cũng thọ dụng cơm Phật? Có thể nói một cách khác, rằng đừng bao giờ thọ dụng cơm chúng sinh, rằng đừng bao giờ để khởi lên một niệm tham, niệm sân, niệm si nào...

Tác phẩm “Tích Truyện Pháp Cú,” do Thiền Viện Viên Chiếu dịch từ cuốn “Buddhist Legends” của Eugène Wat-son Burlingame, có nói về bài kệ này, trích:

“ II. Phẩm Không Phóng Dật

Thời Phật Ca-diếp, có cô con gái viên chương khổ ở Ba-la-nại, một hôm khi bóng chiều đổ xuống, lấy gương ra



10.30.2011 16:39



soi và trang điểm. Một ni cô bạn thân của cô, người đã dứt hết dục lạc, đến thăm. (Thường những ni cô đã dứt hết dục lạc, hay đến thăm gia chủ ủng hộ mình vào xế chiều). Lúc đó các nàng hầu của cô vắng mặt nên cô bảo vị ni lấy giùm giỏ trang điểm. Nếu không làm theo ý cô, có thể cô nổi sân và như thế sẽ tái sanh vào địa ngục, nhưng nếu nghe lời cô sai bảo thì cô sẽ làm người hầu ở kiếp sau. Làm người hầu dù sao cũng không khổ bằng ở địa ngục, nên vị ni lấy giỏ trang điểm đưa cho cô. Do đó cô trở thành nàng hầu." (hết trích)

Truyện vừa kể cho thấy, chỉ một chút sơ ý thôi, vì có hành vi thiếu tôn kính với một vị ni đã dứt dục lạc, cô con quan phải tái sinh làm nàng hầu. Chỉ một khoảnh khắc thiếu tinh thức, thiếu cảnh giác canh giữ ba nghiệp... thế là lỡ cả một kiếp luân lạc.

Tuy nhiên, như thế không có nghĩa là để tâm căng thẳng. Chữ "lật đật" có thể làm hiểu nhầm như thế. Bởi vì đã "ăn cơm trí tuệ" là sẽ biết điều hợp tâm mình "không phóng dật" liên tục, nghĩa là niệm niệm tinh thức liên tục. Không phải gấp gáp, không phải lè phè.

Trong kinh "Appamada Sutta: Heedfulness" (Kinh Tinh Thức) từ Samyutta Nikaya (Tương Ứng Bộ Kinh), bản dịch từ Pali sang Anh văn của Thầy Thanissaro Bhikkhu, trên mạng <http://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn03/sn03.017.than.html>, có ghi lời Đức Phật nói tại thành Savatthi, với Vua Pasenadi Kosala, rằng có một phẩm chất làm lợi đời này và nhiều đời sau, đó là, trích dịch:

"Tinh thức, thưa đại vương. Y hết như dấu chân của tất cả các loài có chân có thể được bao phủ bởi dấu chân của một con voi, và dấu chân voi được tuyên xưng là vô thượng vì kích thước lớn; cũng như thế, tinh thức là một phẩm chất bảo đảm lợi ích cả hai phương diện -- lợi ích trong kiếp này, và lợi ích trong nhiều kiếp sau."

Như thế, "lật đật cả ngày" chỉ có nghĩa là liên tục ngày đêm sẽ không để một niệm chúng sinh nào sinh khởi, nghĩa là sẽ cắt hết mọi nhân duyên để không cho bất kỳ một hạt gạo nào trở thành một hạt cơm nhà bay...

Nghĩa là, ngày đêm sống với cơm Phật, cơm của trí tuệ, cơm của tinh thức.

Tới đây, chúng ta cần có một cảnh giác. Đó là, động từ "ăn" cho hiểu là đưa thêm cái gì vào. Nghĩa là, "ăn cơm Phật" hiểu là "đưa cơm Phật vào." Thực sự không phải như nghĩa đó. Mà nên hiểu, cơm Phật đã có sẵn trong tâm rồi. Nếu có pháp nào ngoài

tâm, thì đó là ngoại đạo.

Vấn đề chỉ là: cơm đã chín chưa? Nghĩa là, gạo, củi, lửa... mọi thứ đã có sẵn, chỉ còn chờ dọn cơm Phật ra để thọ dụng.

Thiền Sư Liễu Quán (1667 - 1742) sau nhiều năm tham học với Thiền Sư Tử Dung ở Huế, tới khi trình kiến giải, "Sớm biết đèn là lửa, cơm chín đã lâu rồi," bấy giờ mới được khen ngợi là đã hiểu đạo.

Đèn là lửa... sóng là nước... niệm niệm đều từ một tâm. Nhưng biết tu pháp tinh thức, thì là cơm Phật; chệch đi một chút, sẽ là cơm chúng sinh.

Trên đường tu, cũng cần phải tinh thức ngay trên pháp tinh thức. Bởi vì vô số cảnh giới sẽ trùng trùng hiện ra trong tâm, và chỉ khởi một tâm chúng sinh là sẽ hồng, chỉ uống công. Đây chính là chỗ mà bài Bát Nhã Tâm Kinh sẽ giúp cho học nhân. Nơi đây chính là "thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm..."

Có cơm Phật cũng không phải là tăng, là cơm chúng sinh cũng không phải là giảm. Nhìn lại trong tâm, thực sự là "không tướng," vì từ nhỏ tới già, chúng ta đã khởi lên vô lượng tâm, thấy vô lượng niệm hiện ra và biến mất...

Cũng cần cảnh giác, có một số vị tu thiền lại chấp vào cảnh giới an lạc, thanh tịnh. Thí dụ, khi ngồi thiền, thấy thân tâm mình an lạc, nên sinh tâm ưa thích cảnh thanh tịnh, thoải mái; hay khi rửa chén, chú tâm vào thọ lạc khi thấy nước ấm loang nơi bàn tay và ngửi mùi xà phòng thơm; hay khi nhai cơm, chú tâm vào thọ lạc khi nghiền hạt cơm... vân vân.

Nghĩa là, "thấy quá phê" nhờ tập thiền.

Coi chừng, ưa thích cảnh thanh tịnh, lúc đó tâm tham sẽ hiện ra. Nhiều thập niên trước, một vị thiền sư ở Bình Dương đã từng dạy rằng, khi ngồi thiền mà thấy mê cảnh thiền định, thì hãy bỏ oai nghi ngồi...

Ngược lại, khi ghét cảnh bất tịnh, khi thấy cảnh không như ý mình, lại dễ dàng sinh khởi tâm sân. Thế lại là hồng. Khi yêu cảnh này, sẽ bị niệm tham mai phục; khi ghét cảnh kia, sẽ bị niệm sân mai phục. Cả yêu cùng ghét đều là bệnh cả.

Cho nên, trong khi tu học, nên giữ tâm "bất cấu, bất tịnh" (không dơ, không sạch).

Hãy giữ tâm lặng lẽ và tinh thức, rồi "không tướng" sẽ hiện ra. Hãy để mặc cho vô lượng sóng niệm sinh khởi và biến dạng, rồi mặt hồ sẽ an tịnh và ánh trăng sẽ hiện ra.

Cảnh giới đó, ánh trăng đó, chính là "cơm Phật." Tâm đó chính là "không tướng," chính là tâm của "bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm..."

Bạn có thể tập được các bước đầu đơn giản trong việc "ăn cơm Phật" này. Không có gì phải lật đật; đó chỉ là một kiểu nói cách điệu thôi. Hãy khởi sự thật đơn giản: hãy hít thở dịu dàng và tự nhiên, hãy để tâm cảm nhận hơi thở vào và ra dịu dàng. Hãy tập như thế bất kỳ khi nào nhớ tới hơi thở. Cả khi đi, đứng, nằm, ngồi. Trong vài ngày thôi, bạn sẽ thấy khác liền. Và khi nào có dịp, hãy tìm đọc thêm, và tìm các vị thầy hướng dẫn.

Tại sao, có cơm lại không chịu ăn? Hưởng gì, đây lại là cơm Phật...



Con Quỷ Vô Thường

ĐÀO VĂN BÌNH

Trong thế giới này, trong vũ trụ này hoặc trong muôn ngàn vạn ức thế giới, có một con quỷ – không biết dung mạo của nó ra sao, nó bao nhiêu tuổi, nhưng quyền năng của nó thật ghê gớm. Đó là Con Quỷ Vô Thường:

- Nó làm cho muôn vật không đứng yên một chỗ mà phải biến đổi.

- Nó làm cho vạn pháp phải hoại diệt. Thánh thần, dù thần linh tối cao, tối thượng, mẫu nhiệm nó cũng không tha.

- Nó làm cho mái tóc xanh của con người phải bạc đi.

- Nó làm cho thân hình đẹp để tráng kiện, hấp dẫn kia phải lờm khờ, đôi môi xinh xắn phải héo tàn. Giọng nói, giọng hát trong trẻo phải thều thào. Làn da mịn màng phải khô như gốc củi.

- Nó làm cho đóa hoa sớm nở tối tàn.

- Nó làm cho lâu đài tráng lệ kia lần hồi hoang phế, mục nát. Biển cả hóa cồn dâu.

- Nó làm cho yêu trở thành ghét. Ghét trở thành yêu. Đen trở thành trắng. Đúng trở thành sai. Bạn trở thành thù. Thù trở thành bạn...không có gì vĩnh cửu cả.

- Nó làm cho giàu sang bỗng trở nên tay trắng. Quyền thế bỗng trở thành tội phạm. Thánh thiện, linh thiêng bỗng trở thành kẻ thương luân bại lý, khiến cuộc đời này giống như một bãi hỷ trường.

- Nó làm cho đời ta giống như một giấc mộng. Có đó rồi mất đó.

- Cả cái giải Thiên Hà với hàng tỉ, tỉ ngôi sao kia nó cũng làm cho chuyển động không ngừng, mở rộng rồi co vào, rồi nổ tung (Big Bang), rồi văng đi vạn nẻo rồi lại co vào rồi lại nổ tung...giống như một trò vui chơi bất tận.

- Nó làm cho những tụ hội kiêu sa, yến tiệc linh đình, hội họp "thượng đỉnh" phút chốc tan biến đâu mất rồi chỉ còn lại những khắc khoải, lo âu, toan tính và mệt nhọc, đôi khi lại chia rẽ nhau.

- Làm sao chúng ta có thể lấy lại được những gì trong cuộc sống của ngày hôm qua? Chúng ta có thể lưu lại phần nào đó qua những tấm hình,

trong băng nhựa, trong các đĩa ép (CD) nhưng rồi Con Quỷ Vô Thường cũng sẽ làm cho những tấm hình trở nên hoen ố, các đĩa ép rồi cũng sẽ vỡ vụn. Chúng ta cũng có thể lưu những thứ đó vào trong máy điện tử nhưng rồi Con Quỷ Vô Thường lại gửi Virus tới lấy đi tất cả. Thật là quá ác!

- Làm sao chúng ta có thể tìm lại những cảm xúc ngọt ngào, những lời nói du dương, những phút giây hạnh phúc của ngày hôm qua? Chúng ta có thể vận dụng trí nhớ nhưng rồi với tuổi đời chông chất, Con Quỷ Vô Thường cũng sẽ làm cho trí nhớ của chúng ta mòn mỏi. Rồi nó lại "thân tặng" chúng ta căn bệnh Parkinson làm chúng ta mất luôn hoặc trở nên lú lẫn.

Ồi Con Quỷ Vô Thường, nó thật ác độc! Nó là kẻ thù hạnh phúc của con người. Nó làm cho chúng ta đau khổ nhưng hầu như trong chúng ta ít người biết đến nó.

Bạn ơi!

Chúng ta đã coi thường "quyền năng" của Con Quỷ Vô Thường khi chúng ta cho rằng, nghĩ rằng, tin rằng cuộc đời này vĩnh cửu, thế giới này vĩnh cửu, niềm tin này bất diệt, tử tướng này bất biến, giá trị này muôn đời bền vững, sức mạnh này muôn năm trường trị, tình yêu này bất tử...

Bạn ơi!

Bạn sẽ vô cùng đau khổ khi bạn chống lại Con Quỷ Vô Thường. Bởi nó là một quyền năng vượt lên trên tất cả mọi quyền năng khác. Chúng ta có thể nói rằng không một quyền năng nào có thể chống lại Quyền Năng Vô Thường.

Vậy thì hãy đi với nó. Hãy vui chơi và thuận thảo với nó. Hãy là chính nó. Khi đó chúng ta sẽ mạnh mẽ bảo Con Quỷ Vô Thường rằng:

- Ông ơi, xin ông đi chỗ khác kiếm ăn đi. Tôi có chấp trước gì đâu mà ông đòi hủy diệt? Tôi có lưu giữ gì đâu mà ông đòi lấy đi? Tôi đã biết thế giới này là huyền hóa thì chuyện ông làm có gì lạ đâu? Cả cái thân tôi đây do "Tứ Đại gia hợp mà thành" (*) tôi biết từ lâu rồi. Nó có mất đi thì cũng là chuyện quá

thường. Xin ông đừng hù dọa tôi. Cả cái đồng tiền mà tôi đang cầm trong tay đây cũng chỉ là "tín dụng" – tin mà dùng. Khi niềm tin mất thì nó sẽ trở thành giấy lộn, quăng ngoài đường không ai thèm nhặt. Vậy thì Có – Không, Được – Mất cũng vậy thôi. Luật vô thường tôi nắm trong tay đây này.

Nghे bạn nói như thế, Con Quỷ Vô Thường sẽ trở nên bất lực và kính cẩn chào bạn.

Bạn ơi!

- Tâm hồn bạn sẽ thanh thoát, nhẹ nhàng khi bạn hiểu được lẽ vô thường.

- Bạn sẽ quên được những nhọc nhằn, cay đắng hoặc bất lực của cuộc đời khi bạn hiểu được rằng đời này vốn ảo ảnh, vô thường.

- Bạn sẽ không còn nuối tiếc bất cứ một cái gì khi bạn hiểu rằng thật sự ra trên cõi đời này không có gì đích thực là của bạn. Cho dù nó đích thực là của bạn đi nữa rồi thì nó cũng sẽ vô thường. Có đó rồi mất đó.

- Bạn sẽ ung dung, tự tại trước bao đổi thay, hưng – phế, còn – mất, được – thua, đúng – sai đang diễn ra trước mắt.

- Bạn cho rằng cái này Đúng, cái này là Chân Lý ư? Bạn có biết không? Cái hiểu biết của chúng vốn vô thường nhưng rồi chúng ta lại dùng cái hiểu biết vô thường đó để nhận xét về một cái vô thường khác – như như Đức Phật dạy rằng "vì con mắt bệnh cho nên thấy hoa đốm ở hư không, thấy mặt trăng thứ hai" (*) nó cũng giống như "một người cho rằng cảnh vật trong giấc chiêm bao là thật." (*). Vì vọng chấp vào đó cho nên Con Quỷ Vô Thường mới làm khổ chúng ta. Vậy thì suy nghĩ cho cùng – cái "quyền năng" của Con Quỷ Vô Thường do chính cái tâm vọng chấp của chúng sinh tạo ra. Nói khác đi chính Vô Minh đã tạo ra Con Quỷ Vô Thường.

- Chư Phật, chư vị Bồ Tát vượt lên lẽ vô thường vì các ngài thường quán chiếu lẽ vô thường, không chấp trước vào đâu, không nương tựa vào đâu cho nên các ngài hằng trụ, không biến đổi.

- Hằng trụ, không biến đổi tức không Sinh không Diệt. Không Sinh không Diệt tức không phiền não.

Không phiền não tức hạnh phúc, tức Niết Bàn.

Bạn ơi! Vượt lên trên lẽ Vô Thường chính là Chân Như, Bồ Đề, là Phật vậy.

(Tháng 10 năm 2011)

(*) Kinh Viên Giác tức Bí Mật Vương Tam Muội Kinh



Tieáng goi của Lòä

HUỆ TRẦN

Chỉ trong khoảng thời gian ba tháng, tin tức chạy trên các trang mạng thông tin toàn cầu đã rực lửa với hình ảnh bi tráng của mười tu sỹ Tây Tạng, quả cảm tự thiêu, dâng hiến thân mình để nói lên tiếng nói tranh đấu cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

Các vị sư đều còn rất trẻ!

Ngon lửa đầu tiên, bùng lên đầu tháng ba, 2011, trên thân xác vị sư mới 21 tuổi. Ngon lửa kế tiếp được thắp sáng bởi sư Tsewang Norbu 29 tuổi, tại Sichuan, tỉnh Tứ Xuyên. Với quyết tâm không để ai cứu được nên sư đã uống xăng rồi mới tẩm xăng bên ngoài thân mình, tự châm lửa và kịp đồng dạc hô to: "*Đức Đạt Lai Lạt Ma muôn năm! Trung Cộng hãy chấm dứt đàn áp dân Tây Tạng! Hãy để Đức Đạt Lai Lạt Ma được trở về quê hương!*" ...

Theo bước nam nhi, người thứ chín hiến thân vì Đạo Pháp là ni cô Tenzin Wangmo, mới 20 tuổi! Ngon lửa dừng cảm này bùng lên tại thành phố Aba, cũng thuộc tỉnh Tứ Xuyên, nơi có một tu viện Phật Giáo từng xảy ra nhiều cuộc biểu tình phản đối Trung Cộng đã đối xử tàn nhẫn, bất công với người dân Tây Tạng. Những người chứng

kiến nghe được giọng ni cô hùng hồn quỵện trong lửa đỏ: "*Tự do cho dân tộc Tây Tạng! Phải để Đức Đạt Lai Lạt Ma trở về Tây Tạng!*" ...

Bây giờ, không chỉ các nhà sư, mà dân chúng đã nhập cuộc. Gần đây nhất, ngày 4 tháng 11, 2011, người thanh niên Sherab Tseodor 25 tuổi đã cuốn rơm tẩm xăng quanh mình rồi mới mặc quần áo bên ngoài. Anh đứng trước sứ quán Trung Cộng tại New Delhi, tự châm lửa rồi hô to: "*Tự do, độc lập cho Tây Tạng!*" ...

Đã hơn sáu mươi năm! Đã quá nửa thế kỷ!

Thời gian ấy có thể ngắn, với lịch sử, nhưng đã quá dài cho một đời người, quá dài cho sự cam tâm, nhẫn nại của một dân tộc trước sự đàn áp của một dân tộc khác, mà sự đàn áp đó không khác chi những địa ngục Vô Gián trong kinh Phật mô tả; nghĩa là, sự đàn áp không hề ngưng nghỉ.

Dưới mọi hình thức mà kẻ xâm lược có thể nghĩ ra, từ chiêu dụ, bắt bớ, giam cầm, thủ tiêu, tới hủy diệt văn hóa, sự đàn áp đó liên tục bày ngày một tuần, ba mươi ngày một tháng, ba trăm sáu mươi lăm ngày

một năm!!!

Đã đủ chưa, với lòng tham???

Đã đủ chưa, với sức người???

Một dân tộc hiền hòa - được trưởng thành trong nền giáo dục đặc thù dân tộc tính, với hạnh phúc được tự do phụng thờ Giáo Pháp mà họ hãnh diện gọi riêng là Phật Giáo Tây Tạng đó - đã, và đang bị đẩy lùi vào bóng tối với âm mưu ngày càng rõ nét của ngoại xâm: Bị đồng hóa hoặc diệt chủng!

Cả thế giới đã thấy đường xe lửa nối liền Hoa Lục và Tây Tạng, hàng ngày ồ ạt đưa người Hán vượt biên bất hợp pháp, đem theo hành trang công kênh ác-thế ngũ- trước, vào một đất nước bốn mùa trầm lắng tiếng chuông ngân!

Một dân tộc không còn đất nương thân, không còn chi hiện tại, chẳng chút hy vọng tương lai, họ phải làm gì sau bao tháng năm đặng đặng nhẫn nhục?

Họ chờ đợi gì nơi sự bênh vực của thế giới?

Cuối cùng thì chỉ thấy còn tấm lòng và tấm thân của chính mình, mượn ngọn lửa để nói lên tiếng nói tuyệt vọng nhưng bất khuất của một dân tộc nhỏ bé, bị ngoại xâm cưỡng chiếm và thế giới làm ngơ, vì những mớ xích chằng chịt của quyền lợi và quyền lực!

Tây Phương có câu: "*Le monde appartient à ceux qui l'écotent*", nghĩa là, "*Thế giới thuộc về những người biết lắng nghe.*"

Nhưng trong thế giới này, xin chỉ cho người dân Tây Tạng, nơi nào còn những người biết lắng nghe???! Nơi nào còn những người hành xử bằng lương tâm để đêm đêm họ có thể "*Sleeping with Bodhicitta*"?

Thấy người, lại ngấm đến ta.

Chỉ khác, trên quê hương Việt Nam, không phải ngoại xâm cai trị!

Đều cùng huyết thống "*năm mươi con theo Cha lên núi, năm mươi con theo Mẹ xuống biển*" mà! Cha Mẹ Việt Nam ơi!

Ôi thiện tai! Thiện tai!

Huệ Trần

(Tào Khê tịnh thất,
thượng tuần tháng 11, 2011)



Chú Tiểu Sa Di Cứu Sống Đàn Kiến

HT. THÍCH TRÍ CHƠN dịch

Ngày xưa có một chú tiểu Sa Di đến học Phật giáo với một vị thầy rất sáng suốt. Chú là một đứa đệ tử rất tốt. Chú rất lễ phép, thành thật và biết vâng lời. Chú học đạo rất nhanh.

Thầy của chú rất sáng suốt có thể đoán biết trước được chuyện tương lai. Lần đầu tiên mới gặp, vị thầy xem tướng biết thọ mạng của chú học trò nhỏ này sẽ kéo dài không lâu. Ngày nọ, ông ta tính ra và nhận thấy rằng chú học trò này chỉ còn sống được bảy ngày nữa thôi. Vị thầy rất buồn.

Ông ta gọi người đệ tử lại và bảo rằng: "Này con, đã lâu lắm con không được gặp mẹ con. Thầy nghĩ con cần nghỉ một thời gian để về nhà thăm mẹ con và sau tám ngày hãy trở lại đây." Vị thầy dạy như vậy với hy vọng rằng chú này có thể chết tại nhà cha mẹ của chú.

Khi người đệ tử đi rồi, vị Thầy cảm thấy rất buồn cho chú. Ông ta nghĩ rằng ông không bao giờ có thể gặp lại chú nữa.

Tám ngày sau, người đệ tử trở lại. Vị thầy mừng rỡ và rất ngạc nhiên thấy chú vẫn khỏe mạnh. Chú không lộ vẻ gì cho thấy rằng chú giống như người sắp lìa đời.

Cuối cùng, vị thầy muốn tìm hiểu nguyên nhân tại sao. Ông nói với người đệ tử: "Này con, ta đã nhiều lần xem tướng đoán việc tương lai, và chưa bao giờ sai lầm.

The Sami Who Rescued The Ants

Nguyên Tác: G. B. TALOVICH



Once there was a little sami who studied Buddhism with a very wise Teacher. He was a very good student. He was respectful, sincere, and obedient. He learned very quickly.

The Teacher was so wise that he could foretell the future. The Teacher knew from the beginning that his little student could not live very long. One day he counted and realized that the little student had only seven days left to live. He felt very sad.

The Teacher called the little sami to him. He said, "Hey, little sami, you haven't seen your mother for a long time. think you need a vacation. You run on home and visit your mother, and come back eight days from now." He did this so at least the little sami could die in his own parents' home.

When the little sami left, the Teacher was very sorry. He thought he would never see his little student again.

Eight days later, who should show up but the little sami! His Teacher was

delighted, but he was also puzzled, because the little student looked wonderful. He didn't look like someone who had been about to die.

Finally, the Teacher decided to find out what had happened. He told the boy, "Son, I have foretold the future many times, and I have never been wrong.

Sơn Tăng

Ở núi am lá dựng cheo leo
Cửa rách màng tựa nát phận nghèo
Nửa đêm mưa tạnh nhìn xuyên suốt
Một khoảng trời trong trắng sáng treo

Chú Tiểu

Ở núi thanh tịnh một am mây
Ngày lặng, lòng không bận gió lay
Khách trần đến viếng, thầy đi vắng
Chú tiểu vô tình cứ ngủ say



TRẦN BÁCH LINH





CHÙA THIÊN TRÚC

1083 S. 7th Street • San Jose, CA 95112 • Tel: 408-217-9602
E-mail: chuathientruc@gmail.com • Website: www.thientruc.org

THƯ MỜI THAM DỰ

**ĐẠI LỄ THÁNH ĐÀN PHẬT A DI ĐÀ
KHÓA TU BÁT QUAN TRAI, ĐÀN TRÀNG VÔ
LƯỢNG THỌ, PHÁP HỘI NIỆM PHẬT,
THẬP NẾN, VĂN NGHỆ CÚNG DƯỜNG**

Thứ bảy, chủ nhật, ngày: 10, 11 tháng 12 năm 2011.

PL 2555

Nam mô A Di Đà Phật

Kính gửi: Quý Đạo hữu Phật tử và quý Đồng hương,
Một trong 48 đại nguyện của đức Phật A Di Đà là: "Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh phát Bồ đề tâm, tu các công đức, nguyện sanh về cõi nước tôi, đến lúc lâm chung, nếu tôi chẳng cùng đại chúng hiện thân trước người đó, thời tôi không ở ngôi Chánh giác." Đây là bức thông điệp và cũng là con đường mà Ngài muốn gợi gắm cho hàng Phật tử chúng ta phát khởi Bồ đề tâm, nương vào pháp môn Niệm Phật tu tập để đạt đến cảnh giới Tây phương Cực lạc.

*"Chắp tay niệm Phật Di Đà
Trang kinh nở một đóa hoa Nghệ thường."*

Trong niềm hi vọng vô biên của toàn thể Phật tử khắp năm châu đang hướng vọng về ngày Thánh đàn, chùa Thiên Trúc cũng kính cẩn tổ chức Đại lễ Thánh Đàn Phật A Di Đà, Khóa tu Bát Quan Trai, Đàn Tràng Vô Lượng Thọ (9 vị Thượng tọa chủ trì), Pháp Hội Niệm Phật và Đêm Hoa Đăng Nhạc Hội cúng dường, (Ca sĩ Gia Huy, thầy Quảng Kiên, Nhóm Tuệ Đăng), để cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh đều được lợi lạc.

Buổi lễ được sự chứng minh của tam vị Hòa thượng:

- Hòa thượng Thích Tịnh Từ
- Hòa thượng Thích Tịnh Diệu
- Hòa thượng Thích Thái Siêu

cùng chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni đến từ các tiểu bang nước Mỹ.

Chương trình Đại lễ Thánh Đàn diễn ra trong 2 ngày:
Thứ bảy, Chủ nhật, ngày 10 và 11 tháng 12 năm 2011
Tại Hội trường: Lee Mathson Middle School

2050 Kammerer Ave
San Jose, CA 95116

(Ngoài ra, chùa sẽ Khai kinh tụng kinh Thủy Sám, Địa Tạng, Vô Lượng Thọ, A Di Đà từ Thứ hai, ngày 28 tháng 11 năm 2011 đến ngày 8 tháng 12 năm 2011, vào lúc 07:30 pm tại chùa.)

Do vậy, chúng tôi trân trọng kính mời quý vị cùng gia đình nhin chút thì giờ về tham dự Khóa tu và ngày Đại lễ thật đông đủ.

Sự hiện diện quý vị sẽ minh chứng niềm tin bất diệt nơi đức Phật A Di Đà.

Kính chúc quý vị một mùa Thánh Đàn thật an lạc, thành thới.

Trân trọng kính mời.

Nam mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật
Phật lịch 2555 – San Jose, ngày 15 tháng 10 năm 2011
Trưởng BTC, Trụ trì

Tỳ kheo Thích Thiện Long

Ghi chú:

- Quý vị nào tham dự Khóa tu và Đàn tràng Vô Lượng Thọ thì đăng ký trước để chùa sắp xếp Kinh, nến, ghế ngồi và phần ăn.
- Mọi phát tâm ủng hộ tài chánh cho Đại Lễ A Di Đà này xin đề: Chùa Thiên Trúc và gửi về địa chỉ chùa Thiên Trúc: 1083 South 7th Street. San Jose, CA 95112. (Có nhận thức ăn cúng dường)
- Liên lạc ghi danh: Chùa: (408) 217 9602. Nhật An: (408) 621 6826. Kim Anh: (408) 838 6995

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI LỄ THÁNH ĐÀN PHẬT A DI ĐÀ

Thứ bảy, ngày 10 tháng 12 năm 2011

(tức ngày 16 tháng 11 năm Âm lịch)

09:00 am: Lễ truyền giới Bát Quan Trai
10:00 am: Thuyết pháp (Thầy Thiện Long – Tư Tưởng Kinh Di Đà)
11:30 am: Quá đường, Dùng cơm Chánh niệm
12:30 pm: Chỉ tịnh
01:30 pm: Tọa thiền niệm Phật
02:00 pm: Thuyết pháp (TT Phước Hiền – Làm gì khi người thân sắp lâm chung)
03:00 pm: Kinh hành niệm Phật
04:00 pm: Công phu chiều, Tịnh độ
05:00 pm: Dùng cơm chiều
06:00 pm: Thuyết pháp (Thầy Thiện Long – Tư Tưởng Kinh Di Đà)

Chủ nhật, ngày 11 tháng 12 năm 2011

(tức ngày 17 tháng 11 năm Âm lịch)

08:00 am: Kinh hành Niệm Phật
09:00 am: Lay 48 Lời nguyện của đức Phật A Di Đà
10:00 am: Trì Danh Niệm Phật
10:30 am: Thuyết Pháp (HT Thái Siêu – Ý nghĩa Bát Quan Trai)
11:30 am: Quá Đường, Dùng Cơm Chánh Niệm
12:30 pm: Chỉ Tịnh
01:30 pm: Đàn Tràng Vô Lượng Thọ (9 vị Tăng chủ trì, thiết trí theo Cửu phẩm liên hoa)
03:00 pm: Thuyết Pháp (Thầy Thiện Long – Tư Tưởng Kinh Di Đà)
04:00 pm: Xả Bát Quan Trai Giới
04:30 pm: Đại Lễ Thánh đàn Phật A Di Đà chính thức, Lễ Thập Nến, Văn Nghệ cúng dường (Ca sĩ Gia Huy, T Quảng Kiên, T Nhật Thiện và Nhóm Tuệ Đăng – có chương trình riêng. Vào cửa tự do)
05:30 pm: Dùng Cơm Chiều, thưởng thức Văn nghệ
09:00 pm: Hoàn mãn.





TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO TẠI FLORIDA
PHAP VU BUDDHIST CULTURAL CENTRE OF FLORIDA

CHÙA PHÁP VŨ

716 N. Dean Road. Orlando, FL 32825. Tel: (407) 277-7262
www.chuaphapvu.org Email: phapvucentre@hotmail.com

THÔNG BÁO LỄ PHẬT THÍCH CA THÀNH ĐẠO, GIỚI ĐÀN BỒ-TÁT & HỘI CHAY GIEO DUYÊN

Kính gửi: - Chư tôn đức Tăng Ni thuộc các đạo tràng tu học
- Quý Phật tử và đồng hương gần, xa.

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật

Kính bạch quý ngài,
Kính thưa chư liệt vị,

Để tưởng niệm ngày Thành Đạo của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni, chúng ta nguyện thấp sáng trí tuệ, từ bi và thực hiện đời sống tinh thức trên căn bản giáo lý Giác ngộ của ngài.

Do đó, trong lễ hội truyền thống Phật giáo năm nay, Chùa Pháp Vũ sẽ tổ chức Giới Đàn để truyền-thọ Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện và Bồ-tát giới tại gia cho những ai muốn phát nguyện thọ trì giới pháp của Phật để được an lạc, giải thoát trên lộ trình giác ngộ; đồng thời cũng để ghi lại công hạnh sâu dày, sự hy hiến cho Đạo pháp và dân tộc của đức đệ tử Tăng Thống GHPGVN, cho nên Ban Tổ Chức trân trọng lấy đạo hiệu của Ngài để đặt cho tên: **Giới Đàn Huyền Quang**. Quý giới tử phát nguyện ghi danh thọ Bồ-tát giới không giới hạn giới tính, tuổi tác và trú xứ, địa phương.

Ngoài việc cử hành lễ Thành Đạo của Đức Phật, với những ngày tu học, thuyết pháp và truyền giới do chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa trong Hội Đồng Tam Sư, Thất Chứng, Ban Tổ Chức cũng xin trân trọng thông báo và kính mời toàn thể Phật tử và đồng hương xa, gần hoan hỷ nhin thời gian quý báu cùng về chùa tham dự Hội Chay Gieo Duyên "Chuẩn bị đón xuân Nhâm Thìn-2012" sẽ diễn ra vào Chủ nhật, ngày 08 tháng 01 năm 2012 (nhằm ngày Rằm tháng Chạp năm Tân Mão) với sự góp mặt của Nữ ca sĩ Như Quỳnh, Nam ca sĩ Gia Huy, Đỗ Khải An, MC Đỗ Thanh và các danh ca địa phương, các anh chị em Huỳnh Trường và Đoàn sinh GDPT Pháp Vũ và Nhạc sĩ Mai Trí Dũng cùng thực hiện chương trình.

Sự hiện diện của quý vị là niềm khích lệ cho Ban Tổ Chức, đồng thời cũng gây dựng lại truyền thống Lễ Hội Mừng Ngày Phật Thành Đạo hàng năm tại hải ngoại để mọi người con Phật cùng ý thức chánh niệm, thấp sáng ngọn đèn trí tuệ nơi tự tâm và duy trì sinh hoạt tốt đẹp trong cộng đồng Phật giáo địa phương Florida ngày càng phong phú và khởi sắc.

Kính chúc chư tôn đức, quý Phật tử và đồng hương mùa Thành Đạo vô lượng cát tường và mùa xuân như ý.

PL: 2555, Orlando, Mùa Thu năm Tân Mão 2011
Trân trọng

Tỳ kheo Thích Nhật Trí

GIỚI ĐÀN HUYỀN QUANG

**Truyền-Thọ Tam quy, Ngũ giới,
Thập thiện và Bồ-tát giới tại gia**

Thời gian: Thứ năm, Thứ sáu, Thứ bảy và Chủ nhật, ngày 05, 06, 07 và 08 tháng 01 năm 2012

Địa điểm: Đạo Tràng Chùa Pháp Vũ - Orlando, Florida.

Với sự chứng minh của Đại lão Hòa thượng Thích Thăng Hoan, cùng chư tôn đức trong Tam Sư, Thất Chứng và Dẫn thỉnh như sau: Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Hòa Thượng Thích Thái Siêu, Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Hòa Thượng Thích Nguyên An, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Hòa Thượng Thích Thiện Quang, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Hòa Thượng Thích Thông Hải, Hòa Thượng Thích Bốn Đạt, Thượng Tọa Thích Trường Phước, Thượng Tọa Thích Tâm Hòa và Thượng Tọa Thích Nhật Trí.

Kiến đàn: T.T. Thích Nhật Trí

MẪU GHI DANH THỌ GIỚI

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,

Nhân kỷ niệm ngày Đức Phật Thành Đạo, Chùa Pháp Vũ có tổ chức Giới Đàn Huyền Quang, con đứng tên dưới đây là: _____,

Pháp danh: _____

Ngày, tháng, năm sinh: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Xin được ghi danh thọ: - **Tam Quy**
- **Ngũ Giới**
- **Thập Thiện Nghiệp Đạo**
- **Bồ-Tát Giới Tại Gia**

Kính mong chư tôn đức Giới Sư và Ban Kiến Đàn từ bi hoan hỷ hứa khả cho con được tròn tâm nguyện.

Nam mô Hoan hỷ Tạng Bồ-tát ma ha tát.

PL: 2555, ngày _____, tháng _____, năm 20 _____

Chữ ký: _____

Họ & Tên: _____

Ghi chú:

Khi điền mẫu ghi danh thọ giới này, quý vị lưu ý những điều sau đây:

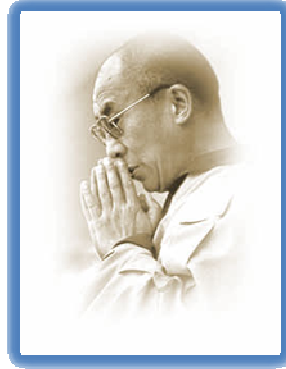
- Đánh dấu x vào những khung "Giới Pháp" mà mình muốn thọ;
- Chữ ký rõ ràng và Họ - Tên nên viết bằng chữ HOA;
- Nhớ kèm theo 2 tấm hình 4x6 (Passport) để lưu hồ sơ và làm Chứng Diệp Thọ Giới.



Không ai có thể giúp bạn – Chỉ có Thiện Nghiệp

Tác giả: ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA
CHÂN HUYỀN dịch từ Anh ra Việt

...những nghiệp dữ mà ta đã tích lũy sẽ còn đó, dù cho kẻ thù và bạn ta đã biến đi, những nghiệp dĩ sai trái đã gây ra sẽ còn vương bạn trong tâm ta, làm cho ta phiền não, nếu ta không tìm cách tịnh hóa và tẩy bỏ chúng. Vì không hiểu được bản chất phù du của mình, chúng ta không biết rằng mình chỉ còn sống một thời gian ngắn nữa thôi, nên chúng ta bị tham, sân, si hướng dẫn gây nên bao ác nghiệp.



Chúng ta lãnh đạm với chúng sanh, quyến luyến bạn bè và hờn giận ganh ghét kẻ thù. Ta tích lũy những nghiệp dữ như vậy từ lâu đời, trong khi đó cuộc đời ta cứ ngắn dần. Ngày không chờ và đêm cũng không đợi.

Từng phút từng giây thời gian trôi qua và cuộc đời ta cứ thu ngắn lại. Đời người tiến tới chung cuộc một cách chắc chắn, không thể thay đổi được.

Cuối cùng ta chỉ có thể nương tựa vào những nghiệp thiện ta đã làm. Nếu bạn sống có đạo đức, nếu đã thực tập mười điều thiện, phát triển lòng từ bi, tâm bạn có thể có những năng lực mạnh mẽ của thiện nghiệp, thì đó là những thứ duy nhất giúp được bạn khi cuộc đời chấm dứt. Không ai và không có cái gì khác giúp bạn nữa. Lúc đó tâm bạn không còn chỗ ẩn náu, và bạn có thể thấy mình đã không tạo nhiều nghiệp thiện. Bạn sẽ than thở: "Chỉ vì vô minh, không hiểu biết về tình trạng dễ sợ lúc này, lại bị lỗi cuốn vào vòng dục lạc của những thú vui nhất thời mà tôi đã tạo nên nhiều nghiệp dữ trong cuộc đời phù du. Tôi đã lãng phí thì giờ vào những hoạt động vô nghĩa".

Nơi nương tựa đích thật chính là Phật pháp. Chúng ta cũng quy y với Phật và các vị Bồ tát, nhưng theo trong kinh đã dạy chư Phật không tẩy sạch được nghiệp ác cho chúng sanh bằng cách dùng tay gỡ bỏ chúng đi. Chư Phật cũng không thể hoán chuyển trí tuệ của các ngài vào tâm ý chúng ta được. Chúng sanh chỉ được giải thoát khi thấy được chân lý. Chúng ta phải nương tựa vào pháp là thứ thật sự bảo vệ ta...

Như vậy, nghĩa là ta phải nương vào sự thực tập Phật pháp. Khi ta bị một chứng bệnh thông thường, ta cũng phải nghe lời y sĩ. Vậy thì khi đau khổ vì trăm ngàn phiền não trong tâm thức, ta nương vào pháp nghĩa là phải nghe lời dạy của đức Thế Tôn, ngài vốn được coi là một lương y. Không có thuốc nào chữa khổ đau tận gốc rễ ngoài lời giảng của Bụt.

Sách: **SỐNG HẠNH PHÚC - CHẾT BÌNH AN**
ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA
Chân Huyền (The Buddhist Translation Group)

No one else can help you – Only Virtuous quality that will help you

From the book "The Joy of Living and Dying in Peace", page 54, **Dalai Lama**

...the unwholesome deeds we have accumulated will remain behind. Even though many of our friends and enemies have died, the negative deeds we accumulated in relation to them will always abide in our minds as long as we do not adopt antidotes to purify and remove them. The disturbing emotions and the negative deeds they gave rise to will remain fresh in our minds until we purify them.

Because we have never understood our fleeting nature, we have never understood that we are only going to live for a short time.

Because of this lack of realization, out of ignorance, attachment, and hatred, we have engaged in various kinds of unwholesome deeds. We have displayed indifference toward neutral sentient beings, attachment toward friends, and anger, jealousy, and hatred toward our enemies. We have accumulated negative deeds like these for a long time. At the same time, our lives have been ebbing away and coming to an end. The day will not wait, the night will not wait. Minute by minute, second by second, time is being consumed and our lives are ebbing away. Our lives are constantly approaching their ends.

At the end the only source of refuge is whatever merit you have accumulated. If you have observed morality, have practiced the ten virtuous qualities, and have cultivated some genuine compassion, you may have some powerful virtuous quality within your mind. It is only that virtuous quality that will help you. No one else can help you, and there will be no one to whom you can turn for help. But since your own mind is not hidden from you, you may find that you have not collected any of these virtuous qualities. You will lament, "unconscientiously, carelessly, unaware of such a frightening state as this, being attracted and deceived by fleeting pleasure, I have done countless negative deeds for the sake of this fleeting impermanent life. I have wasted my life in meaningless activity."

The actual refuge is the Dharma. We take refuge in the Buddhas and bodhisattvas, but, as it is said in the scriptures, the Buddhas do no wash away the negative deeds of sentient beings. The Buddhas cannot remove the sufferings of sentient beings with their hands; they cannot transfer their realizations into the minds of other sentient beings. It is only by being shown the truth of reality that sentient beings are liberated. Therefore, we take refuge in the actual protector, which is the Dharma...

Therefore, we need to rely on the practice of the Dharma. Even when we are afflicted by an ordinary sickness, we have to pay heed to the doctor's instructions. So, afflicted as we are by hundreds of disturbing emotions like attachment, what need is there to talk about taking refuge in the Dharma, the instructions of the physicianlike Buddha? There is no medicine to cure the disturbing emotions; the only remedy is the instruction and teaching of the Buddha.



NAKULAPITA-SUTTA

Kinh về Tuổi già và sự Sáng suốt

HOANG PHONG

Nakulapita là một người chủ gia đình sinh sống trong vùng Bhagga, đã trọng tuổi và thường hay đau yếu. Ông rất kính mến Đức Phật và Đức Phật cũng xem ông như một người con của mình. Mỗi khi Đức Phật đến vùng Bhagga thì thường hay ghé thăm ông, hoặc mỗi khi Nakulapita nghe tin Đức Phật sắp đi ngang vùng mình ở thì đều tìm đủ cách để gặp Ngài. Các cuộc gặp gỡ giữa Đức Phật và Nakulapita đã lưu lại cho chúng ta nhiều bản kinh. Sau đây là một trong số các kinh ấy, với những lời dạy của Đức Phật về tuổi già và sự sáng suốt tâm thần.

Phần chuyển ngữ được dựa vào bản dịch trực tiếp từ tiếng Pa-li sang tiếng Pháp của Mòhan Wijayaratna (*Les Entretiens du Bouddha*, nxb Seuil, 2001) và hai bản dịch khác từ tiếng Pa-li sang tiếng Anh: một của Thanissaro Bhikkhu và Bhikkhu Nananda (*Samyutta Nikaya An Anthology*, Sn 22.1, 2007-2011), và một của Pya Tan (*Samyutta Nikaya, The Connected Sayings of the Buddha*, by Piya Tan, 2006).

"Tôi từng được nghe như thế này: Có một lần Đấng Thế Tôn ngụ với các người dân vùng Bhagga, tại hang Bhesakala nơi rừng Lộc Uyển, gần một nơi gọi là Samsumaragiri.

Trong dịp này và vào một hôm, người chủ gia đình Nakulapita thân hành tìm Đấng Thế Tôn để viếng thăm. Nakulapita tiến đến gần Đấng Thế Tôn, đánh lễ rồi ngồi sang một bên. Sau khi đã ngồi sang một bên liền cất lời như sau:

- "Bạch Thế Tôn, con quả là một người đã kiệt quệ, già nua, một người đã trong tuổi; thân xác bệnh tật, lắm khi thật đau đớn. Hơn nữa, không mấy khi con được dịp gặp Đấng Thế Tôn hoặc các đồ đệ của Ngài đã từng tu tập về các phương pháp thăng tiến tâm linh (có nghĩa là không có mấy dịp để được học hỏi). Con xin Ngài ban cho con những lời khuyên bảo, ban cho con những lời chỉ dạy cần thiết giúp con tìm thấy an vui lâu dài".

Đức Phật bèn cất lời như sau:

- Thật thế, này người chủ gia đình, quả đúng như thế. Thân xác của con đã yếu, lưng đã còng. Khi đã mang một thân xác như thế mà cứ muốn có một sức khoẻ tốt dù chỉ tạm thời thì đấy quả thật là một ước vọng điên rồ. Vì thế, này người chủ gia đình, con phải luyện tập [bằng cách nhắc nhở mình] như thế này: 'Dù thân xác tôi yếu đau, thể nhưng tâm thần tôi không bệnh tật gì'. Đây là cách mà con

phải cố gắng luyện tập".

Người chủ gia đình hân hoan đón nhận lời chỉ dạy của Đấng Thế Tôn, tạ ơn Đấng Thế Tôn, sau đó kính cẩn đi một vòng chung quanh nơi Ngài đang ngồi rồi ra đi. Sau đó Nakulapita tìm gặp Vị Tôn Kính Xá Lợi Phất (trong nguyên bản là *Ayasmanta Sariputta*, chữ *Ayasmanta* có thể tạm dịch là *Vị Tôn Kính* hay *Vị Đáng Kính*, và đặc biệt chữ này trong kinh sách Pa-li chỉ được dùng để chỉ các vị đệ tử trực tiếp của Đức Phật). Nakulapita tiến đến gần rồi ngồi sang một bên. Vị Tôn Kính Xá Lợi Phất bèn hỏi Nakulapita :

- "Này người chủ gia đình, sao [tôi thấy] các giác cảm của ông hôm nay lại có vẻ an bình và tinh khiết đến thế. Dung nhan của ông thật sáng lạ. Có lẽ ông vừa mới được Đấng Thế Tôn giảng cho giáo lý, có phải thế không?"

Người chủ gia đình Nakulapita đáp lại như sau:

- "Thưa Vị Tôn Kính, quả đúng là như thế. Tôi được Đấng Thế Tôn rưới xuống cho tôi tinh hoa của giáo lý".

- Này người chủ gia đình, hãy nói cho tôi biết tại sao ông lại được Đấng Thế Tôn rưới xuống cho ông tinh hoa của giáo lý như thế?

- Thưa Vị Tôn Kính, hôm nay tôi đến viếng Đấng Thế Tôn.

Tôi tiến đến gần Ngài, đánh lễ rồi ngồi sang một bên. Sau khi đã ngồi sang một bên, tôi cất lời như sau: "Bạch Thế Tôn, con quả là một người đã kiệt quệ [...], lắm khi thật đau đớn, [...], và Đấng Thế Tôn bảo rằng: 'Thật thế, này người chủ gia đình, quả đúng như thế. Thân xác của con đã yếu lắm.[...] Vì thế, này người chủ gia đình, con phải luyện tập như thế này: 'Dù thân xác tôi yếu đau, thể nhưng tâm thần tôi không bệnh tật gì. Đây là cách mà con phải luyện tập'. Ngài nói với tôi như thế.

- Này người chủ gia đình, thế sao ông lại không nghĩ đến là cần phải hỏi thêm Đấng Thế Tôn như thế này: 'Bạch Thế Tôn, xin Ngài chỉ dạy thêm là bằng cách thức như thế nào để tâm thần không bị bệnh tật, trong khi thân xác phải gánh chịu ốm đau?'

- Thật thế, Thưa Vị Tôn Kính, tôi từ xa đến đây để gặp ngài chính là để được nghe ngài giảng giải cho về ý nghĩa thật sự trong lời dạy của Đấng Thế Tôn. Thật không gì bằng được chính ngài Xá Lợi Phất giải thích cho tôi ý nghĩa trong lời chỉ dạy mà Đấng Thế Tôn đã ban cho tôi.

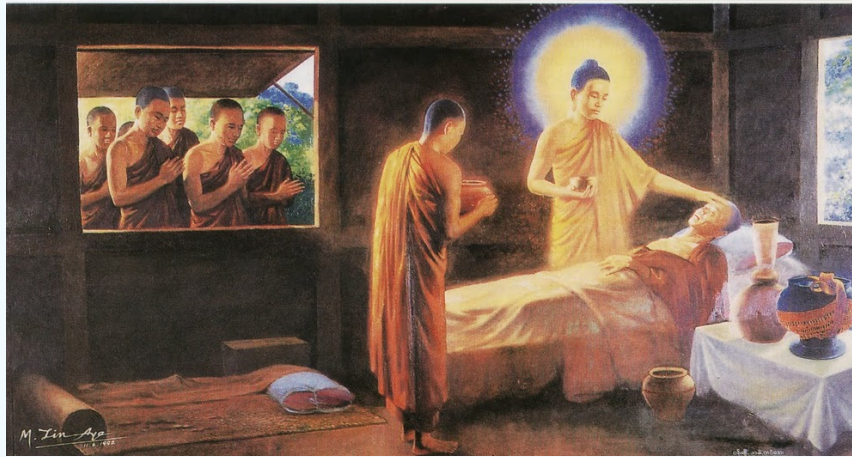
- Vậy thì, này người chủ gia đình, hãy cố gắng chú tâm và lắng nghe nhé. Tôi sẽ giải thích cho ông điều ấy.

Vị Tôn Kính Xá Lợi Phất cất lời như sau:

- Trước hết này người chủ gia đình, [cần phải hiểu] tại sao thân xác và tâm thần lại bị mọi thứ bị bệnh tật. Một



người thường tình (tiếng Pa-li là pu-thujjana, có nghĩa là một người không hiểu biết gì về Đạo P h á p , M . Wijayaratna dùng nguyên chữ này và không dịch) tức không được hưởng sự giáo huấn nào (trong nguyên bản là assutava pu-thujjano, có nghĩa là những người chất phác, vì vào thời bấy giờ không mấy người được



các thành phần cấu hợp duy ý biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà các thành phần cấu hợp duy ý trở thành khác đi, thì nơi con người hẳn sẽ sinh ra sự ta thán, khổ nhọc, đau buồn, phiền muộn và bực dọc. "Và hơn thế nữa, này người chủ gia đình, con người thường tình ấy không hề được

học hành và có cái may mắn được tu tập), không đủ sức nhận ra những gì khác thường nơi những bậc cao quý, không đủ khả năng hấp thụ những lời giáo huấn của các bậc cao quý, không đủ sức nhận ra những gì khác thường nơi các vị hiền nhân, không hề bị thu hút bởi sự giáo huấn của những bậc hiền nhân, người này xem hình tướng vật chất (rúpa) là cái Ngã, hoặc xem cái Ngã chính là hình tướng vật chất. [Để rồi] tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là hình tướng vật chất' hoặc tự nghĩ rằng: 'Hình tướng vật chất chính là của tôi', và cứ yên trí là như thế. Đến lúc cái hình tướng vật chất ấy biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà hình tướng vật chất trở thành khác đi, thì nơi hẳn sẽ sinh ra sự ta thán, khổ nhọc, đau buồn, phiền muộn và bực dọc.

"Và hơn thế nữa, này người chủ gia đình, con người thường tình (puthujjana) ấy không hề được hưởng sự giáo huấn, hẳn không đủ sức nhận ra những gì khác thường nơi những bậc cao quý, [...] xem giác cảm (vedanā) là cái Ngã, hoặc là xem cái Ngã hàm chứa giác cảm, hoặc cái Ngã chính là giác cảm, hoặc cái Ngã nằm bên trong giác cảm. [Để rồi] hẳn tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là giác cảm' hoặc tự nghĩ rằng: 'Giác cảm chính là của tôi', và cứ yên trí như thế. Đến lúc các giác cảm ấy biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà các giác cảm trở thành khác đi, thì nơi con người hẳn sẽ sinh ra sự ta thán, khổ nhọc, đau buồn, phiền muộn và bực dọc.

"Và hơn thế nữa, này người chủ gia đình, con người thường tình ấy không hề được hưởng sự giáo huấn, hẳn không đủ sức nhận ra những gì khác thường nơi những bậc cao quý, [...] xem sự nhận thức (sanna) là cái Ngã, hoặc xem cái Ngã hàm chứa sự nhận thức, hoặc cái Ngã chính là sự nhận thức, hoặc cái Ngã nằm bên trong sự nhận thức. [Để rồi] hẳn tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là sự nhận thức', hoặc tự nghĩ rằng: 'Sự nhận thức chính là của tôi', và cứ yên trí như thế. Đến lúc sự nhận thức ấy biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà sự nhận thức trở thành khác đi, thì từ nơi con người hẳn sẽ sinh ra sự ta thán, khổ nhọc, đau buồn, phiền muộn và bực dọc.

"Và hơn thế nữa, này người chủ gia đình, con người thường tình ấy không hề được hưởng sự giáo huấn, hẳn không đủ sức nhận ra những gì khác thường nơi những bậc cao quý, [...] xem các thành phần cấu hợp duy ý (sự chủ tâm hay các tác ý - sankhāra - còn gọi là hành uẩn) là cái Ngã, hoặc xem cái Ngã hàm chứa sự các thành phần cấu hợp duy ý, hoặc cái Ngã chính là các thành phần cấu hợp duy ý, hoặc cái Ngã nằm bên trong các thành phần cấu hợp duy ý. [Để rồi] hẳn tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là các thành phần cấu hợp duy ý', hoặc tự nghĩ rằng: 'Các thành phần cấu hợp duy ý là của tôi', và cứ yên trí như thế. Đến lúc

hưởng sự giáo huấn, hẳn không đủ sức nhận ra những gì khác thường nơi những bậc cao quý, [...] xem tri thức (vinnāna - consciousness) là cái Ngã, hoặc xem cái Ngã hàm chứa tri thức, hoặc cái Ngã chính là tri thức, hoặc cái Ngã nằm bên trong tri thức. [Để rồi] hẳn tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là tri thức', hoặc tự nghĩ rằng: 'Tri thức chính là của tôi', và cứ yên trí như thế. Đến lúc cái tri thức ấy biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà cái tri thức ấy trở thành khác đi, thì nơi con người hẳn sẽ sinh ra sự ta thán, khổ nhọc, đau buồn, phiền muộn và bực dọc.

"Này người chủ gia đình, chính đây là cách mà thân xác và tâm thần trở nên bệnh hoạn. Vậy đến đây chúng ta thử xét xem phải làm thế nào để giúp cho tâm thần tránh khỏi không bị bệnh hoạn, trong khi thân xác phải chịu mọi ốm đau. Một người đệ tử cao quý được hưởng sự giáo huấn (sutavā arya-sāvāko) quý trọng những bậc cao quý, noi theo giáo huấn của những bậc cao quý, được giáo huấn bởi những bậc cao quý, ngưỡng mộ các vị hiền nhân, noi theo sự giáo huấn của các vị hiền nhân, được giáo huấn bởi các vị hiền nhân, hẳn sẽ không xem hình tướng vật chất là cái Ngã, hoặc không xem cái Ngã chính là hình tướng vật chất. Hẳn sẽ không tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là hình tướng vật chất' hay là 'hình tướng vật chất là của tôi', và hẳn không hề bám vào cái ý nghĩ ấy. Đến lúc cái hình tướng vật chất ấy biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà cái hình tướng vật chất ấy trở thành khác đi, thì nơi con người hẳn sẽ không xảy ra sự ta thán, [...], và bực dọc.

"Này người chủ gia đình, người đệ tử cao quý ấy được hưởng sự giáo huấn, biết quý trọng những bậc cao quý, [...], sẽ không xem giác cảm là cái Ngã, hoặc không xem cái Ngã chính là giác cảm. Hẳn sẽ không tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là giác cảm' hay là 'giác cảm chính là của tôi', và hẳn không hề bám vào cái ý nghĩ ấy. Đến lúc các giác cảm biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà các giác cảm trở thành khác đi, thì nơi con người hẳn không hề xảy ra sự ta thán, [...], và bực dọc.

"Này người chủ gia đình, người đệ tử cao quý được hưởng sự giáo huấn, biết quý trọng những bậc cao quý, [...], sẽ không xem sự nhận thức là cái Ngã, hoặc không xem cái Ngã chính là sự nhận thức. Hẳn sẽ không tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là sự nhận thức' hay là 'sự nhận thức chính là của tôi', và hẳn không hề bám vào cái ý nghĩ ấy. Đến lúc sự nhận thức ấy biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà sự nhận thức ấy trở thành khác đi, thì nơi con người hẳn không hề xảy ra sự ta thán, [...], và bực dọc.

"Này người chủ gia đình, người đệ tử cao quý ấy được hưởng sự giáo huấn, biết quý trọng những bậc cao quý,



[...], sẽ không xem các cấu hợp duy ý là cái Ngã, hoặc không xem cái Ngã chính là các cấu hợp duy ý. Hẳn sẽ không tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là các cấu hợp duy ý' hay là 'các cấu hợp duy ý chính là của tôi', và hẳn không hề bám vào cái ý nghĩ ấy. Đến lúc các cấu hợp duy ý ấy biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà các cấu hợp duy ý trở thành khác đi, thì nơi con người hẳn không hề xảy ra sự ta thán, [...], và bực dọc.

"Này người chủ gia đình, người đệ tử cao quý ấy được hưởng sự giáo huấn, biết quý trọng những bậc cao quý, [...], sẽ không xem tri thức là cái Ngã, hoặc không xem cái Ngã chính là tri thức. Hẳn sẽ không tự nghĩ rằng: 'Tôi chính là tri thức' hay là 'tri thức chính là của tôi', và hẳn không hề bám vào cái ý nghĩ ấy. Đến lúc cái tri thức ấy biến đổi vì nguyên nhân của bản chất vô thường, tức là lúc mà cái tri thức ấy trở thành khác đi, thì nơi con người hẳn không hề xảy ra sự ta thán, [...], và bực dọc.

"Này người chủ gia đình, đây chính là cách giữ cho tâm thần không bệnh hoạn, trong khi thân xác phải chịu mọi thứ ốm đau".

Vị Tôn Kính Xá Lợi Phất đã giảng như thế. Người chủ gia đình Nakulapita thật sung sướng và cảm thấy hân hoan trước những lời giải thích của Vị Tôn Kính Xá Lợi Phất.



Vài lời góp ý

Trên phương diện hình thức thì đây là một bản kinh trọn vẹn và đầy đủ, tức gồm phần mở đầu và cả phần chấm dứt: phần mở đầu cho biết về bối cảnh hình thành của bài kinh và phần chấm dứt là hiệu quả của bài kinh đối với người được nghe. Tương tự như hầu hết các bản kinh Tạng khác, mỗi câu kinh được lập đi lập lại nhiều lần và chỉ thay đổi một hay hai chữ, có thể đây là cách giúp để dễ nhớ, dễ học thuộc lòng và nhất là giữ cho câu kinh ít bị sai lạc. Nhờ vào cách lập đi lập lại bất tận đó mà các câu kinh được lưu truyền sau hàng nghìn năm bằng cách truyền khẩu và sau đó là hàng ngàn năm bằng cách ghi chép, thế mà vẫn giữ được sự mạch lạc và chính xác một cách thật tuyệt vời, bởi vì nếu có một câu nào nhớ lầm (trong giai đoạn truyền khẩu) hay có một chữ viết sai (trong giai đoạn ghi chép) thì đã có một câu khác tương tự để chỉnh lại.

Nakulapita là tên gọi thân mật của một người lớn tuổi. Một số học giả, trong số này có Pya Tan và Mòhan Wijayarajna, đã viết chữ này rời ra thành hai chữ là Nakula-pitâ. Chữ pitâ có nghĩa là "bố" (cha) và Nakula-pitâ thì có nghĩa "bố Nakula", và vợ của người này mang tên là Nakulamata (Nakula-matâ) có nghĩa là "mẹ Nakula". Trong các

bản kinh Nakulapita, Đức Phật cũng đã gọi các nhân vật vừa kể bằng các tên thân mật của họ. Chi tiết này chứng tỏ cho thấy một vài nét thật "chân tình", "nhân bản" và thật gần gũi với con người trong các kinh sách Phật Giáo Nguyên Thủy. Trong khi đó thì Đại Thừa Phật Giáo phát triển sau đó có xu hướng chủ trương Phật Giáo là một tôn giáo như những tôn giáo khác vào thời bấy giờ, và nâng Đức Phật lên một cấp bậc tối thượng và thiêng liêng, đồng thời khai triển thêm một số khía cạnh trong giáo lý, nêu lên khái niệm về người bồ-tát và hình dung ra vô số các vị thần linh và các vị Phật khác.

Ngoài ra còn một chi tiết khác cũng đáng để chú ý là Đức Phật đã giải đáp thắc mắc của Nakulapita bằng một câu giãi thật trực tiếp nhưng rất bao quát và sau đó thì Xá Lợi Phất mới giảng giải thêm cho ông ta một cách chi tiết hơn, cả về nội dung cũng như về phép thực hành. Đây cũng là một hình thức trình bày thường thấy trong kinh sách, tức là Đức Phật chỉ nêu lên chủ đề và các đệ tử của Ngài đứng ra thuyết giảng. Thí dụ như trường hợp của Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, trong kinh này Đức Phật ngồi một bên, lắng sâu vào thiền định và đã cảm ứng cho Quán thế Âm thuyết giảng bản Tâm Kinh cho Xá Lợi Phất.

Trên phương diện nội dung thì kinh Nakulapita trên đây sử dụng hai khái niệm căn bản của giáo lý là *Ngũ Uẩn* và *Vô Ngã* để phân tích và chữa trị tâm thức bệnh hoạn của những người lớn tuổi. Thật vậy bệnh tật và các dấu hiệu già nua trên thân xác đôi khi có thể nhận biết khá dễ dàng, không cần phải khám nghiệm y khoa, thế nhưng khi bệnh tật và các dấu hiệu già nua xuất hiện trong tâm thức thì rất khó để nhận biết hơn.

Thí dụ như nếu bị lãng tai, ta nói chuyện oang oang mà không ý thức được là ta nói quá lớn tiếng, hoặc ta mở máy truyền hình quá to làm phiền người khác mà không hay biết. Đây là trường hợp *giác cảm* bị suy thoái (bệnh tật) vì già nua, tiêu biểu cho uẩn thứ nhất gọi là *Thụ* (vedanâ).

Trời vừa nhá nhem tối là ta đã lo cài cửa, trong lòng lo sợ, đem đặt bên cạnh giường một cái gậy hay một con dao, khi nghe thấy một tiếng động là tưởng tượng ra có ma hay một tên trộm lén vào nhà... Đây là sự vận hành của uẩn thứ ba gọi là *Tưởng* (sanna), tức có nghĩa là sự *cảm nhận* hay *nhận biết* xuyên qua trung gian của một giác quan về một *xúc cảm* hay một *khái niệm* nào đó hiển hiện trong đầu, tức là một sự kiện nào đó mà ta đã có kinh nghiệm từ trước (tác động của nghiệp). Đây là một thứ bệnh hoạn của người già nua gây ra bởi uẩn thứ ba.

Khi hình ảnh con ma hay tên trộm hiện ra trong đầu, ta vừa run bần bật vừa với cây gậy để sẵn sàng tự vệ, ấy là sự vận hành của uẩn thứ tư gọi là *Hành* (sankhâra). Hành là "*các nhân tố kết hợp*" hay "*sức mạnh thúc đẩy*" để tạo ra nghiệp. Tuy rằng ta chưa kịp khua chiếc gậy để đuổi ma hay đập lên đầu tên trộm, thế nhưng nghiệp cũng đã hình thành, bởi vì nghiệp là một ý định, một chủ đích, một tác ý... phát sinh trong đầu. Bản kinh Nakulapita trên đây gọi "*sức mạnh thúc đẩy*" ấy là "*các cấu hợp duy ý*". Nghiệp phát sinh từ các *tác ý* hay *các cấu hợp duy ý* đó sẽ tác động ngay tức khắc và tạo ra một bầu không khí lo âu, căng thẳng, sợ sệt và bệnh hoạn nơi người già nua không hề biết tu tập (assutava puthujano).

Đối với uẩn thứ năm gọi là *Thức* (vinnâna) tức là *tri thức*, thì xin đưa ra một thí dụ "vui vẻ" hơn. Ta chuẩn bị đi ra ngoài, thay quần áo, *đội mũ lên đầu*, tìm đôi giày, ngồi vào ghế và cúi xuống loay hoay buộc dây giày..., sau đó thì cầm chìa khóa và mở cửa định bước ra ngoài. Tuy nhiên chưa kịp bước ra ngoài thì lại thấy trời có gió và khá rét, ta vội quay vào đi tìm cái mũ để đội. Tìm mãi không thấy cái mũ đâu cả, ta bực bội, khó chịu, tự hỏi không biết có bỏ





quên cái mũ ở nhà ai không, hay có ai dọn dẹp nhà cửa đem cất nó vào xó nào mà ta tìm không thấy. May mà không có ai ở nhà lúc ấy nếu không thì ta đã mắng cho một trận. Đây là sự vận hành của tri thức đã suy thoái với tuổi tác và của nghiệp tạo ra bởi sự suy thoái đó (có ý định mắng một trận). Tri thức (consciousness) hay uẩn thứ nằm tượng trưng cho sự kết hợp tất cả các "thông tin" phát sinh từ các uẩn khác (thân xác, giác cảm, nhận thức, diễn đạt) để phối kiểm và tạo ra một sự hiểu biết mạch lạc. Thế nhưng trong trường hợp của một người lớn tuổi thì sự phối kiểm ấy lại trở nên thiếu mạch lạc và chính xác (đi tìm cái mũ mà không biết là chính mình đang đội trên đầu).

Bài kinh trên đây dạy rằng "lãng tai" (*giác cảm*) không phải là cái Ngã hay là *cái của tôi*, "nhận biết một tiếng động và ngỡ đây là con ma hay tên trộm" (*sự nhận thức hay diễn đạt*) không phải là cái Ngã hay *cái của tôi*, "sẵn sàng vùng gậy để đuổi ma hay để đập lên đầu tên trộm" (*tác ý*) không phải là cái Ngã, cũng không phải là *cái của tôi*, đi "tìm cái mũ đang đội trên đầu (*tâm thức xao lãng*)" và phát lộ sự bực dọc" không phải là cái Ngã, cũng không phải là *cái của tôi*. Đây chỉ là sự vận hành của bốn uẩn thuộc tâm thức làm phát sinh ra các thứ xúc cảm và các tác ý trong tâm thức, chúng có thể phát hiện thành ngôn từ hay hành động trên thân xác. Nếu chúng ta xem chúng là cái Ngã hay những biểu hiện của cái Ngã thì đây là cách tạo ra mọi thứ bệnh hoạn cho tâm thần.

Tóm lại, *rất dễ* để nhìn thấy sự suy thoái của cơ thể và bệnh tật trên thân xác phát sinh khi tuổi già đã đến, thế nhưng lại *rất khó* cho ta để chặn đứng quá trình ấy của sự già nua trên thân xác. Trái lại đối với tâm thức thì lại *rất khó* để nhìn thấy những thứ bệnh tật tâm thần, bởi vì vô minh hiển hiện qua bóng dáng của cái Ngã luôn tìm cách che đậy chúng để đánh lừa ta, thế nhưng những thứ bệnh tật tâm thần ấy lại có thể chữa khỏi được bằng những liều thuốc của giác ngộ.

Thân xác và tâm thức tương tác với nhau một cách thật chặt chẽ, một thân xác khoẻ mạnh là một trong các điều kiện thuận lợi giúp mang lại một tâm thức an vui, và một tâm thức lành mạnh luôn góp phần không nhỏ để tạo ra một thân xác đủ sức đứng thẳng trên đôi chân của nó. Tuy thế, tâm thức và thân xác hàm chứa một số đặc tính và khả năng rất khác biệt nhau. Thí dụ một lực sĩ phải luôn luôn luyện tập mới giữ được các thành tích mà mình đã đạt được, sau đó vì tuổi tác hay kém luyện tập thì các thành tích ấy không còn giữ được nữa. Thế nhưng sự hiểu biết, ngoại trừ những sự hiểu biết sai lầm, sẽ không bao giờ thụt lùi, tuy rằng sự hiểu biết đó vẫn phải lệ thuộc vào thân xác như một cơ sở chuyển tải. Khi nào cơ sở đó bị thoái hóa nặng nề hay hoàn toàn suy sụp thì khi đó sự hiểu biết đã đạt được từ trước mới bị lôi kéo theo.

Bài kinh trên đây dạy cho chúng ta phải làm thế nào

để duy trì được một thể dạng tâm thần lành mạnh, sáng suốt, không bệnh hoạn cho đến lúc thân xác hoàn toàn bị hư hoại. Thế nhưng muốn đạt được một thể dạng tâm thần tinh khiết và an vui thì phải luyện tập trước khi tuổi già kéo đến, tức phải lấy đà khi thân xác còn đứng vững. Không nên chờ đến lúc tuổi cao, khi mà lo sợ, hận thù, hoang mang, hối tiếc, oán hờn... đã tràn ngập trong tâm thức, thì khi đó mới nghĩ đến các phương pháp luyện tập trí nhớ, chú ý đến việc ăn uống dưỡng sinh, lo tập thể dục, múa tài chi, khí công..., và mỗi đêm uống thuốc an thần trước khi lên giường.

Bài kinh trên đây là một liều thuốc cực mạnh, không những chỉ dành riêng cho người cao tuổi mà cho tất cả những ai muốn tu tập, nhằm mang lại cho mình một tâm thức an bình và trong sáng. Thiết nghĩ bài kinh là một liều thuốc thật triệt để, giúp loại bỏ vô minh để quán thấy bản chất Vô Ngã của một cá thể. Thế nhưng tiếc thay liều thuốc cũng thật là khó nuốt, bởi vì các khái niệm về vô ngã và ngũ uẩn không dễ để thấu triệt và đem ra áp dụng. Dầu sao đi nữa nếu chỉ loại được một phần nào ý nghĩ sai lầm về sự hiện hữu của cái Ngã thì biết đâu việc này cũng đủ để giúp cho chúng ta giữ được sự thanh thản trong lúc ốm đau đang hành hạ thân xác, và tìm thấy một niềm an vui trong lúc tuổi già.

Bures-Sur-Yvette, 16.11.11
Hoang Phong

Thơ giữa điệu tàn Vang tiếng hư không

*Thơ sáng thơ chiều thơ tối thơ khuya
Vẫn thấy cần như máu nóng hơi thở
Vì hồn ai hoài đầy vơi trần trở
Vì thơ đời này đắm đuối say mơ
Lòng đã bao lần thôi thúc quên thơ
Quay trở về nơi thần thò im khuất
Quay trở về nơi thâm buồn hiu hắt
Quay trở về vùng chát ngát bản khoản*

*Để hóa thân cùng đêm trắng mênh mông
Để rớt rơi từng nỗi niềm khô đắng
Để lắt lay từng bãi bờ xa vắng
Để mất tâm vào hun hút đêm dăng
Thơ rữ thơ sâu thơ mãi lao lung
Thơ giữa phé phong cõi đời hoang trống
Thơ giữa hồn cõi thân mềm đáng mông
Thơ giữa điệu tàn vang tiếng hư không*

TỪ TÚ TRINH



Về một ngôi chùa Ni trên đất Lào

LAM KHÊ



Chùa có tên Diệu Giác. Ngôi chùa Ni mà tôi có duyên hội ngộ trên Đất Nước Lào trong một chuyến tham quan du lịch ngắn ngày.

Vừa bước chân đến Savanakhet- thành phố lớn thứ hai của Lào, chúng tôi được chú Phật tử người Huế định cư tại đây ra đón rồi đưa về một ngôi chùa Ni trong thành phố. Theo lời vị đạo hữu thì tỉnh Savanakhet có hai ngôi chùa do cộng đồng người Việt di cư tạo lập từ những năm ba mươi của thế kỷ trước. Chùa Diệu Giác Ni và chùa Bảo Quang Tăng. Những ngôi chùa Việt hiện diện trên Đất Nước Triệu Voi đều mang đậm dấu ấn quê nhà. Mái chùa quê hương trở thành nơi hội tụ giao lưu để những người con Phật gặp nhau trên khắp nẻo đường tha phương lập nghiệp.

Tam quan chùa hiện ra trên một con đường rộng thoáng yên tĩnh. Một ngôi chùa cổ kính bình dị như bao ngôi chùa, nhưng khi bước vào, tôi có cảm giác như mình đang trở về với ngôi chùa thân quen tại quê nhà. Cổng chùa cũng là màu vàng nền nã nhẹ nhàng mà thanh thoát; bốn trụ cột cao cùng dây tường rào lại phủ một màu xanh lam dịu mát truyền thống. Trước sân có tượng đài Quan Âm lộ thiên. Trên cao, mái ngói đỏ thẫm nổi bật dưới bóng chiều tà. Những hình rồng chạm khắc tinh tế uyển chuyển hài hòa xoay quanh bốn hướng. Trên trụ cổng có bánh xe chuyển luân, có những búp sen hồng dịu dàng vươn cao trong nắng ấm...

Ngôi chùa Ni với một lối kiến trúc thuần Việt không hề nhầm lẫn với bất cứ ai. Mà đã nói đến tính cách riêng của mỗi dân tộc thì đâu thể dùng phép so sánh với những ngôi chùa bản xứ vốn rất tinh xảo sắc nét. Chùa Việt mang âm hưởng quê hương, hồn thiêng sông núi... để lòng người xa xứ mãi vương vấn theo nhịp chuông tiếng mõ ngân vang trong khuya sớm.

Sư cô Đàm Luân- trụ trì chùa, là người Việt nhưng sanh trưởng tại Lào. Cha gốc Thanh Hóa, mẹ người Hải Dương, họ di cư sang Lào từ thời kháng chiến chống Pháp. Sư cô từng có nhiều năm tu học tại thủ đô Viêng Chăn trước khi về đảm nhận Phật sự ngôi Tam Bảo này. Vóc người dong dong cao, tư chất nhanh nhẹn, giọng

Bắc nhẹ nhàng truyền cảm. Cung cách nói chuyện của Sư toát lên vẻ chơn chất đôn hậu mà lại tự nhiên dễ gần gũi. Thế là chẳng mấy chốc, cuộc đàm đạo quanh bàn trà giữa những người có chung màu áo và cùng ngôn ngữ đã trở nên thân tình cởi mở. Đêm đầu tiên nghỉ lại chùa, lắng nghe tiếng mưa rơi nhẹ bên thềm và sự tĩnh lặng của đường phố, cảm giác như mình vừa bước qua một thế giới tràn ngập những sắc màu yên vui tự tại.

Không gian chùa Diệu Giác không rộng nhưng thoáng đãng và thật yên tĩnh. Phòng khách treo nhiều tranh lịch hình ảnh các ngôi chùa nổi tiếng xứ Huế. Kinh sách tiếng Việt chất đầy trong tủ. Ngoại trừ tượng Phật Thích Ca là sản phẩm đặc thù của xứ Chăm-pa, các tượng khác như Di Đà, Hộ Pháp, Ông Tiêu... cho đến chuông Gia trì, Đại hồng chung, trống Bát nhã... đều là hàng Việt Nam chính hiệu. Thật thú vị khi đọc những lời Phật dạy, những câu kinh Pháp cú, bâng nội quy, nghi thức tụng niệm dán khắp tường đều bằng Việt ngữ. Hình ảnh và ngôn ngữ Việt tạo cho ngôi chùa có một phong cách riêng đầy sắc thái.

Ngoài sư cô trụ trì, chùa còn có ba vị Sa di Ni và một tín nữ. Họ đều lớn tuổi nhưng sự tu tập hành trì thật tinh tấn miên mật. Buổi khuya sau thời công phu, quý vị còn ngồi lại trên chánh điện niệm Phật cho tới sáng. Thời khóa tụng niệm khuya tối, quả đường hai buổi sáng trưa đều theo nghi thức Đại thừa Bắc Tông. Không ăn chiều, không đồ lửa nên có nhiều thời gian tịnh tu quán niệm. Sau các thời tụng kinh chấp tác, quý cô cùng ngôi học kinh trên nhà giảng hoặc mở băng đĩa nghe thuyết pháp. Băng giảng của quý thầy từ Sài Gòn và Huế gửi sang. Phật tử đến tụng kinh lễ Phật vào các ngày rằm ngày lễ. Phật tử Lào thỉnh thoảng cũng có người tới chùa lễ Phật và giao lưu học hỏi với quý Ni.

Ni Việt Nam tu tập trên đất nước Lào không nhiều, nên việc thọ giới Tỷ Kheo Ni quả là nan giải vì Lào không có giới đàn dành cho Ni. Ni Nam Tông chỉ thọ 5 giới, quần y trắng và không được lập chùa riêng. Một lần thầy

Minh Phát từ Sài-gòn qua, nhận thấy các Ni người Việt đã làm trụ trì nhưng vẫn còn là Sa Di Ni, thầy liền gọi họ lại và nói: "Quý cô về lo may đủ ba y. Sang năm thầy trở qua sẽ truyền giới cụ túc cho. Giới pháp đầy đủ thì con đường tu tập hoằng đạo sẽ thuận lợi hơn"

Thế là năm sau (1992) Thầy Minh Phát qua Lào dự lễ trai đàn chẩn tế tại chùa Bàn Long (chùa Việt ở Viêng Chăng) cùng với quý Ông và quý Sư bà. Có đủ hai bộ Đại Tăng, thầy liền xin tổ chức Đại giới đàn, cho mời tất cả Ni Việt trên khắp nước Lào về chùa Bàn Long thọ đại giới. Đàn giới đặc biệt năm đó, sư cô Đàm Luân cùng tám vị Ni đều được lãnh thọ giới phẩm Tỷ Kheo Ni.

Vào khoảng thập niên sáu mươi-thế kỷ hai mươi, Hòa Thượng Nhật Liên- Trụ trì Tổ đình Tây Thiên- Huế, trong thời gian du hóa sang Lào, ngài cho trùng tu lại chùa Bảo Quang và chùa Diệu Giác với quy mô rộng lớn như hiện nay. Trên bàn Tổ chùa có thờ di ảnh của Hòa Thượng. Từ mỗi nhân duyên đó, hai ngôi chùa Việt tại Savanakhet luôn giữ mối giao hòa liên kết với Giáo hội Phật giáo Thừa Thiên-Huế. Ngoài lễ Phật đàn, An cư, Vu Lan và Tết cổ truyền (theo âm lịch Việt Nam) quý thầy ở Huế cũng thường qua thuyết pháp và chủ trì các buổi lễ quy y, thọ bát quan trai, cúng trai đàn chẩn tế cho Phật tử người Việt trong vùng. Quý Ni ở Huế qua Lào dự lễ hay đi du lịch đều tìm đến lưu trú tại chùa Diệu Giác. Thỉnh thoảng Sư Đàm Luân lại về Huế. Sư bảo: "Chùa Huế như một ngôi nhà lớn với nhiều bạn đạo thân tình. Lâu lâu có dịp là mình lại trở về nhà thăm viếng mọi người và tham quan các cảnh chùa." Quý thầy quý cô ở Huế đều quen biết và quý trọng sư.

Rồi cũng tới lúc chúng tôi phải nói lời từ giã đất nước Lào hiền hòa tươi đẹp. Đường về qua ngô tằm Campuchia rút ngắn mà dòng cảm xúc cứ dài thêm ra. Bởi tôi biết... mình vừa mang thêm món nợ ân tình với những người bạn đạo phương xa. Chút niềm tri ân chớ theo suốt cuộc hành trình. Năm tháng rồi sẽ phai pha và những người con Phật sẽ lại gặp nhau nơi một chốn về an nhiên tịnh lạc.



Vực Lòng

Những con đường khuya chập chờn bóng lá
Ta tìm nhau trong mấy nẻo phù trần?
Trong bóng tối ta biết đâu tội lỗi
Mãi đi quanh còn một chút tàn hơi
Mai ta về trong ánh sáng cõi Niết Bàn
Ở nơi đó ta thân tâm an lạc
Câu mật niệm đều đều theo nhịp sáng
Sẽ thấy lòng thanh thản chẳng bao giờ
Hãy đứng dậy sau những lần nghiệt ngã!
Hãy vực lòng giữa cám dỗ cuộc đời!
Biết tình đau là biết đời còn khổ
Có mượn vay trong vòng đời tội lỗi
Nghe tình đau trên ngàn nỗi yêu thương
Thì người ơi! Hãy mau mau quay lại
Đời vô thường ta cay đắng xót xa
Thuyền Bồ Đề đã định hướng chỉ chờ ta.

Sáu Chữ

Ta dạo bước nghe sóng xuân réo gọi,
Khúc ân tình từng nhịp sóng vỗ về,
Tiếng Nam Mô theo sóng biển vào bờ
Nghe hơi thở A-Di-Đà nói tiếp!
Ôi! Kiếp sống trả vay vòng tục lụy
Mãi xoay vần như ngày lẫn lộn đêm
Nợ ân tình vay trả mãi không thôi
Thế mới biết cõi trần và cõi thế
Cứ vay mãi mà không bao giờ biết
Đến khi nào trả dứt cái nghiệp này?
Nợ ân tình vương vấn mãi khôn nguôi
Như con sóng cứ lấp tràn bờ bãi
Bước cứ bước mặc sóng xô gió dập
Miệng không ngừng sáu chữ gọi Nam Mô
Cả cõi lòng hãy mật niệm vô cùng
Ta sẽ thấy liễu sanh và thoát tử!

MAI PHƯỚC LỘC



Nhớ Cha

Chiều nâng ba chén cơm đầy
Nhớ cha quay quắt những ngày thê lương
Cháo đong loãng nhạt ưu buồn
Đủ vui cái dạ lưng chừng xông xao
Sáng ngồi tán gẫu tào lao
Ly cà phê đá ngọt ngào rộn vui
Nhớ cha năm tháng bụi ngùi
Điểm tâm khoai sắn rồi thôi đi nằm
Trưa nghe nhạc nhẹ rung ngân
Bài ca xứ Huế chạnh lòng ai xa
Con thềm bên cạnh có cha
Sốt chia nỗi nhớ quê nhà rêu phong
Đêm êm ấm gối phượng rồng
Nhớ cha lạnh lẽo ngày đông năm nào
Cha cười khi vận lao đao
Rách nghèo sao vẫn thanh cao vô chùng!
Một đời cha chỉ yêu thương
Không quen thù oán, chẳng buồn thở than
Cha ơi! Sự thật phủ phàng:
Triều dương đã tắt trên đàng con đi
Con giờ bay bổng múa may
Công danh sự nghiệp đủ đây không vui
Bốn phương vắng bóng mặt trời
Khuya rơi nước mắt con ngồi nhớ cha.

MÃN ĐƯỜNG HỒNG

Tâm Thư gửi Chị

THẢO LƯU

Em viết mấy giòng này cho chị khi mà ngọn gió bắc đang se sắt thổi về. Ngôi chùa nơi vùng ven em ở thời tiết chưa trở lạnh, nhưng khi em về khu Đại Tòng Lâm thăm má mới hay là mùa đông sắp về rồi. Như vậy cũng đồng nghĩa là ngày giỗ chị sắp đến. Hằng năm em chỉ có mỗi phận sự là lo chu toàn cho ngày tưởng niệm của chị. Ngày ấy bạn bè chị cũng có nhiều người hỏi thăm và đến dự. Mọi việc cứ bình thường trôi qua như thế mà cũng đã mười năm rồi đó... chị có biết không?

Em nói bạn bè chị hỏi thăm là vì họ không biết năm nay em sẽ làm đám giỗ chị ở đâu. Cứ mỗi năm... tùy theo hoàn cảnh kinh tế, hoặc đôi khi theo sở thích và yêu cầu của nhiều người mà em tổ chức một nơi khác. Chắc chị cũng không lạ lắm về ý tưởng này phải không? Sinh tiền chị vẫn thích đi đây đó, thích trải lòng mình với cuộc sống tha nhân, thì khi trở về cát bụi, được nhiều nơi và nhiều người tưởng nhớ, cũng là niềm hạnh phúc có được cho một kiếp số hữu hạn trong cuộc đời này rồi. Mười năm... thời gian chưa đủ dài cho những đứa cháu chị lớn khôn, nhưng cũng quá lâu cho nỗi lòng thương tiếc của bao người dành cho chị. Ngày chị mất... bé Uyên Nguyên, Uyên Nhi chỉ mới chào đời. Bây giờ hai đứa cháu mang tên do chị đặt đang học lớp ba và dưới đôi mắt của chúng thì chị là một bà cô thiên thần luôn được tôn thờ kính ngưỡng, dù chưa một lần cô cháu biết mặt nhau. Đã là thiên thần thì đâu thể nào chết được, ít nhất là trong tâm niệm của những người thân yêu nhất.

Bây giờ em sẽ kể cho chị nghe về những chuyện đã xảy ra kể từ ngày chị vắng xa cuộc sống. Với ngần ấy năm thì có bao điều để nói, vô số những lẽ thật điều hư mà chị ắt sẽ không bao giờ nghĩ tới. Nhưng mà thôi đi, chị đã yên vui tự tại trong cảnh giới

không sinh diệt rồi thì còn cần biết gì đến sự đời nhiều khê ấy nữa. Cũng có thể chị đã quán xét và nhìn thấu rõ bao chuyện hi vọng ái ố nơi cõi nhân gian này rồi. Tuy vậy, em cũng tạm mượn vài dòng chữ này như tâm tình của đứa em nhỏ gửi đến chị nơi phương trời xa xôi ấy. Chuyện đời thì nhiều, chuyện đạo cũng không ít. Thôi thì em chỉ nói cho chị nghe về má của chúng mình. Là người con chí hiểu, chị hẳn muốn biết điều đó hơn cả. Mọi người đều nghĩ rằng, dù em



có đóng cả hai vai cũng không thể chu toàn bốn phận làm con như hồi chị còn tại thế. Bởi đứa em gái của chị mất cha từ thuở lọt lòng đã quen với sự nương chiu của má và anh chị. Khi chị không còn, em hụt hẫng chơi vơi, nhưng cũng tự đứng lên được ngay sau đó. Sự cứng rắn đã giúp em vượt qua giai đoạn khó khăn nhất trong cuộc đời mình.

Chị mất chưa bao lâu thì má đi xuất gia rồi thọ giới sa di, cũng trải qua vài ngôi chùa như phần đông người tu mình ở giai đoạn đầu học đạo và hành thiền. Tuổi má đã cao, lại thêm căn bệnh ung thư hành hạ bao năm, thế mà về mặt công phu công quả thì chưa một ngày giải đãi biếng trễ. Khuya thức chúng, bà lên chùa đóng chuông, công phu xong thì quét dọn bàn Phật. Sáng sớm sau bữa

điểm tâm là má đã có mặt ở ngoài vườn, trồng rau, nhổ cỏ, dọn củi, quét sân, rồi cắt rau xanh vào cho quý cô nấu bữa trưa. Quần quật cả buổi mới vào đóng chuông trưa, cúng ngọc, chiều tối thì công phu, tịnh độ, không bỏ sót một thời khóa nào. Má cũng siêng lay sám để nguyện cầu cho quốc thái dân an, và mấy cô vẫn hay kể với em là má hằng ngày đọc tên chị khi phục nguyện cầu siêu... lại cầu an cho em nữa đấy.

Má của mình là vậy đó chị à! Lớn tuổi dù có ham tu nhưng vẫn chưa dứt được tánh cố chấp sĩ diện. Tuy vậy, nhờ má suốt ngày niệm Phật, lại rất mực tin tưởng và trì tụng danh hiệu Đức Bồ Tát Quán Âm nên cũng vượt qua mọi bệnh tật khổ hoạn, để vui sống cho đến bây giờ! Hồi mới xuất gia, em gọi má bằng "cô" theo pháp trong nhà Phật thì bà giận suốt mấy ngày liền. Em không được ở gần bên má để phụng dưỡng bà trong buổi xế

chiều, chỉ thỉnh thoảng cùng các cháu ra thăm ở lại vài hôm. Nhưng chị biết đó, má vốn sợ phiền lụy đến con cháu, và cũng chỉ ưa một mình tĩnh tu nên cũng không thích ai đến thăm nhiều. Bây giờ thì má đã yên tu trong chốn Đại Tòng Lâm, và có vẻ bằng lòng với cuộc sống như vậy. Nhờ duyên của chị em mình nên má mới xuất gia. Cũng như ngày xưa, người phụ nữ góa bụa trẻ đẹp phải dắt díu mấy đứa con thơ đi hết chùa này đến chùa khác làm công quả để tránh điều nghi kỵ sàm tiếu của bên chồng cùng những cặp mắt si tình của bao gã đàn ông. Nhờ những tháng ngày bé thơ được ở chùa mà chúng mình thấm mùi đạo rồi phát tâm xuất gia. Đời má đã khổ nhiều. Má chỉ mong ước các cô con gái đi trọn con đường đạo, dứt hết bao mối ràng buộc nơi cảnh duyên trần. Chị thì đã sớm rời bỏ cuộc sống, má và em cũng đang hưởng trọn lòng trong ánh đạo yên vui.

Mười năm vắng xa chị, em mới viết lá thư này. Bao niềm nhớ thương đã theo lẽ thường tình tan biến. Điều đọng lại trong em chính là giây phút được lắng lòng để tưởng nhớ đến chị. Những lúc như thế em mới cảm thấy thật sự an lạc và thanh thản hơn cả. Thời gian chị em mình sống bên nhau không lâu, dù cùng chí hướng mà hành điệu ở hai phương trời, chỉ đến



khi vào thành phố tu học mới có dịp sống chung một ngôi chùa. Vậy mà chỉ được vài năm thì chị mất. Cuộc sống ngăn ngùi của chị, hay niềm hạnh phúc có chị bên đời của em chỉ được bấy nhiêu. Khoảnh khắc gặp gỡ nhau đã trở thành niềm thiên thu bất tận. Những vần thơ khóc chị được em viết qua tâm tưởng. Những vòng hoa bạn bè gởi tặng như lời kính điệu cho một kiếp tài hoa mệnh bạc. Tất cả rồi cũng qua nhanh. Mười năm hay bao nhiêu năm đi nữa, thì ánh đạo từ bi và niềm tin của em đối với chị vẫn nguyên vẹn như cái thuở chúng ta cùng hiện hữu trên cõi đời này.

Vậy thôi chị nhé! Em viết thư cho chị chính là muốn nhắc nhở với riêng mình. Dòng đời khác nào con nước chảy xuôi, nhưng lý đạo thì muôn trùng sáng tỏ. Mười năm... biết bao lần em tự hỏi, phải chăng chị mang tâm hạnh của loài hoa vô ưu nhẹ bước vào đời chỉ để nở rộ lên trong khoảnh khắc rồi tan biến vào hư vô? Nhưng dù sao thì việc đến đi của đời người trong cuộc thế vẫn có ý nghĩa và giá trị riêng của nó. Nơi cõi miền trường chắc chị cũng trải lòng mình đón nhận một mùa xuân thế gian sắp trở về. Khi gió đông tàn thì hương xuân kịp đến, cánh nhận theo về mặc tình ai ghét... ai thương.

(để tưởng nhớ ngày chị mất,
26 tháng 12 dương lịch)

Thảo Lư



Tôi và Em

Khi tôi gặp Em..

*Nói và chia sẻ với Em về Phật pháp
thì lúc đó..*

Phật pháp hiện hữu trong tôi...

Nhưng khi Em quay lưng..

thì...

Tôi vẫn là Tôi..

Vẫn sống trong những tập khí

(đã trở thành thói quen"của vọng tưởng)..

Bị ảnh hưởng về một pháp-giới-huyền-mộng của duyên nghiệp xa xưa

Như niềm cô tịch trong những cơn mưa tích lũy từ nhiều kiếp...

Này Em ơi...

*Tôi muốn hát lên một bài hát mà nhân gian chưa từng nghe,
Chưa từng biết..*

Với những lời ca tha thiết về Bồ Đề Tâm...

của một hành giả đang hành trì một cách âm thầm

không mỗi mết,

(mà tôi còn đang lệt bệt cố gắng bước theo chân)

và xin Em..

Đừng bao giờ có một phút giây nào ngại ngần

Khi phải chờ đợi Tôi còn lang thang mãi mê trong trần cảnh...

Này em ơi...

Nếu một mai em chết,

Đời sống nào em sẽ chọn trong tương lai?

Em sẽ gặp những ai?

Có thấp thoáng hình ảnh tôi trong ấy?

Này Em ơi...

Nếu có quay về..

Xin cứ tiếp tục làm những việc mà nhân gian cho là phi lý...

Bằng tâm lòng với trần đầy háo ý

Từ cái Tâm Bồ Đề đang sáng chói trong Em

Ôi...

Này em hỡi..

Tôi đang nghiêng tâm,

Nhìn sâu trong trái tim mình..

Đang từ từ nở ra rất muện màng

một đoá Sen trắng,

Rơi rớt từ giọt nước mắt em...

Đêm nao...

CHIÊU HOÀNG



Lá Thư Tu Học Ké

TÂM MINH—VƯƠNG THÚY NGÀ

(Lớp học Thành Duy Thức Luận của TT. Tuệ Sĩ)

Kính thưa Thầy,

Hôm nay con trích vài trang trong Nhật ký tu học ké của con gửi đến Pháp Luân để gợi nhớ về những kỷ niệm thật vui trong những giờ học Duy Thức của chúng con mà giờ đây không còn nữa vì Thầy bận nhập thất, dịch kinh, v.v... nên lớp học đã nghỉ dài hạn và chưa bắt đầu lại được!

Con gọi là "tu học ké" vì lớp này của quý thầy, cô và chỉ một số anh chị em (ACE) cư sĩ chúng con được tham gia mà thôi. Lớp có nhiều hôm học đông, nhiều hôm vắng, nhiều hôm lớp vui, nhiều hôm im lặng... nghĩa là không có buổi học nào giống buổi nào, nhưng có cái chung là hôm nào cũng vui nhộn hẳn lên khi Thầy "vào lớp" và chùng xuống khi Thầy chào từ giả lớp.

Con không trình bày ở đây nội dung bài giảng của Thầy vì buổi học nào cũng giảng về chúng tử, alaya, sự có mặt của alaya, v.v... chứng minh sự hiện hữu của thức thứ 8, càng lúc càng tinh vi và nhất là những buổi học của chư Tăng Ni mà Thầy dạy cách dịch từ Hán ra Việt... thật khó "nuốt", khó hơn dịch từ tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Anh... ra Việt văn nhiều! Văn phạm chữ Hán "bí ẩn" quá Thầy ơi! Nhiều hôm con bị Thầy chê: "Tiếng Hán một chữ cũng không biết!"

Con chỉ ghi vào đây những điều Thầy dặn dò phải đào sâu thêm cái gì, phải học như thế nào, và nhất là những câu hỏi của chư Tăng, Ni hay của ACE chúng con.

Ví dụ như bài giảng của Thầy có liên hệ đến Mộng và Thực. Câu hỏi được đặt ra là: Thế nào là Mộng? Tại sao nói đời là Mộng mà mình không tỉnh mộng được?

Thầy dạy: Mộng là thật hay là giả? Có thật hay không có thật? Có nhiều khi mình mộng, nhưng những sự việc xảy ra trong giấc mộng đó có tác dụng lên thực tế. Trường hợp rất thường xảy ra và rất nhiều người đã gặp: Nằm mơ thấy đá banh và giờ chân đá thì tỉnh dậy, thấy chân đá đụng vào vách tường! Hay giấc mơ của Thầy mơ

thấy mình đi từ Vạn Hạnh về Già Lam; khi đi qua giàn mướp trước chùa thì giàn mướp sập, Thầy đưa tay lên đỡ, thì tỉnh dậy thấy 2 tay đang đỡ cái giàn mùng rớt xuống!

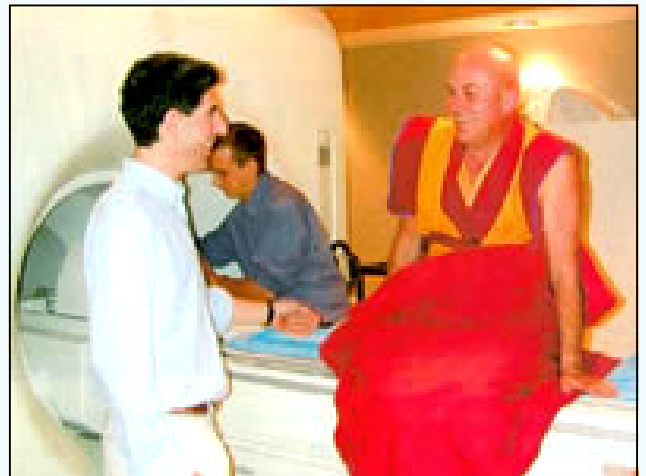
Dù là "thật" hay "giả" thì mộng vẫn là một quá trình (process) huân tập không phải "tự nhiên mà có". Những hoài niệm, nhớ nhung, những tư tưởng tình cảm được tích tụ dài ngày dài tháng khi có điều kiện sẽ thành Mộng, có khi một giấc mộng đã được "chuẩn bị" từ 5, 10 năm... Cuộc đời cũng là một giấc mộng mà muốn "tỉnh mộng" phải được xử lý quá trình huân tập ấy bằng quá trình tu tập chứ không phải một sớm một chiều có thể tỉnh được ngay! Thầy thường liên hệ với những danh từ dùng cho máy tính (computer) để ACE trẻ hiểu dễ dàng như: Giấc mộng (chiếm bao) bao gồm nạp dữ liệu (huân tập), tích lũy vào tâm thức (chứa vào Alaya), dị thực (quản lý, xử lý dữ liệu).

Thầy còn nói, vì tính đối với thời đại chúng ta là thần thông diệu toán. Nó thay đổi từng giờ từng phút; chúng ta học Duy Thức nói riêng, học Phật Pháp nói chung là để áp dụng vào cuộc sống của chúng ta và để tìm ra những phương pháp chữa bệnh, trị bệnh, cứu chúng sanh chứ không phải học để chơi, để nói dóc (hý luận)... Đã có những bác sĩ tâm thần, bác sĩ phân tâm... nghiên cứu từ những giấc mơ để chữa bệnh tâm thần hay tâm lý cho nhiều bệnh nhân... (Thiền và sức khoẻ tâm hồn, tinh thần; Thiền và sức khoẻ thể chất).

Freud cũng giải thích về những giấc mộng do ấn ức (refoulement) mà ra, và cũng đã phân biệt tính chất những sóng não (brainwave) với những giai đoạn của giấc mộng: REM, SLOW-WAVE, NON-REM...

Những điều Thầy giảng và đề cập đến, khi "học bài" con đều tìm lại những tin tức liên hệ đến qua sách vở và trên net, thật rất thích thú. Ví dụ như về

nghiên cứu và áp dụng Phật Pháp (Thiền) vào việc cứu giúp chúng sanh. Có một bản tin nói rằng từ năm 1992 ngài Đạt-lai Lạt-ma (ĐLLM) thứ 14 đã mời tiến sĩ Richard Davidson nghiên cứu về trạng thái thần kinh (tức hoạt động của não bộ và các tế bào thần kinh) khi thực hành Thiền; tiến sĩ Davidson cũng là một người thực hành thiền nên ông đã nhận lời đến vùng chân núi Hy-mã-lạp-sơn với các máy vi tính, máy điện não đồ, máy họa hình các chuyển động trong bộ não... khảo cứu bộ não các vị thiền sư Tây Tạng khi thực hành Thiền, qua các tiếng dội từ trường (Functional Magnetic Resonance Imaging). Công trình nghiên cứu này không những chỉ cho thấy hoạt động của bộ não trong thời gian thiền mà còn biết được cả ảnh hưởng tốt đẹp tồn tại sau nhiều tháng kể tiếp. Đã có nhiều nhà khoa học khác người Mỹ như Paul Ekman, Stephen Kosslyn, người Pháp như Mathieu Ricard, v.v... tham gia chương trình này. Cứ 2 năm một lần, các nhà khoa học cùng họp nhau ở dưới chân Hy-mã-lạp-sơn (nơi cư ngụ của ĐLLM 14) hay một nơi hẹn trước, dưới sự chủ tọa của đức ĐLLM 14 để hội luận về lợi ích của Thiền, và của những cảm xúc tích cực (từ, bi, hỷ, xả, an lạc...) cũng như các phương thức chuyển hoá những cảm xúc tiêu cực (giận dữ, hận thù, bất an, phiền muộn...) Ngoài ra, hiện nay có khoảng 250 trường đại học áp dụng chương trình hướng dẫn Thiền để phát triển sức khỏe và tạo đời sống an vui của tổ chức Giảm Căng Thẳng Bằng Tinh Thức (Mindfulness-Based Stress Reduction hay MBSR) do tiến sĩ Jon Kabat-Zinn thuộc viện đại học Y khoa Massachusetts Umass Medical School thành lập trên 25 năm qua. Tiến sĩ Kabat Zinn và các đồng nghiệp của ông (bác sĩ, y tá, cán sự xã hội, bác sĩ tâm



thần...) trong chương trình MBSR đã chữa trị cho trên 16 ngàn người và đã đào tạo được trên hai ngàn chuyên viên có thể hướng dẫn bệnh nhân về chương trình này.

Trở lại với bài học, để trả lời câu hỏi của một học viên: mộng có thật hay không có thật? và cuộc đời là giả hay thật? Thầy phân biệt rất hay và vui. Thầy cho một ví dụ: Một người ngồi coi phim (video) và một con kiến bò trên màn hình TV. Người coi phim biết những vở kịch, những chuyện phim... đều là giả, nhưng vẫn khóc, vẫn cười, vẫn buồn, giận, lo lắng... theo như tâm trạng của các diễn viên; con kiến bò trên màn hình không biết gì cả, không vui không buồn, cứ bò... Như vậy, giả hay thật, là tùy xử lý của người quan sát. Sơn hà đại địa, thế giới, vũ trụ này cũng vậy, cũng như những biến hiện trên màn hình nếu chúng ta là những người ở trên rừng mới về thành phố, không biết gì đến văn minh, nên khi nhìn vào màn hình thấy sư tử cạp beo, thấy bắn súng, thấy người chết, tưởng thật phát sợ; còn Bồ-tát như những kỹ sư điện toán biết đó chỉ là phim ảnh, các diễn viên đóng tuồng có sống có chết, nhưng tất cả không phải thật, diễn xong vở tuồng, các diễn viên lại nói cười vui vẻ, không có gì xảy ra hết!

Không khí các buổi học đều rất trang nghiêm, không ai ngắt lời Thầy và rất sợ Thầy dừng lại hỏi (mà "bí" thì què lắm!). Gần hết buổi học, nhờ những câu hỏi và trả lời của Thầy mà không khí đã có pha tiếng cười và những câu nói chuyện ngắn qua "tấm bảng" Thầy giảng bài. Thịnh thoảng có thầy cô hay ACE cư sĩ ngâm thơ, ca hát... tặng Thầy, nhất là lúc Thầy sắp nhập thất.

Buổi học cuối trước khi Thầy nhập thất được ban điều hành lớp gọi là "buổi học chót" lúc nào cũng buồn! Có nhiều thầy ở xa gọi vào thăm và nói lời tạm biệt Thầy, khiến con nghĩ ngay đến câu "nhất nhật bất kiến như tam thu hề" (một ngày không gặp mặt dài như 3 năm) huống chi là nhiều tháng, rồi lại "khoảnh khắc thành thiên thu". Con tự nhủ: với lý "không" của nhà Phật, mình cũng có thể nói "thiên thu thành khoảnh khắc" để thấy bây giờ và 3 tháng nữa không khác, chỉ thoảng qua như là một giấc mộng thôi. Nghĩ như vậy để bớt thấy buồn vì sau hôm nay không còn được học với Thầy mỗi tuần hai lần nữa!

TÂM MINH

(Trích đoạn *Buổi học chót* trong tập *Những trang nhật ký* của Tâm Minh)

HỘI PHẬT HỌC ĐUỐC TUỆ

THƯ MỜI

Kính gửi Quý Đồng hương Phật tử

Trong tinh thần đồng học đồng tu để phụng sự Đạo Pháp, Hội Phật học Đuốc Tuệ sẽ tổ chức Buổi Hội Luận năm 2011 này với chủ đề:

SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI CƯ SĨ TRONG CÔNG CUỘC HOẰNG PHÁP TẠI HẢI NGOẠI

từ 2.00 giờ đến 5 giờ 30 chiều

ngày Chủ Nhật, 11 tháng 12 năm 2011

tại Trung tâm Sangha, 7641 Talbert Ave,

Huntington Beach, CA.92648

(Điện thoại liên lạc: 714.425.3938)

Trân trọng kính mời quý Đồng hương Phật tử đến tham dự Hội Luận để trao đổi ý kiến hầu cùng nhau làm tròn vai trò người Cư sĩ trong hoàn cảnh hải ngoại hiện tại.

Diễn giả được thỉnh mời tham gia và Đề tài dự trù được trình bày:

- Đạo hữu **Tâm Diệu Nguyễn Xuân Quang** - Vận dụng bài học lịch sử cận đại về hoằng pháp của các Cư sĩ tiền bối.
- Đạo hữu **Nguyễn Lượng Nguyễn Phước Trí** – Kinh nghiệm về sinh hoạt hoằng pháp của Cư sĩ trong lúc hợp tác với các Tự viện.
- Đạo hữu **Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê** – Kinh nghiệm hoằng pháp của Tổng hội Cư sĩ trong giới trí thức hải ngoại.
- Đạo hữu **Tâm Quang Vĩnh Hảo** – Cư sĩ mọi thời - Nội dung và đối tượng hoằng pháp của người Cư sĩ.
- Đạo hữu **Chân Văn Đỗ Quý Toàn** – Cư sĩ nên tích cực tham gia hoằng pháp như thế nào?

Sự tham dự của Quý vị là niềm khích lệ lớn lao cho chúng tôi trong nỗ lực Hộ trì Tam Bảo - Sẽ có trình diễn văn nghệ và tiệc trà nhẹ - Vào cửa tự do.

Orange County, ngày 25 tháng 11 năm 2011

Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả

Hội trưởng, Hội Phật học Đuốc Tuệ



Nén Hương Cung Tiên

(Kính tưởng niệm Giáo Sư Phan Lạc Tuyên)

Mấy tuần qua, tôi sống trong hoài tưởng
Thời sinh viên, bao kỷ niệm không phai.
Chợt hôm nay, tin quê nhà báo đến
Một Giáo Sư về với cõi Như Lai...

Thôi đã hết một hành trình nhân thế
Người ra đi không bận bịu, buộc ràng.
Nhưng ân tình đậm đà vô số kể
Khiến bao người ở lại mãi vương mang.

Phan Lạc Tuyên, một tấm gương nhà giáo
Khoa học gia, tận tụy với công trình
Văn minh học, Người sáng soi thấu đáo
Để truyền trao kiến thức đến học sinh.

Người thao thao nơi hội trường thuyết giảng
Người kiên trì đi khảo cứu khắp nơi
Người tuổi cao vẫn không hề mệt chán
Người chắt chiu Chân Thiện Mỹ cho đời.

Gặp được Người thật hữu duyên, hữu hạnh
Để học về các Tôn giáo hình thành
Vốn hiếm quý, không có gì so sánh
Lĩnh vực này, Người chói sáng, thành danh.

Tôi còn nhớ chuyến Nha Trang dã ngoại
Học mà vui, cùng tìm hiểu Tháp Chàm.
Nhưng mỗi người phải lắng lòng ghi lại
Thu hoạch gì sau một chuyến tham quan?

Người bao lần hành hương nơi Ấn Độ
Lần dò theo vết tích của Như Lai.
Người say mê với Trống Đồng, Tháp cổ
Tượng trưng cho nền văn hoá phi thai.



Có những lúc tôi thuyết trình Tôn Giáo
Trước bao hàng học giả khắp Đông Tây
Tôi được khen : trình bày hay độc đáo
Tôi hân hoan lòng tưởng niệm ân Thầy.

Có những lúc bên Người căn nhà cũ
Có Quan Âm và có cội Bồ Đề
Cùng hàn huyên qua bao giờ, chưa đủ
Lúc chia tay, còn hẹn lại ngày về...

Nhưng hôm nay cuộc vô thường dâu bể
Người ra đi về với cõi vô biên
Nén hương lòng kính tiễn đưa Nguyên Tuệ
Sống trong tôi bao kỷ niệm thiêng liêng.

Trăng Diệu Pháp lung linh chân dung đó
Nước men sông Bến Nghé lững lờ trôi
Vàng Trí Tuệ chân như hằng sáng tỏ
Tiếng chuông ngân làm tỉnh giấc mơ đời ...

Chùa Quang Thiện Cali, Hoa Kỳ

THÍCH MINH TUỆ (Thích Đồng Trí)



Tâm lang thang phiêu bạt Đập quạt vào đầu Thầy

TỊNH MINH soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*



Truyện kể rằng có một thanh niên thuộc dòng danh gia vọng tộc sống tại Xá-vệ. Sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, cậu xin xuất gia, hội nhập Tăng đoàn, thọ cụ túc giới, và chỉ trong vài hôm, cậu chứng quả A-la-hán. Cậu được mệnh danh là Trưởng lão Xan-ga-ra-ki-ta (Sangharakkhita). Khi cô em út của Trưởng lão sanh được một bé trai, cô đặt tên cháu theo tên Trưởng lão, và do đó cháu được gọi là cháu Xan-ga-ra-ki-ta. Đến tuổi trưởng thành, cháu được phép vào Tăng đoàn và mang cùng danh hiệu với Trưởng lão. Sau khi thọ giới sa di, chú được an cư với đại chúng trong ba tháng mưa tại một tu viện xa xôi ở nông thôn. Chú được cúng dường hai bộ y hậu, một dài, một ngắn. Chú quyết định cúng bộ y dài cho Trưởng lão y chỉ sư, và giữ lại cho mình bộ y ngắn hơn. Mãn mùa an cư, chú trở về thăm Trưởng lão y chỉ, và tiện đường thực tập thiền hành. Chú đến tu viện trước khi Trưởng lão đi khất thực và hóa duyên về. Chú quét dọn phòng ốc, trải bày tọa cụ, và chuẩn bị nước rửa tay chân cho Trưởng lão rất thơm mát. Khi Trưởng lão về, chú ra vái chào, mang hộ y bát và thỉnh Trưởng lão vào ngồi nghỉ trong chánh điện. Sau đó chú mời Trưởng lão uống nước, rửa chân cho Trưởng lão, rồi cầm chiếc quạt lá kê quạt hầu sau lưng ngài. Cuối cùng chú đặt bộ y hậu dưới chân Trưởng lão, quỳ xuống và thưa rằng:

- Bạch Trưởng lão, con xin kính cúng dường Trưởng lão bộ y này.
Tác bạch xong, chú tiếp tục hầu quạt.

Trưởng lão nói:

- Này Xan-ga-ra-ki-ta, thầy có bộ y hậu rồi. Con hãy cất nó đi mà dùng.

- Bạch Trưởng lão, từ khi con thọ nhận bộ y hậu này, con đã có ý định cúng dường nó cho Trưởng lão. Xin Trưởng lão nhận cho!

- Đừng bận tâm, Xan-ga-ra-ki-ta. Thầy có rồi. Hãy cất nó đi.

- Bạch Trưởng lão, xin đừng từ chối thiện ý của con. Nếu Trưởng lão mặc bộ y hậu này, con nhất định sẽ được phước lớn.

Chú tác bạch nhiều lần nhưng

Trưởng lão vẫn không chấp thuận lời thỉnh nguyện. Thế rồi chú tự nghĩ:

- Khi Trưởng lão còn là cư sĩ, thì ta là cháu kêu người bằng cậu. Nay ngài là Sa-môn, thì ta là pháp quyến của ngài. Ngài còn là y chỉ sư của ta, thế mà ngài không thêm san sẻ với ta chút tình thiêng liêng huyết tộc. Vậy ta ở chùa làm gì? Làm Sa-môn cầu đạo phông có ích chi! Thà làm nghiêm đường chủ hộ còn hơn.

Rồi chú lại nghĩ: Thật khó mà thích nghi với cuộc sống gia đình. Giả sử ta là một gia trưởng, ta sẽ sinh sống ra sao?

Cuối cùng, cậu suy nghĩ:

- Ta sẽ bán bộ y dài, mua một con dê cái. Dê cái có lợi lắm. Chúng chóng sanh con. Ta sẽ bán dê con, tích lũy vốn liếng dần dần, rồi sẽ kiếm một cô vợ. Vợ ta sẽ sanh cho ta con trai, và ta sẽ đặt tên nó theo tên cậu ta. Ta sẽ đặt con trai ta trên một chiếc xe đẩy, đưa vợ con đến đánh lễ người. Rồi khi đi trên đường, ta sẽ bảo vợ ta:

- Hãy đưa con cho anh bế một chút, em ạ!

Nàng đáp:

- Anh bế con không được đâu! Hãy đến đây đẩy xe và ngắm con cười nè.

Nói xong, nàng bế con, và nựng:

- Cục cưng của mẹ đây! Cục cưng của mẹ đây!

Bất giác nàng sẩy tay, đánh rơi con xuống đường, và bị chiếc xe cán qua em bé. Thế là ta trợn mắt mắng nàng:

- Cô tệ lắm! Cô không cho tôi bế con. Yếu như sên mà ra bộ tài giỏi. Cô hại tôi rồi!

Nói xong, ta chụp lấy cành cây bên đường và quất cho nàng mấy phát vào lưng chí tử.

Đứng quạt hầu Trưởng lão mà đầu óc cứ chạy nhày theo vọng tưởng liên miên, đến khi giật mình sức tỉnh thì chú đập phải chiếc quạt vào đầu Trưởng lão. Ngài thăm nghĩ:

- Tại sao Xan-ga-ra-ki-ta đập quạt vào đầu ta?

Ngay tức khắc ngài thấy rõ từng ý nghĩ đã diễn ra trong đầu óc của thẳng cháu. Ngài nói:

- Xan-ga-ra-ki-ta, đánh phụ nữ không được thì trút cảm tức lên đầu ông già này phải không? Già này đã làm gì nên tội hè!

Chú Sa-di liền nghĩ:

- Thôi, chết rồi! Hình như thầy ta đã biết hết mọi thứ suy nghĩ trong đầu ta rồi. Ta còn mặt mũi nào là thầy tu nữa đây! Chú vội quăng chiếc quạt và cầm cổ chạy, nhưng các chú điệu và Sa-di khác đuổi theo, bắt được chú, và đưa chú đến gặp Đức Thế Tôn.

Thấy các chú Sa-di đến, Đức Thế Tôn hỏi:

- Các chú đến có chuyện chi?

- Bạch Thế Tôn, chú này tự nhiên bỏ chạy, không biết chú bắt mất hay u uất điều gì. Chúng con đã chạy theo, bắt được chú, và đưa chú về đây.

- Này, những gì họ nói chú thấy có đúng không?

- Dạ thưa đúng, bạch Thế tôn!

- Tại sao chú làm một việc kỳ cục thế? Chú không phải là tu sĩ ở thiên môn? Mai sau chú không phải là Như Lai sứ giả? Chú không muốn trở thành một tam thừa tử quả giải thoát tăng? Chú thật có lỗi đấy nhé!

- Bạch Thế Tôn, con chán quá! chú vừa thưa vừa khóc.

- Chán vì nỗi gì?

Chú Sa-di kể lại tự sự từ lúc nhận y cho đến khi đập quạt vào đầu Trưởng lão, nhất là những tâm tư vọng tưởng phiêu bạt trong đầu. Và cuối cùng chú thú thực:

- Bạch Thế Tôn, con chán nản và sợ quá nên bỏ chạy.

- Này, con lại đây. Đức Thế Tôn gọi.

Chú đến quỳ dưới chân Đức Thế Tôn. Ngài đưa tay xoa đầu chú Sa-di trẻ đẹp, dễ thương, và nói:

- Đừng phiền muộn nữa. Tâm tư lang thang, dong ruổi và vướng mắc đủ thứ như thế. Phải tự nỗ lực tháo gỡ ba mối ràng buộc tham, sân, si thì mới được tự do, tự tại.

Ngài đọc kệ:

*Tâm lang thang cô độc,
Vô hình, ẩn hang sâu,
Người điều phục tâm rồi,
Hẳn thoát vòng ma buộc.*
(PC. 37)



Như một bông tuyết trở về

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Tách trà sơ kiến không nóng chưa kịp nguội, tôi đã xin cáo lui: thời gian ngắn trong dịp trở về quê nhà lần này không đủ cho nhiều việc mà sự phải làm. Tất nhiên, cũng không đủ để tôi có thể tạm phác họa một chân - dung - phía - sau về người đối diện, ngoài ấn tượng về một tu sĩ có cái chất Nam bộ khoáng đạt pha lẫn với nét hiện đại của cách ứng xử trong nếp sống công nghiệp. Nhưng cảm giác thì thường dễ sai lạc, trong khi việc - làm mới là sự chứng minh cụ thể: 11 đầu sách viết và dịch được xuất bản từ năm 2004 đến 2010 trong tu sách Báo Anh Lạc do sư sáng lập tại... cho thấy sức làm việc cần mẫn của người tu sĩ này. Trong những tên sách này, tôi chú ý tập *Nữ tu và tù nhân Hoa Kỳ* (2 tập), gồm ghi chép về những chuyến viếng thăm và thư tín trao đổi với các tù nhân tại một số trại giam ở bang Wisconsin.

Theo tác giả, những nghiên cứu tại Hoa Kỳ cho biết, "từ năm 1970 đến năm 2000, số tù nhân ở mỗi tiểu bang tăng đến 50%", "riêng ở Wisconsin, có hơn phân nửa 24.000 tù nhân là thiếu niên". Nguyên nhân của việc phạm tội, thì đơn giản. Như sự thật muôn đời: đồng tiền. Để thỏa mãn những tham dục. Nghĩa là, cội rễ của bao tội ác vẫn là tam độc: tham sân si. (Lan man, có thể nghĩ đến những người không phải là tội nhân đang ở trong vòng lao lý, mà vẫn là tội đồ lớn, thì tòa án nào sẽ xử phạt?). Cũng qua thư của chàng thanh niên James Lala 21 tuổi, mới hiểu thêm sự xử phạt nghiêm khắc của hệ thống tư pháp Mỹ: việc quan hệ tình dục với một người khác phái mới 15 tuổi đã dẫn anh đến bản án 7 năm tù giam. Hết hạn tù, vẫn còn chịu án treo, như chính thư anh viết: "không được lên mạng internet xem hoặc có bất cứ hành động nào liên quan đến sự khiêu dâm". "Tháng 1/2005, tôi lên mạng và lấy xuống hình những cô gái trẻ không phải khóa thân nhưng có kiểu cách kêu gọi. Thế là tôi bị giam 9 tháng và 22 ngày nữa". (Lại lan man: ở "quê nhà ta", chuyên ông hiệu trưởng với nữ sinh, mà báo chí đã nói tràn ra đó, bị xử phạt thế nào? Hay là, những quán giải khát công khai mở băng phim sex giữa ban ngày ban mặt cho khách vừa nhâm nhi cà phê vừa "thưởng lãm" mà

chẳng có ai đến hỏi thăm cả!)

Nhưng may thay, những con người không may mắn đó vẫn biết vươn dậy, như sen trong bùn, theo cách nói quen. Một ví dụ: Douglas Stream, 32 tuổi, bị án chung thân vì tội giết người trong cơn nóng giận. Thư anh viết năm 2007: "Tôi đã ở tù lâu rồi. Mỗi năm, tôi phải ra trước hội đồng ân xá... Tôi hy vọng sẽ được thả trước năm 2017...". Và anh xây dựng kế hoạch tương lai: ở tù, nhưng vẫn ghi danh học cao đẳng hàm thụ, dành thời gian giúp đỡ bạn tù. Khi ra tù, sẽ chọn một công việc có thể giúp đỡ nhiều người...

Vài dẫn trưng trên đây chỉ là phần nhỏ trong hàng trăm bức thư trao đổi với tù nhân của sư. Việc tu sĩ vào các trại tù với mục đích giúp họ cải hóa cũng không phải mới mẻ lắm: năm 1975, chính phủ Ấn Độ đã đưa thiền Minh sát tuệ thành một biện pháp cải tạo tù nhân. Hiện nay, Đài Loan, Anh, New Zealand, Mông Cổ... đã thực hiện điều ấy. Tại Mỹ, có 9 tiểu bang đã áp dụng các khóa thiền ngăn ngừa cho phạm nhân. Tại Việt Nam, K.20 (tại tỉnh Bến Tre) là trại giam đầu tiên chấp nhận cho tu sĩ Phật giáo được vào trại, chia sẻ tâm tư, hướng dẫn phạm nhân cách ăn chay và ngồi thiền. Tổng giám thị trại giam này cho biết, ông cảm thấy yên tâm hơn vì đã giảm được mức phạm kỷ luật phạm nhân so với trước kia.

Đây là một hướng cải tạo có hiệu quả: "ai cũng biết", tình thương chân thực và cách cư xử đúng mực vẫn tốt hơn việc áp dụng hình phạt nặng nề...

Biết chia sẻ những nỗi khổ của đồng loại, sư đã có những đóng góp có ý nghĩa khi mang ánh sáng của Phật pháp đi vào những nơi "tăm tối". Với văn chương, sư tự nhận là "không chuyên nghiệp" mà chỉ là người yêu mến văn chương. Đây là sự khiêm tốn và biết - mình cần có, nhất là đối với một tu sĩ. Tôi thì nghĩ rằng, không nhất thiết phải có thơ hay mới là thi sĩ. Bởi, có những người làm rất nhiều bài thơ mà không là thi sĩ khi tâm hồn vẫn thô lậu; trong khi có người chỉ viết dăm câu lại chính

thực người - thơ. Chỉ là, do ở chỗ: tấm lòng chân thành, trước con người và cuộc sống. Nhận ra được và biết quý trọng cái Đẹp trong nhân giới: "Ai bảo tuyết rơi không trở lại / Hoa tuyết đầy nét chữ bút in nghiêng", tôi nghĩ, đây là nét đáng quý của thi nhân.

"Tên gọi" của sư là: Thích Nữ Giới Hương.

Tu sách báo Anh Lạc:

- Boddhsattva and Sunyata in the early and developed Buddhist (2004)
- Bồ tát và tánh Không trong kinh điển Pali và Đại thừa (2005)
- Ban mai xứ tuyết (3 tập - 2005)
- Vườn Nai - chiếc nôi Phật giáo (2005)
- Xá lợi của Đức Phật (2005)
- Qui y tam bảo và năm giới (2008)
- Vòng luân hồi (2008)
- Hoa tuyết Milwaukee (2008)
- Luân hồi trong lăng kính Lăng Nghiêm (2008)
- Nghi thức hộ niệm cầu siêu (2008)
- Sen nở nơi chốn tử tù (2010)
- Quan Âm quảng trần (2010)

Chú thích ảnh :



Ảnh 1 : Sư cô Tonen và Sư Giới Hương trước trại cải huấn Racine, WI (7.2008)



Ảnh 2 : Sư cô T.N. Giới Hương trước cổng trại cải tạo Oshkosk, WI





Thu còn có Em

HOÀNG MAI ĐẠT

Không cần xem lịch hoặc đọc báo, cũng không cần bước ra ngoài sân hoặc lên "nét", tôi vẫn biết mùa thu đang đến qua ánh mắt buồn hiu hắt của vợ. Nàng nhà tôi rất nhạy với thời cảm. Một mùi hương, một tia nắng, một âm thanh hoặc một khoảng khắc trong ngày có thể gợi cho vợ tôi nhớ những kỷ niệm êm đềm trong quá khứ. Nàng nhà tôi rất nhạy với thời gian và không gian, và chỉ cần có một chút thay đổi cho dù rất mơ hồ, mông lung, nàng biết thu đang đến.

Mấy ngày trước, mặc dù bữa ấy trời nóng như giữa mùa hè, thấy vợ ít nói, không tha thiết với công việc ở hãng, cũng không màng nghĩ đến chuyện ăn uống cho cha con chúng tôi, có lúc ngồi thẩn thờ nhìn ra ngoài cửa sổ một hồi lâu, tôi chợt lo trong bụng, "Thôi rồi, thu đã đến. Tía ơi, đời tàn!" Nhìn lên lịch thì thấy đúng ngay chóc: Hôm ấy là ngày đầu tiên của mùa thu.

Tôi nói "đời tàn" là vì trong mấy ngày đầu của mùa thu, tôi cũng mắc bệnh buồn như vợ. Từ lúc biết vợ buồn mùa thu thì đời tôi bị tàn sơ sơ cũng phải ba, bốn ngày. Sau đó mới hồi phục và yêu đời trở lại. Ngày xưa, xưa thiệt là xưa, hình như tôi không có bệnh buồn chớm thu. Hình như vậy. Từ ngày sống với vợ, tôi mới bị lây bệnh buồn. Mà rồi nghĩ cho cùng thì đó cũng là một thứ bệnh đáng yêu đáng quý.

Buồn mà sao lại đáng yêu? Viết gì lộn xộn quá dzì? Bộ cha này lên cơn viết "tà tà" rồi sao? Làm ơn gọi số 911 đưa cha này vô bệnh viện tâm thần. Gấp!

Buồn đây không hẳn là buồn bã, chán đời, mà buồn khơi khơi, buồn không có lý do, buồn chơi cho vui vậy thôi. Mỗi lần buồn như vậy là dịp cho tôi thấy lại cuộc sống trong sự tĩnh thức, ít nhất là thế mà tôi nhận ra trong mấy năm sau này, khi mà tóc đã mang sắc muối mỗi ngày một nở rộ không thể che giấu giữa màu tiêu đang trở nên hiếm có. Buổi sáng lái xe đưa con đi học, với lòng buồn chơi với, tôi không còn bực bội với đám "du côn" lấn ép để giành chỗ đậu xe trước trường trung học Bolsa Grande, không thềm vắng tục khi bị "chúng nó" chen

xe ngay trước mắt, tinh bơ như bà con mình chen chân giành chỗ mua chè dưới phố Bolsa. Tôi chỉ mỉm cười chúc con gái được một ngày học vui mặc dù con không mấy lắng nghe và đang vội vàng ôm sách chạy vào trường. Trên đường về nhà, tôi xem xóm nhà quen thuộc đang hiện dần trong lớp sương ban mai. Đến một mùa thu trong tương lai, tôi sẽ nhớ lớp sương mỏng, nhớ kỷ niệm đưa con đến trường.

Cũng "nhờ" buồn, tôi không vội vã phóng xe đến sở để vui đùa vào công việc và chìm đắm trong những eo sèo của đời thường, mà dành một chút thời giờ vào buổi sáng để ra đằng sau vườn. Đã lâu tôi không còn thời giờ để chăm sóc vườn, một việc làm mà tôi yêu thích. Mỗi khi bỏ lờm còm để bắt cò, đứng lom khom để tia cây, hoặc toát mồ hôi trong lúc đẩy máy cắt cỏ, tôi cảm thấy thoải mái, thư giãn vô cùng. Sau này tôi mới nghiệm ra tại sao tôi thoải mái mỗi khi làm vườn là vì trong những giây phút hiếm quý đó, đầu óc tôi bận rộn (bận vui thì đúng hơn) với cây cỏ, không còn chỗ nào trong đầu để nghĩ đến việc xấu, để có những lời trách móc người khác.

Mùa Thu năm nay cây lựu ra được nhiều trái mặc dù mới trồng có hai năm. Vợ chồng tôi từng thấy một cây lựu có trên cây xanh mát ở một ngôi chùa trong vùng San Diego, liền về nhà trồng một cây đằng sau vườn. Mỗi lần nhìn cây lựu, tôi chợt nhớ mái chùa, nhớ những điều ước nguyện với Phật và với chính mình. Chơi với con chó Kiwi thêm vài phút ở ngoài sân, xong tôi mới lên xe đi làm.

Cũng nhờ hôm nay là ngày thứ Bảy, không phải đưa con đi học và đón con về, nên tôi quyết định đi xe đạp đến tòa soạn Người Việt. Tuy chỉ đạp xe không tới mười lăm phút, tôi cảm thấy được hít thở không khí của một khu phố gần gũi với tôi trong một thời gian còn dài hơn thời gian tôi sống ở Việt Nam, được lèo lách giữa dòng xe hấp tấp trên con đường Bolsa, giữ lòng được bình thản mỗi khi có xe phóng qua ở tốc độ dư sức

cán chết người. Cuộc đời lúc nào cũng có những giây phút nguy hiểm. Đi sát bên cạnh nó mà không bận tâm là điều an vui mà tôi khám phá vào buổi sáng mùa thu hôm nay.

Một vài niềm vui khác cho cuộc sống mà tôi cũng mới khám phá là biết trân quý những kỷ niệm nhỏ nhoi và tìm được mục đích cho cuộc sống. Đêm Trung Thu vừa qua, tôi bỗng đề nghị vợ đi xe đạp dạo biển. Nàng liền hưởng ứng. Gần 10 giờ đêm hôm ấy, hai chúng tôi đạp xe dọc theo bãi biển Huntington Beach. Lúc đạp xe đi có gió biển thổi ngược vào tóc, lúc đạp xe về có trăng rằm chiếu sáng ngay trước mặt. Vài năm sau tôi sẽ quên sự hào hứng của mùa bầu cử năm nay, như tôi đã quên những cuộc bầu cử trước, những lo âu tiền nhà, tiền nợ cũng sẽ phai mờ. Nhưng đêm đạp xe dưới ánh trăng sẽ khó quên vô cùng, vì đêm hôm ấy tôi nhận ra cực lạc nằm ở ngay trước mắt, không ở đâu xa. Đúng hơn, cực lạc ở trong tâm hồn, trong sự chia sẻ một đêm trăng với vợ.

Mấy ngày trước, tôi đến một nhà quán ở Garden Grove để viếng một người mới qua đời. Tôi từng đến nhà quán dành cho người Công Giáo này ít nhất ba lần. Lần đầu gần 10 năm trước. Lúc đó một bạn viết của tôi qua đời sau cơn bạo bệnh. Lần này cha của một người làm cùng sở với tôi lia trần, cũng sau một cơn bệnh. Chiều hôm ấy tôi cũng ngồi đọc lời cầu nguyện "Xin Chúa hãy thương xót" cho người mới mất như tôi từng đọc cho anh bạn viết năm xưa. Trong lời cầu nguyện đó, tôi nhận ra thiên đường nằm trong tình thương của Chúa. Nói cách khác, tình thương là khởi nguồn cho thiên đường, cho cực lạc.

Cũng may, thu đến tôi chỉ buồn có mấy ngày. Bận rộn với công việc viết lách giúp tôi có thể dẹp "nàng thu" qua một bên, để đón "em xuân".

Cha này viết gì lạ. Đang nói chuyện thu bỗng nhảy qua xuân, không make sense gì hết trơn. Bộ i viết tà tà thì muốn viết gì thì viết sao. Đừng giỡn mặt à nhen.

Tôi nhắc đến xuân là vì tôi mới bị giao nhiệm vụ thu nhật, gom góp bài cho số báo xuân sắp tới của báo Người Việt.

Một trong những người đầu tiên được tôi gửi e-mail mời viết bài là một anh bạn thân ở San Jose.

Anh trả lời, "Rủ nhau đi nhậu nó dễ hơn là làm báo... Xuân, Đạt à."

Chí lý, và hết ý.

Bữa khác tôi sẽ rủ bạn đi nhậu. Còn đêm nay, chắc tôi sẽ rủ vợ đi xe đạp, tìm một chút hạnh phúc trong đêm thu.



Chùm Thơ Eo Gió

BẠCH XUÂN PHÈ



Eo Gió Bốn Mùa

*Mùa Xuân Eo Gió
Chiếc nón bài thơ
Áo bay thành gió
Tuổi nào mộng mơ.*

*Mùa Hè Eo Gió
Cân Cỏ tụ nhau
Cá mực đều có
Voi bớt niềm đau.*

*Mùa Thu Eo Gió
Sóng hoai đầu gành
Vàng trắng đang tỏ
Mảnh đời mong manh.*

*Mùa Đông Eo Gió
Tiếng vọng hư không
Gầm gừ sóng biển
Một kiếp long đong.*

Chiều Eo Gió

*Vờn mây cách hạc trên trời
Thong dong vô trụ bên đời hắt hiu
Triều âm lặng sóng bến chiều
Trăng thanh mộng đẹp tình yêu thuở nào*

Nàng Thu Eo Gió

(Tặng TĐN)

*Nàng Thu Eo Gió
Tóc xõa vai gầy
Mộng đẹp đôi môi
Tan theo mây khói.*

Sacramento, tháng 10, 2011



Khởi đầu cho một hành trình

TƯỜNG THUẬT KHÓA TU BẮC MỸ LẦN THỨ NHẤT TẠI THÀNH PHỐ OXNARD, CALIFORNIA, VÀO CÁC NGÀY 27-31 THÁNG 10.2011

DIỆU TRANG

Thứ Năm, ngày 27.10.2011

Sau hơn 5 giờ bay khởi hành từ Toronto, chiếc xe bus chở 56 học viên do TT. Tâm Hòa hướng dẫn, được ban tổ chức rước từ phi trường Los Angeles, dừng trước sân khách sạn Embassy Suites, thành phố Oxnard vào đúng 3 giờ chiều thứ Năm, ngày 27.10.2011.

Hành trang cho một chuyến đi xa kéo dài một tuần không tránh khỏi nặng nề, lộn xộn. Chợt nghĩ, năm xưa, khi đến nghe pháp, người ngày xưa có từng như thế chăng? Với tăng, ba y một bát, sao quá nhẹ nhàng, thông thả. Hàng chục chiếc va-li hành lý được kéo lê trong cảnh rộn ràng của những phút đầu bỡ ngỡ trong khuôn viên của khách sạn Embassy Suites khá sang trọng, thuộc hướng bắc của thành phố Los. Dưới bầu trời nắng ấm Cali, những học viên nơi xứ lạ được sự đón tiếp chân tình của phái đoàn tăng ni và cư sĩ hộ đạo nơi bản xứ. Địa điểm tu học là đây, với những tiện nghi sinh hoạt thường nhật được ban tổ chức chu đáo sắp xếp ổn thỏa cho khoảng gần 400 người gồm cả tăng ni và học viên đến từ khắp nơi.

Sau các thủ tục ghi danh và nhận chìa khóa phòng, ổn định nơi nghỉ ngơi, ban tổ chức hướng dẫn học viên tới nhà ăn An Lạc Hạnh, cách khách sạn khoảng 1/2 cây số, nằm trong một khuôn viên xanh mướt mà cỏ và cây. Thả bộ từ nơi tu học đến đó, mọi người được thưởng thức một khung cảnh thật đẹp, và hít thở khí trời ôn hòa thoáng mát. Dọc đường đi có một lối rẽ ra biển theo con đường trải đầy cát trắng.

Sau giờ được thực, các học viên như được nạp năng lượng sau một chuyến đi dài. Tinh táo về thể chất lẫn tinh thần, các học viên theo sự sắp xếp của ban tổ chức quy tụ về hội trường của khách sạn dùng làm nơi bố trí Chánh điện với đầy đủ tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, hương đèn, chuông mõ, hoa quả, cờ Phật Giáo và những câu đối khuyến tấn tinh thần tu học của mọi người.



Đúng 7 giờ đêm, thầy-trò mở một cuộc họp thông qua chương trình và quy luật của khóa tu học. Buổi sơ ngộ đầu tiên của Khóa Tu Bắc Mỹ lần thứ nhất diễn ra thật ngắn gọn với những phút đầu trang nghiêm khi hội chúng

lặng tâm thành dâng lời niêm hương đánh lễ Tam Bảo. Sau đó quý Ôn và quý Thầy lần lượt nói lên những lời tâm sự của riêng mình, tán thán đồng đạo, cũng như không giấu được nỗi vui mừng khi khóa tu học Bắc Mỹ lần thứ nhất này cuối cùng cũng được thành tựu. Tuy nhiên, có mặt lắng nghe những ưu tư của quý thầy mới biết được những khó khăn trở ngại trong tiến trình tìm ra nơi chốn tu học cho số đông, nhất là về địa điểm và tài chánh. Có như vậy mới thấy tinh thần vượt khó của các thành viên hộ đạo trong ban tổ chức, vì sự lợi lạc cho số đông đã cố gắng hết mình về tâm lực và tài lực. Nhân đây, quý thầy thay nhau nhắc nhở, khuyến tấn các học viên nên biết trân quý giờ phút tu học ngắn ngủi trong 4 ngày này mà tinh tấn tu tập để gặt hái được nhiều lợi lạc để chia sẻ cho những người thân cũng như sơ chưa có duyên cùng nhau tu học lần này.

Sau gần hai giờ đồng hồ với những tràng pháo tay



kiến hội trường vui rộn bao nhiêu thì giờ đây chỉ trong 15 phút tọa thiền, theo thói quen thường nhật không thể bỏ, một số học viên lặng lòng để chấn chỉnh lại tâm tư những mong tránh khỏi trần trở khi sắp phải dỗ giấc ngủ của đêm đầu tiên nơi xứ lạ...

Thứ Sáu, ngày 28.10.2011

Sáng nay thức dậy lúc 5 giờ để chuẩn bị cho giờ công phu. Thực ra đêm qua chỉ có thể chợp mắt mơ màng vì lạ chỗ. Trên con đường ngắn từ nơi an trú đến nơi sinh hoạt chung, không thấy sương rơi trong bóng mờ sáng, nhưng hơi sương thấm lạnh đôi má trần. Chánh điện đã đông những chiếc áo lam yên vị trên tọa cụ. Đúng 6 giờ đại chúng chấp tay trang nghiêm cung đón quý thầy vào trong để hướng dẫn học viên nghi thức công phu sáng. Lời niêm hương trong buổi sáng tinh sương của vị Hòa Thượng chủ sám đã làm tan chảy những khối mờ ảo trong tâm sáng nay. Cùng đại chúng sụp lạy đức Từ Phụ đang ngự trên tòa cao nhìn xuống đàn con tinh tấn. Chắc Người đang vui lắm khi nhìn hàng Tăng sĩ xuất gia trong màu áo vàng tươi hướng dẫn đoàn cư sĩ áo lam đánh lễ Tam Bảo. Đạo tràng



ngồi yên như núi, nhiếp tâm theo tiếng hô canh trầm ấm cất cao rồi lan tỏa dần khắp không gian tối mờ khi tất cả các bóng đèn điện được chỉnh độ sáng tới mức thấp nhất. Cùng hội chúng nhất tâm xưng niệm hồng danh A Di Đà Phật ba lần, rồi không gian chìm dần vào sâu lắng, im lặng như tờ. Mắt trần đã khép lại từ lâu nhưng ánh hào quang chư Phật vẫn còn sáng ngời trên đỉnh tâm thức. Vậy mà chỉ vài phút sau tâm đã lao xao, vọng tưởng biết bao chuyện trên đời, nhưng rồi lại được sự gia bị của chư Phật và chư Tăng, liền quay về với nhịp thở vào ra, từ đó thấy lại chính mình đang hiện hữu. Khoảng thời gian chánh niệm ấy không lâu, chỉ trong chốc lát, nhưng khi xả thiền với cả một cảm giác an lành vô hạn. Lời tán Phật được hỗ trợ bởi tiếng trống, chiêng và khánh tiếp tục bắt đầu cho thời kinh vi diệu với phẩm Tựa Lăng Nghiêm, rồi bài Sám Quy Mạng cảm động. Dị khẩu đồng âm của gần 400 người con Phật đã tạo nên một làn sóng vi diệu như hải triều âm ngoài kia đang rì rào vỗ. Nguyện cầu an lành và hồi hướng cho tất cả chúng sanh...



Khi tâm tư đã được gội rửa sau thời kinh sáng, đại chúng mong đợi lời khai thị của Hòa Thượng Chánh Văn Phòng Hội đồng Giáo phẩm GHPGVNTN-HK, thượng Thủ hạ Hoan. Ngài nhắc nhở rằng Tăng sĩ và Cư sĩ phải có bốn phận đem ánh sáng từ bi trí tuệ đến khắp nơi có mặt của sự đau khổ, đó là trách nhiệm của người đệ tử Phật. Ngoài trách nhiệm với đức Thế Tôn, còn có trách nhiệm với dân tộc Việt Nam. Muốn được vậy, Tăng già phải luôn hòa hợp, đoàn kết, làm lý tưởng cho cư sĩ nương tựa. Đồng thời, Cư sĩ phải tu tập giáo lý thâm diệu giải thoát cho cá thể và mọi người. Cư sĩ phải biết đoàn kết hỗ trợ Tăng già để đạo pháp được trường tồn. Nền tảng của con đường đó là vắn, tư, tu. Nhắm vào con đường hợp tác tu tập của hai giới xuất gia và tại gia, nên GHPGVNTN Hoa Kỳ và Canada đã hợp tác cùng nhau mở Khóa Tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ nhất này, để trao đổi kinh nghiệm giữa đời và đạo, cùng nhau đốt sáng ngọn đuốc của đức Thế Tôn.

Một tràng pháo tay để ghi nhớ lời Hòa thượng dạy dỗ. Sau đó là giờ thiền hành và tập thể dục buổi sáng do một vị tăng và một vị ni hướng dẫn. Học viên chia thành hai nhóm, nhóm theo thầy Phổ Khai xuống biển Mandalay, nhóm vào công viên dưới sự hướng dẫn của ni sư Khánh An. Một thân thể khỏe khoắn sẽ mang lại một tinh thần lành mạnh. Một buổi sáng thân và tâm đều được khởi động điều hòa, hy vọng mọi người sẽ có những giờ cầu nguyện và tu học hiệu quả như ý.

Sau giờ điểm tâm tại nhà hàng của khách sạn, đại chúng trở lại Chánh điện vào lúc 9 giờ sáng cùng ngày để làm Lễ Khai Mạc chính thức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ nhất năm 2011.

Đạo tràng y áo trang nghiêm, chỉnh tề hàng ngũ,

chắp tay niệm hồng danh Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật để cung nghinh chư tôn giáo phẩm, chư Trưởng lão Hòa thượng, Thượng Tọa, Đại đức, Tăng Ni từ ngoài tiền sảnh vào chánh điện. Khi đoàn áo vàng đông đủ trước tôn tượng Như Lai, lễ khai mạc bắt đầu bằng nghi thức chào cờ Mỹ, Việt và Phật Giáo kỳ. Nhạc vừa dứt, phút nhập Từ Bi Quán để quán chiếu công ơn hai ngàn năm Chư lịch Đại Tổ Sư gầy dựng Phật Giáo nước nhà, để nhớ công ơn chư vị tiền bối hải ngoại đã dày công xây dựng Phật Giáo nơi xứ người, tưởng nhớ các anh hùng chiến sĩ vị quốc vong thân và đặc biệt cầu nguyện cho nền kinh tế khủng hoảng toàn cầu sớm được phục hồi.



Sau phút Từ Bi Quán là phần giới thiệu chư tôn đức Tăng Ni. Tính tới thời điểm này, ban tổ chức đã nêu danh khoảng 45 chư vị tăng ni chủ yếu đến từ Hoa Kỳ và Canada, trong số đó có vài vị đến từ Đức quốc và Na Uy (xin cáo lỗi vì không thể liệt kê danh sách khá dài trong bài tường thuật này, xin xem thêm tin tức phần hình ảnh khóa tu để biết thêm chi tiết quý danh từng vị). Và nghe đâu những ngày kế tiếp sẽ có thêm khoảng 50 vị Tăng Ni trẻ cũng về đây cùng tu học với đại chúng.

Tiếp theo, Hòa Thượng Thích Thông Hải, Trưởng ban tổ chức Khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ nhất, được mời đọc diễn văn Khai Mạc. Trước khi đọc bài Diễn văn khai mạc, Hòa Thượng đã nêu khái quát quá trình hình thành các đạo tràng Phật học tại hải ngoại, tri ân các bậc tôn sư đi trước đã kiến tạo, giữ gìn và phát triển Phật giáo trên xứ người. Hòa thượng cũng giới thiệu sự kiện lịch sử của các Khóa Tu Phật Pháp Châu Âu, cũng như Khóa Tu Phật Pháp Úc Châu và Tân Tây Lan. Qua đó, Hòa thượng muốn nhắn gửi đến hàng học viên rằng, chìa khóa của người con Phật trong tất cả mọi hoàn cảnh, mọi quốc gia và thời đại là Tuệ





khóa tu học phát pháp 2011



khóa tu học phát pháp 2011



khóa tu học phát pháp 2011



khóa tu học phát pháp 2011

học qua Văn, Tư, Tu. "Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ do chư tôn đức Tăng Ni tại Hoa Kỳ và Canada phối hợp tổ chức không ngoài mục đích trao đến quý học viên Phật-tử chiếc chìa khóa ấy. Có được chìa khóa trên tay, quý vị có thể vững tin nơi kiến giải và tư duy của mình; kiểm soát và điều hướng lời nói, hành động, cũng như đời sống thường nhật của mình theo chánh đạo; và tinh tấn thực hiện chánh niệm, chánh định để đạt được an lạc, hạnh phúc chân thật trong hiện tại và tương lai."

Tràng võ tay bày tỏ sự đồng tình của hội chúng vang dội khắp chánh điện, cũng là những tiếng hoan nghinh chào đón Đạo từ của HT. Thích Tín Nghĩa. Trước hết Hòa thượng tán thán tinh thần cầu học tiến tu của tất cả quý học viên, vượt qua những trở ngại về không gian và thời gian về đây tham dự, cùng ban tổ chức thiết lập một đạo tràng trang nghiêm trong một thời gian ngắn. Thứ hai, Hòa

thượng khuyến tấn học viên thúc liễm thân tâm trong từng phút giây tu học, hãy lắng tâm học hỏi, chí thành tụng niệm, thành thật trao đổi và xây dựng với nhau, sao cho khóa tu học này trở thành một đạo tràng tiêu biểu của Tuệ học Phật giáo tại Bắc Mỹ này. Thứ ba, Hòa thượng mong các học viên nỗ lực duy trì được tinh thần cầu học tiến tu đó, giới thiệu, khích lệ và tạo duyên lành cho thân thuộc và những bạn đạo khác, đó là thực hành hạnh lợi tha như lời Phật dạy.



khóa tu học phát pháp 2011



khóa tu học phát pháp 2011

Đạo tràng hoan hỷ đứng lên làm lễ cầu Phật gia bị cho Khóa Tu học, do HT. Thích Tín Nghĩa làm chủ sám. Ngài niệm hương hướng dẫn chư tôn đức và học viên đánh lễ Tam Bảo. Mỗi cá nhân học viên tụng đọc bài Bát Nhã Tâm Kinh như tự nhắc nhở mình về tính Không của vạn pháp, để tự quán chiếu năm uẩn của tự thân, để biết rằng bản ngã của mỗi người đều không thật có. "Yết đế,



yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha” đồn dập ngân vang như từng đợt sóng, sóng sau vượt sóng trước.

Đại diện cho hàng chư tôn giáo phẩm, HT. Thích Bồ Đạt đọc lời phát nguyện trước hai vị Đại Bồ Tát Quán Thế Âm và Đức Bồ Tát Địa Tạng. Giọng đọc thành tâm của Hòa thượng khiến hàng học viên bên dưới phải lắng đọng tâm tư. Hạnh lắng tai nghe cho cuộc đời bớt khổ của Ngài Quán Thế Âm. Nguyện noi theo hạnh của Bồ tát Địa Tạng, có mặt bất cứ nơi nào mà bóng tối khổ đau tuyệt vọng còn đang trần ngự, mang đến nơi ấy ánh sáng niềm tin, hy vọng và giải thoát. Nguyện đã phát khởi rồi, người con Phật cư sĩ sẽ noi gương những bậc trưởng tử Như Lai mà thực hành lời nguyện ấy trong tất cả ý nghĩ, hành động của người con Phật.

Tất cả đệ tử tại gia hoặc xuất gia đều tâm thành hướng về Tam Bảo Phật Pháp Tăng, nguyện đem công hạnh truyền giáo tại khóa tu và công hạnh tiếp thu Phật pháp của toàn thể học viên hồi hướng cho thế giới hòa bình, cho phong ba bão táp, chiến tranh, lũ lụt khắp đó đây hoàn vũ sớm được chấm dứt. Nguyện cho những oan hồn uổng tử không may bỏ mình trong các tai nạn chiến tranh đều thâm nhân giáo lý Phật đà, siêu sinh Phật cảnh. Phổ nguyện âm siêu dương thái, pháp giới chúng sinh, tình dữ vô tình đều tròn trọn Phật đạo. Những ai tham dự thời kinh này sẽ thấy tâm lượng đại từ đại bi của người con Phật thật cao quý biết chừng nào, luôn nghĩ đến tất cả chúng sinh, không bỏ sót một loài nào.

Hôm nay có 3 bài Pháp, xen kẽ giữa ba thời pháp thoại là giờ ăn trưa, nghỉ trưa, hoặc được thực tại nhà ăn An Lạc Hạnh.

Bài Pháp thoại đầu tiên của HT. Thích Thăng Hoan với đề tài **Duy Thức Căn Bản, Giá Trị Khảo Sát Vạn Pháp của Duy Thức Học**. Hòa thượng giảng chi tiết về giá trị hiểu biết của 8 Tâm Thức, bao gồm: Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức. 5 thức này, mỗi thức chỉ có khả năng hiểu biết sự vật trong lãnh vực của mình mà không có khả năng hiểu sang các lãnh vực khác. Thức thứ 6 chỉ có khả năng hiểu biết tánh chất, giá trị và ý nghĩa (Pháp trần) của vạn pháp về phương diện phân biệt mà không có khả năng hiểu biết sang các lãnh vực khác như nhìn thấy hình tướng, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, v.v... Thức Mạt Na thứ 7 chỉ có khả năng hiểu biết vạn pháp về phương diện sơ đồ chấp trước và quản lý hồ sơ (chúng tử) trong Tạng thức mà không có khả năng hiểu biết sang các lãnh vực khác, giống như sự hiểu biết của Ý Thức thứ 6 và 5 Tâm Thức trước. Còn Thức Alaya (a lại da) thứ 8 chỉ có khả năng hiểu biết vạn pháp về phương diện tàng trữ và bảo trì hồ sơ (chúng tử) về phương diện xây dựng hệ thống sinh lý thân thể, phát triển cơ năng, duy trì sự tồn tại sinh mệnh của vạn pháp. Thức Alaya này không có khả năng hiểu biết vạn pháp giống như sự hiểu biết của 7 Tâm Thức kể trên. Nguồn gốc phát sinh ra Tạng thức Alaya thứ 8 là Tạng Như lai (là kho chứa thể giới pháp tánh chánh báo và y báo của mười phương chư Phật ở trong và xây dựng ba thân chánh báo: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân)... Thời gian có hạn mà đề tài quá rộng lớn lại sâu xa, nên Hòa thượng chỉ trình bày tóm lược những điểm căn bản của Duy Thức Học. Nói tóm, mọi chúng sanh hữu tình, lớn như con người và nhỏ như vi trùng đều có 8 hiểu biết, gọi là 8 Tâm Thức sinh hoạt quan hệ lẫn nhau. Trong 8 Thức, thiếu một Thức là thiếu một bộ phận nhận thức vạn pháp. Chỉ có chúng sanh vô tình như cỏ cây, sông núi, trăng sao, v.v... chỉ có 2 tâm Thức sinh hoạt để hiện hữu là Thức Mạt Na thứ 7 và Thức Alaya thứ 8. Vạn pháp do 2 Tâm Thức này sinh hoạt để hiện hữu với tánh cách làm đối

tượng y báo giúp cho chúng sanh hữu tình nương tựa tồn tại.



Bài Pháp thoại thứ hai của HT. Thích Thái Siêu với nội dung về Bát Quan Trai Giới. **Có lợi ích gì khi chúng ta sống viễn ly gia đình một ngày một đêm để tu học?**

Sức mạnh của một đạo tràng đông đảo những người cùng chung ý nguyện tu hành là một năng lực lớn khuyến khích mọi người trau dồi phẩm chất đạo đức, tư cách, học hỏi làm người thánh thiện hơn để xây dựng một tập thể tốt đẹp hơn. Cơ hội tập sống đời sống xuất gia để tạo nhân lành cho những đời sau xuất gia được thành tựu, vì chỉ có xuất gia mới chứng được Thánh quả. Và lợi ích nữa là, đức Phật dạy, công đức xuất gia cao hơn núi Tu Di, sâu hơn biển cả, rộng lớn như hư không. Nhưng muốn có được những lợi ích như vậy, trước hết Phật tử phải phát nguyện trước vị thầy truyền giới để đắc giới thể và nhận lãnh giới tướng, bởi vì đó chính là năng lực vô biểu, vô cùng mạnh mẽ trong tiến trình tu học. Song song với những lợi ích này, Hòa thượng giảng lại ý nghĩa của Bát Quan Trai Giới, cách thức thọ trì BQTG bằng cách sơ lược lịch sử BQTG, tư cách vị thầy truyền BQTG cho Phật tử, cách sám hối, thời gian và địa điểm hành trì. Cuối cùng Hòa thượng khuyên thường xuyên tu tập BQTG, khuyến khích bạn đạo và phát triển nhiều nơi tu tập BQTG... Đề tài không xa lạ gì với những ai từng là người con Phật nói chung và toàn thể học viên hôm nay nói riêng. Nhưng với phong cách giảng giải thoải mái của Hòa thượng, đề tài quen thuộc đó trở nên vui nhộn và thú vị qua những câu chuyện thực tế mà chính ngài đã từng trải nghiệm trong thời gian học đạo và hành đạo ở những xứ sở xa xôi khác.





khóa tu học pháp pháp 2011

Bài Pháp thoại cuối ngày hôm nay của HT. Thích Nguyên Siêu, với **Phương pháp và năng lực nào giúp chúng ta xây dựng Tịnh độ nhân gian**. Nguyên nhân cuộc sống con người không được bình yên và hạnh phúc là do lòng người nhiều tham lam, sân hận và si mê. Ngoài ra còn có tâm sở ác, bất thiện nhẹ hơn nhưng vẫn không nằm ngoài tam độc tham sân si. Ngũ độn sử (tham, sân, si, mạn, nghi) và ngũ lợi sử (thân kiến, biên kiến, kiến thủ,



khóa tu học pháp pháp 2011

giới cấm thủ, tà kiến). Bằng cái nhìn thấu suốt từ nhân đến quả, từ quá khứ đến hiện tại và tương lai, sự tạo nghiệp do con người gây nên trên tiến trình tạo nhân bất thiện mà lãnh thọ quả báo bất thiện, từ đó tác thành nhân duyên sinh tử luân hồi. Do đó, để diệt trừ các phiền não bất thiện nêu trên, đức Phật đã từ bi thiết lập giáo pháp thọ trì Tam Quy Ngũ Giới cho hàng Phật tử. Đó là hàng rào, là nhân tố thiết yếu, là giáo pháp thù thắng để tạo sự bình an, hạnh phúc cho mọi người, mọi gia đình, quốc gia, xã hội. Nếu người Phật tử hướng tâm lập nguyện một cách trang nghiêm, thanh tịnh trên giáo pháp Tam quy và Ngũ giới thì đây chính là phương pháp và năng lực giúp chúng ta tạo dựng cõi Tịnh Độ nhân gian. Một khi chúng ta trở về nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng một cách đúng nghĩa và giữ gìn Ngũ giới như giá trị sống đích thực thì sự hạnh phúc và niềm an lạc sẽ hiện hữu trong ta và thế giới ngoại tại được thái bình an vui.

Bài Pháp thoại này của HT. Nguyên Siêu kết thúc vào lúc 9 giờ đêm. Mỗi bài pháp thoại mang một sắc thái riêng, mỗi vị thầy một phong cách giảng dạy, nhưng tựu chung đều trao truyền giáo lý thâm diệu của Phật. Tất cả học viên tham dự đều vô cùng hoan hỷ bằng rất nhiều tràng pháo tay xen giữa bài thuyết giảng. Những gì học hỏi được trong ngày hôm nay khiến lòng hân hoan, niềm vui này có mặt trong suốt 15 phút thiền tọa trước khi về phòng chỉ tịnh.

Thứ Bảy, ngày 29.10.2011

Không gian tĩnh lặng trong sương mờ. Giờ thiền tọa và tụng kinh công phu sáng bắt đầu lúc 6 giờ vẫn tiếp tục duy trì trong suốt mấy ngày tu còn lại. Hội trường đông đủ ấm áp những gương mặt đã bắt đầu thân quen hơn. Một ngày mới bắt đầu bằng sự an nhiên tĩnh tọa, thấy hạnh phúc và bình yên nhất là giây phút an định này. Không lắng xằng, chộn rộn, không ai hồi thúc, bắt buộc, chẳng có gì phải vội vã, chẳng có việc gì phải làm trong lúc này, chỉ việc bình tâm mà theo dõi hơi thở của sự sống còn... Thời kinh quen thuộc của buổi sáng hôm trước lại vang lên, ngân vọng những lời dạy thâm huyền, với lòng thành sám hối, chí tâm nguyện cầu và hồi hướng đến tất cả chúng sanh. Một ngày khởi đầu bằng sự an lành như thế, "cám ơn đời mỗi sớm mai thức dậy, ta có thêm một ngày nữa để yêu thương."



Sáng hôm qua lần chân xuống biển, sáng nay lại vào khuôn viên xanh cỏ nắng vàng. Hít thở khí trời trong lành khi nắng ấm lên. Thấy đất trời bao la một màu trong vắt. Trở về để kịp dùng điểm tâm nơi nhà ăn của khách sạn, để sau đó tiếp tục nghe thêm 3 thời pháp khác theo lịch trình của khóa tu.



Sáng nay HT. Thích Thông Hải giảng với đề tài **Ái Ngữ-Lời đẹp ý thơ**. Ái ngữ là một phần rất quan trọng trong Tứ Nhiếp Pháp (Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự). Ái ngữ là lời nói dịu dàng, êm ái, ngọt ngào, dễ thương, phát xuất từ lòng từ bi hỷ xả, từ tâm thanh tịnh. Ái ngữ có tác dụng đem lại an vui, bình yên, thanh thân cho người nghe. Trong cuộc sống đời cũng như đạo, lời nói và tiếng cười đúng lúc, đúng nơi sẽ mang lại cho người nói lẫn người nghe nhiều lợi lạc. Dùng ái ngữ để an ủi, vỗ về những tâm hồn đang bị lụy, giúp họ vượt thoát ra nỗi khổ đau, lấy lại



được tâm quân bình thư thái, để họ sáng suốt giải quyết những bế tắc một cách triệt để. Dùng ái ngữ để tán thán một việc làm ý nghĩa của kẻ khác “tùy hỷ công đức” sẽ có được công đức thù thắng. Thực hiện ái ngữ sẽ giúp tâm chúng ta nhẹ nhàng, mọi người yêu mến, tôn trọng. Mỗi người trong chúng ta hòa bình thì cuộc sống bình yên tự tại... Những gì Hòa thượng giảng đều có dẫn chứng trong nội dung những câu thơ, tục ngữ, ca dao và cả những lời dạy trong kinh Phật hoặc của người xưa để lại.



Chiều nay hội chúng sẽ chia ra làm 2 lớp học riêng biệt. Cho nên vào cùng một thời điểm, 2 lớp sẽ nghe 2 bài pháp thoại khác nhau, sau đó 2 vị giáo thọ này sẽ chuyển đổi lớp học cho nhau sau khi đã giảng xong phần giảng của mình, để giảng lại chủ đề mà quý Thầy đã giảng cho lớp trước đó. Giữa những thời pháp đều có thời gian nghỉ ngơi và được thực.

Buổi chiều là thời pháp của TT Thích Tâm Hòa. **Làm thế nào để được bình an và hạnh phúc.** Chủ đề này được Thượng tọa khởi đi từ một lời dạy của Phật “Tránh làm các việc ác. Gắng làm các việc lành. Giữ tâm ý trong sạch.” Địa vị, danh vọng, vật chất sẽ mang đến cho chúng ta một thứ hạnh phúc ảo không thật. Hạnh phúc chân thật chỉ tìm thấy khi chúng ta biết quay về với nội tại của chúng ta: Hạnh phúc như ngọc trong đá, như mật trong hoa. Chúng ta không an lạc bởi bao phiền muộn, lo toan, tính toán. Do vậy, phương pháp để trở về hạnh phúc an lạc chính là thực hiện lời Phật dạy như trên. Ngoài việc tránh làm các điều ác, gắng làm các việc lành, quan trọng hơn hết là chúng ta nên giữ tâm ý cho trong sạch trong mọi tình huống: thắng, trầm, vinh, nhục; cũng như mọi thời gian, không vướng nhiễm bởi tiền bạc, danh vọng, địa vị, thành tựu. Muốn được vậy chúng ta phải biết cách chuyển hóa những khổ đau trong cuộc sống. Thượng tọa giải thích thêm rằng, từ nhân đến quả phải nhờ vào duyên (sở duyên duyên, tăng thượng duyên, đẳng vô gián duyên), nhờ vậy mà ta có thể thay đổi nghiệp của mỗi người. Thay đổi chánh báo của tự thân bằng cách tu tập thì y báo sẽ trang nghiêm theo. Biệt nghiệp của mỗi người lãnh thọ là chính từ nơi chánh báo của người ấy. Vì bản chất của cuộc sống là vô thường, nên biết chấp nhận để được an lạc, tự tại, giữ lòng trong sạch dù hạnh phúc hay khổ đau. Sau đó Thượng tọa nêu ra 5 phương thức mà Phật tử từng tiếp xúc thông qua 5 dạng người như sau: 1. Người có lời nói tốt nhưng hành động và ý nghĩ không tốt. 2. Người có hành động tốt nhưng lời nói và ý nghĩ không tốt. 3. Người có ý nghĩ tốt nhưng lời nói và hành động không tốt. Với ba hạng người này ta nên nhìn vào duy nhất một điểm tốt của họ mà khởi tâm vui vẻ hòa thuận. 4. Người có tất cả hành động, lời nói và ý nghĩ đều xấu thì ta nên khởi niệm

thương xót. 5. Người có tất cả hành động, lời nói, và ý nghĩ đều tốt thì không nên khởi tâm đổ kỵ, mà nên khởi niệm tùy hỷ, sẽ được gặt hái công đức. Qua đó, Thượng tọa muốn Phật tử hiểu rằng, đừng mong cầu vạn sự như ý bởi “nhân vô thập toàn”. Nhưng để chuyển hóa được như mong muốn, chúng ta nên phát tâm, lập nguyện, vì như thế những gì phát khởi từ lúc ban đầu sẽ trở thành một nguyện lực thúc đẩy, nhắc nhở ta luôn tìm cách hoàn thiện mình trong mọi tình huống.



Bài giảng cuối cùng của khóa tu này với đề tài **Quan Âm Bồ tát qua tinh thần giới định tuệ** của HT. Thích Bổn Đạt. HT giảng giải mạch lạc về một số hình tượng pháp tướng trong kinh A Di Đà. Nhờ vậy mà Phật tử hiểu rõ hơn, sâu sắc hơn về ý nghĩa ẩn tàng của bộ kinh mà mình thường thọ trì tụng đọc. Tinh thần Giới Định Tuệ lần lượt được khái quát qua cách giải thích ý nghĩa nhiều hình tượng Quán Thế Âm. Vì lòng từ bi mà giữ gìn pháp giới (thân, khẩu, ý). Pháp giới chú phổ môn là xuất phát từ bản thể Đại Bi do đại nguyện vô tận của Ý, đại thể vô tận của Ngữ, và đại hạnh vô tận của Thân mà khởi sanh thành tựu. Có 5 Thiên Quán đưa đến Định, đó là Chân Quán (Quán chiếu các pháp không có thực thể, chúng sanh đều có Phật tánh), Thanh Tịnh Quán (sự quán chiếu hoàn toàn thanh tịnh để thấy bản thể vắng lặng trong mọi sự hiện hữu), Quảng Đại Trí Tuệ Quán (thấy tự tánh 5 uẩn đều không trong kinh Bát Nhã), Bi Quán (khả năng quán chiếu và thị hiện cùng khắp trong nhân gian để tùy duyên mà hóa độ), Từ Quán (đem khả năng thương yêu và hiến tặng rộng lớn cho tất cả muôn loài). Có Định sẽ phát sinh Tuệ. Tuệ Học của Phổ Môn thanh tịnh không ô nhiễm, nên không còn các phiền não để chướng ngại và cũng không bị vô minh là chướng ngại tuệ



giác. Tóm lại, khi chiêm ngưỡng một tôn tượng Quán Thế Âm, hay mỗi khi niệm hồng danh của Bồ Tát, người con Phật nên nhìn lại nội tại của bản thân mình để thấy rằng phiền não và Bồ đề là một, cũng như Phật và chúng sanh không khác, cùng là một bản thể tâm, quay về với bản thể thanh tịnh của ấy thì Phật ngự ngay trong chính tâm ta.

Ba thời thuyết giảng đã mang lại cho thính chúng những giờ pháp lạc vô cùng quý báu. Bài Pháp nào cũng được học viên lắng nghe chăm chú và bày tỏ niềm hoan hỷ, tri ân bằng những tràng pháo tay giòn giã.

Và song song với 2 thời thuyết giảng bằng Việt ngữ này, ban tổ chức đã mở thêm những lớp giảng bằng Anh Ngữ do 2 vị Đại Đức người ngoại quốc đảm trách. Đây là lớp học dành cho những con em thanh thiếu niên sinh trưởng nơi hải ngoại này dễ dàng thông suốt giáo lý của Phật Đà bằng ngôn ngữ chính là tiếng Anh mà họ dùng để giao tiếp, để họ không cảm thấy xa lạ, không thấy được khoảng cách giữa hai thế hệ, hai nền văn hóa. Họ sẽ cảm thấy thoải mái hơn, gần gũi hơn với truyền thống mà ông bà tổ tiên còn giữ lại cho đến ngày hôm nay.

Trở về phòng nghỉ ngơi. Lại thêm một đêm nữa với giấc ngủ cùng sóng biển...

Chủ nhật, ngày 30.10.2011

Chánh điện sáng nay đông hơn bởi sự có mặt của phái đoàn Phật tử chùa Phật Tổ (Long Beach), đến để chủ trì Nghi lễ tụng kinh và niệm Phật sáng nay. Trên 90 màu áo tràng nâu tồ điểm cho chánh điện đẹp hơn, nổi bật hơn. Khởi xướng là bài Tán Liên Trì với sự hỗ trợ của các Pháp khí mà trống là âm thanh nổi bật nhất. Giọng ngân cao vút khiến mọi người tưởng mình đang ở cung trời nào đó được mời đến quốc độ của Phật để được nghe thuyết giảng Kinh A Di Đà. Một buổi tụng kinh bằng Hán ngữ với những âm thanh của pháp khí đã để lại trong lòng những người học viên đến từ phương xa một ấn tượng khó quên.



Thời khóa cộng tu đã xong, đạo tràng vẫn yên vị chờ lời giáo huấn và khuyến tấn tu tập tinh nghiệp của chư tôn đức giáo thọ sư. Từng vị Hòa thượng, Thượng tọa thay nhau nói lên lời tán dương các học viên đã sắp xếp thời gian để đến đây tu học một cách nghiêm túc, nhắc nhở hành trì những gì đã học trong mấy ngày nay, đem những gì trau dồi được chia sẻ cùng mọi người từ thân bằng quyến thuộc đến những kẻ sơ giao; cố gắng tinh tấn giữ gìn ba ngôi Tam Bảo của tự thân, để mỗi người là một ngọn đuốc, mỗi người là một vị Bồ tát hóa thân vào cuộc đời, mang lại lợi lạc an vui cho mình và tất cả chúng sinh.

Có lẽ thú vị nhất trong các thời khóa tu học lần này là giờ Thi Giáo Lý vào lúc 9 giờ sáng nay. Học viên ai nấy cũng vui tươi chờ đợi phút giây này. Kẻ hồi hộp, người

khẩn trương, nhưng phần lớn thì vô tư lự chờ đến giờ thi cử. Thật ra đề thi được rút ra từ những điểm chính mà quý Ngài đã gửi gắm trong bài thuyết giảng của mình. Chỉ cần chú tâm lắng nghe là có thể yên tâm vượt qua kỳ thi này. Phần thi này đã được thông báo từ trước, cốt là một phương thức khác để sách tấn học viên tham dự khóa tu gieo lòng vào chuyện tu học để không lơ là, không phí



phạm thời gian quý báu trong khi nghe pháp. Thời gian 60 phút thi thật thoải mái bởi Ban Giám Thị không gây bất kỳ một áp lực nào. Kỳ niệm của một thời đi học năm xưa quay về chỉ trong thoáng chốc, vì còn phải dành thời gian cho việc thi cử. Thương nhất là những cụ già, mắt mờ mà vẫn cứ xuống phòng thi, chăm chú đọc đề thi trong tay. Không biết các cụ, các bác thi cử ra sao, chứ riêng người viết thấy cảnh nhiệt tình ấy cũng muốn ban ngay một tấm băng khen thưởng với tinh thần hòa nhập không phân biệt tuổi tác, không giải đãi khi tuổi già sức yếu. Hình ảnh tinh tấn ấy, ngay chính quý cụ cũng không biết mình đang làm một tấm gương cho hàng Phật tử trẻ noi theo.



Giờ Pháp Đàm được thiết lập ngay sau giờ thi giáo lý, do chư tôn đức chứng minh và hướng dẫn. Những vấn đề chung đến vấn đề riêng tế nhị đều được học viên mạnh dạn hỏi qua phương thức viết ra giấy và gửi lên quý Thầy từ trước. Những nghi vấn về đời sống thường nhật liên quan đến vấn đề tu tập. Cách để giải quyết một số vấn đề thường nhật cho thật rõ ráo theo chánh pháp. Tất cả những thắc mắc đều được quý Ngài hoan hỷ thay nhau giải đáp tận tình. Với sự hiểu biết của mình, quý Ngài đã không ngần ngại chia sẻ những kinh nghiệm tu tập ngộ hầu giải tỏa những gút mắc của những cư sĩ tại gia vẫn còn nhiều thử thách trên bước đường tu tập giữa đời thường.



Trong buổi Phật Pháp vấn đáp hôm nay cũng có đôi phút sự hiện diện của nhị vị managers khách sạn. Những ngày hội tụ tâm linh nơi đây đã cảm hóa được những người bản xứ. Họ đã chia sẻ đôi lời cảm kích, cảm động về tất cả những gì chúng ta làm trong mấy ngày qua từ cung cách sinh hoạt, qua những con người nhu hòa dễ mến, và nhất là các nghi lễ Phật Giáo đã cho họ nhiều sự quan tâm ngưỡng mộ. Từ một tập thể nhỏ này, họ có thể hiểu khái quát hơn về Đạo Phật từ bi vốn luôn mong muốn mang đến sự hòa bình cho nhân loại.



Cuối buổi Phật Pháp tọa đàm, trước giới truyền thông báo chí, Hòa thượng Thích Nguyên Trí đã đứng lên gửi gắm đôi lời cho tất cả thính chúng về tình hình ma chướng bên ngoài trong suốt thời gian qua. Ngài đồng mãnh với niềm tin rằng Khóa Tu Phật Pháp Bắc Mỹ lần này là một sức mạnh minh chứng cho sự đoàn kết của Giáo hội PGVNTN Hải Ngoại, cụ thể là hai Giáo hội Hoa kỳ và Canada đã đồng tâm chứng tỏ quan niệm, lập trường của mình vì lợi lạc cho số đông Phật tử và vì lợi ích chung của việc hoằng dương chánh pháp, vì sinh mệnh đạo pháp và dân tộc Việt Nam trên xứ người.

Lúc 12 giờ trưa, nắng ấm trải dài trên suốt con đường dẫn đến nhà ăn An Lạc Hạnh. Đoàn trưởng tử Như Lai rực vàng dưới cơn nắng đẹp với cờ, lọng dẫn đầu. Khá yên lặng phía sau là nhóm áo nâu, áo lam kéo dài như một đoàn người du phương khổ thực. Trong mái nhà ăn An Lạc Hạnh, hầu hết chư tăng ni đã an vị, chỉ có quý thầy trong Ban Tổ Chức còn đứng bên ngoài làm lễ tác bạch cúng dường trai tăng. Các món ăn đã chuẩn bị sẵn đầy đủ trên bàn. Một thời kinh cất lên giữa khoảng trời xanh bao la trong vắt. Bao quanh dãy nhà ăn là mấy trăm chiếc áo lam áo nâu cùng góp duyên trợ niệm. Muốn sinh linh có mặt nơi đây dù có hình tướng hay không cũng đều quy tụ về, lắng nghe những câu niệm chú chắt chứa cả một tấm lòng đại từ đại bi của người con Phật trước khi ngộ thực. Nguyễn không quên bất kỳ một công ơn nào của đàn na tín thí khi có được thức ăn trước mặt...

Trong khi quý Ngài dùng cơm trong chánh niệm, hàng trăm Phật tử khác cũng được phục vụ ăn trưa chu đáo. Khi sinh hoạt cùng nhau dù trong chánh điện lúc nhiếp tâm tu học, hay cùng nhau ăn trưa, ăn sáng, ăn chiều, hoặc cùng nhau trao đổi điều chưa thấu suốt, chúng ta những người bạn đạo không cùng chung trú xứ, nay đã hội tụ về đây, quây quần bên những bậc trưởng tử thâm thúy đạo mầu, mỗi mỗi đều thấy sự an vui lợi lạc khôn cùng. Cảnh sinh hoạt rộn vui trên những thảm cỏ xanh rờn khiến những người dân bản xứ phải ghé mắt trầm trồ...

Trưa hôm nay nhiều chiếc xe bus sẽ chở cả phái đoàn thầy-trò về Tu Viện An Lạc-Ventura của HT. Thông Hải, chỉ

cách khách sạn chừng 30 phút. Lễ Tưởng Niệm Cố Đại lão Hòa Thượng thượng Thuyền hạ Ẩn - Chứng Minh Đạo Sư GHPGVNTN HK và cố Hòa Thượng thượng Thiện hạ Hương-thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN HK. Và ngay sau đó, trước giới truyền thông báo chí, thân hào nhân sĩ, là Lễ Bế Mạc Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ nhất với đầy đủ nghi thức chào cờ, mặc niệm và thời kinh ngắn hồi hướng. TT. Tâm Hòa thay mặt Ban Tổ Chức đọc bài Diễn Văn Bế Mạc. Thầy phát biểu rằng, khởi đầu của khóa tu năm nay là một thành quả tốt đẹp, là bước đi ban đầu cho cả một tiến trình dài lâu đang mở ra trước mắt. Khóa tu năm nay kết thúc thật ngời sáng và vinh dự. "Ngời sáng niềm vui học Phật, vinh dự làm những người tiên phong, đặt những bước chân đầu tiên để khơi mào cho những khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ về sau."

Tiếp đến HT. Thái Siêu công bố kết quả thi (gồm 1 giải nhất, 1 giải nhì và 9 giải 3), phát thưởng trao chứng chỉ cho những học viên đạt được điểm cao trong kỳ thi giáo lý sáng nay. Kế đến, đại diện học viên của khóa tu Bắc Mỹ đã nói lên lời cảm niệm tri ân sự tận tâm dạy dỗ của tất cả quý chư tôn đức Tăng ni trong suốt mấy ngày qua. Kế đến, HT Thông Hải tuyên dương, trao quà lưu niệm thay lời cảm tạ các thiện nguyện viên trong các ban ngành đã bỏ thời gian và tâm sức ra phục vụ cho tất cả những người tham dự khóa tu được yên tâm tu hành. Các vị là những Bồ tát hóa thân trong mọi nhân duyên đưa đón, thủ tục giấy tờ, sức khỏe, nơi ăn, chốn ở, từ việc nhỏ đến việc lớn đều được thành tựu.

Cuối cùng là buổi cơm thân mật và chương trình văn nghệ do quý Tăng Ni sinh trẻ phụ trách tại Vườn Thiền Tu Viện An Lạc diễn ra đến tận 10 giờ đêm.

Xe bus của ban tổ chức lại đưa học viên quay về khách sạn nghỉ ngơi.

Mấy ngày nay, sáng ra biển hoặc vào công viên, nơi nào cũng mang một màu xanh của vạn vật đầy sức sống. Phút này trời đã tối om. Sóng biển ầm ỉ ngoài khoảng trời đen mịt. Tâm ta là khối nước biển ngoài kia, một chút gió phiến não khởi lên, sóng tâm ta nổi dậy kêu gào. Vọng tâm chính là những cơn sóng bạc đầu mãi hoài uồn lượn không mệt mỏi... Thả bộ ra biển đêm theo tiếng sóng gọi mời. Nửa vầng trăng sáng ngời giữa bầu trời đầy sao lấp lánh. Lấy máy ghi lại hình ảnh đẹp của đêm cuối cùng còn lưu dấu... Trở về phòng thao thức cùng biển đêm nay. Nghe tiếng sóng âm vang từ cõi tâm mình vọng lại. Sóng vọng lại từ chốn vô cùng, tâm thức cũng từ cõi vô cùng ấy mà tìm thấy lại sự bình an...

Hừng đông. Chút lạnh của buổi sớm mai theo sương phủ trắng không gian tĩnh mịch. Bao giờ trở lại chốn này? Nỗi vấn vương chưa kịp tìm ra lời giải đáp, lại phải hòa cùng nhóm người lao xao trong giây phút chia tay, kẻ ở người đi và mọi người cùng hứa hẹn sẽ đoàn tụ vào khóa tu học năm tới tại San Jose ngày 02/8 do Hòa Thượng Thái Siêu tổ chức. Đoàn chúng tôi sắp phải rời xa nơi đây để bắt đầu cho một chuyến hành hương khác trên miền đất Cali nắng ấm...

...
Khi xe lăn bánh trong ánh ban mai, chợt nghiệm ra, sự thành tựu của khóa tu năm nay chỉ là một điểm son khởi đầu cho một hành trình dài vô tận tìm cầu đến mục tiêu tối hậu giải thoát giác ngộ...

Diệu Trang

Photos by Haitrieuam.net



Đêm huyền thoại

VĨNH HẢO

Chiều qua có gió lạnh và mây đen vần vũ báo hiệu sẽ có mưa buổi đầu thu.

Nửa đêm mưa bắt đầu rơi. Cơn mưa thật nhẹ nhưng kéo dài.

Nằm nghe mưa rơi trên lá phong trước sân, lòng chợt buồn.

Giấc ngủ ngắn, nhẹ lướt qua đêm u tịch. Tỉnh giấc cũng nhẹ nhẹ, vì ngủ với thức không khác nhau chi mấy. Nhưng mộng thì thật dài.

Giấc mộng dài cùng trôi với cơn mưa nhẹ, đánh thức mình chong mắt giữa đêm sâu.

Nằm nghe mưa rơi trên giọt lá.

Có những giọt thì thầm như tiếng tình tôi.

Tình yêu ơi, tình bao nhiêu tuổi mà đi một đời chưa thấy cạn với?

Tình đưa tôi đi hay tôi đưa tình đi?

Đi qua những êm đềm và biển động của quê hương.

Đi qua một thời cặp sách ê a, bần bì, tạt lon, trốn học xem phim và ngồi lặng trước biển.

Đi qua một thời bưng bưng nhiệt huyết, dẫn mình vào nơi hiểm nạn, một thân nhỏ bé không ngại gánh sức nặng không cùng của khổ lụy nhân gian.

Đi qua những trại giam, những nhục hình, cảm nghe nỗi buồn quê hương đau rất trên da thịt và buốt thốn ở tận tâm can.

Đi qua những máu và nước mắt, khô theo nắng cháy hay trôi theo những cơn mưa lạnh nơi hiện trường khổ sai.

Đi qua những đêm mật mỡ ngủ vờ ngủ vật trong xà lim với những giấc mơ chỉ thấy trời cao biển rộng...

Tình yêu, ơi tình yêu!

Tình đưa tôi đi hay tôi đưa tình đi mà đường xa không thấy đâu là bến cùng, để rồi...

Đi qua những lãng mạn, mộng mơ, đam mê và khát vọng vô bờ của một cường tử quên ngày quên tháng.

Đi qua dáng ai mắt biếc, môi hồng, giọng nói và nụ cười ẩn hiện những tình sử thiên thu hay thoáng chốc.

Đi qua dáng ai tóc huyền dài ngắn, trải mộng sâu trên duyên kiếp mơ hồ mây khói tan bay.

Tình ơi, là tình! Chỉ từ một trái tim bé nhỏ này mà sao lại về với bao nhiêu là mộng ước, lý tưởng, hoài vọng, gần gũi hay cao xa...

Đêm nay, thức hay ngủ, thật mơ hồ.

Tiếng mưa hay tiếng tình rơi mà kéo theo chập chùng những ấn tượng, hư ảnh, ảo ảnh, trộn lẫn nhau, hoán chuyển nhau, ẩn ẩn hiện hiện...

Màu sắc vang lên thanh âm.

Thanh âm đọng thành màu sắc.

Ác quỷ mặc áo ca-sa lim dim lần chuỗi hạt.

Bồ-tát mặc áo thường dân, lặng lẽ đi vào hẻm tối.

Ngôn ngữ trần gian không còn tin được. Những mỹ từ trở thành áo khoác cho những gì xấu xa bản thiêu nhất. Tự do, dân chủ trở thành vũ khí tối hảo cho những kẻ độc tài, thiên kiến, là bầy sập của nô lệ và tù hãm, bất công.

Thế giới đảo điên. Lòng người tráo trở khôn lường. Tấm lòng đơn sơ như cỏ mọc trên núi làm sao hiểu được những trí trá, ngoa ngôn!

Ai kia như đoàn lũ hành bằng qua những đồng trống, sinh lầy, sa mạc?

Tìm về đâu, đi về đâu hỡi những kẻ lên đường thăm lặng?

Đây nhà cửa, đây xóm làng, sao không trú ngụ mà tìm đường ra biển?

Có gì cuốn hút nơi biển lớn mà phải rời bỏ sông rạch hồ ao?

Có gì u trệ nơi sông rạch hồ ao mà phải tìm ra biển lớn?

Bầy chó tiếp tục tranh giành những mẩu xương nhỏ và giẻ rách trong căn nhà mà chúng đã phá hoại đến tàn xiêu dơ bẩn; hung hăng sủa rân những kẻ lên đường.

Sài lang, hổ báo cũng cao giọng phụ họa tru tréo gầm thét, xua đuổi những người ra khơi.

Cảnh sát mừng vui, hí hoáy lập biên bản vượt biển vượt biên. Hí hửng gạch tên, xóa sổ. Nhà này, hộ này sẽ bị tịch biên, không còn danh tánh những ai lên đường, dù ra biển lớn, vào rừng sâu hay lên chóp núi cao.

Ồi là tội nghiệp, một đời quần quanh những góc xó, hải lòng với những thành tựu và sở hữu bé nhỏ thăm thương, biết bao giờ mới chạm đến được hoài bão cao rộng của những kẻ đi xa.

Đại bàng tung cánh, vỗ nghiêng phương trời âm đạm. Nổi tinh lặng từ nơi cao thăm hư không, có thể

làm dậy những cơn sóng biển đông.

Chim quạ tan tác, hốt hoảng tìm chỗ ẩn thân. Tiếng kêu quang quác làm rộn ràng cù lao nhỏ trong một lúc, rồi trả về cho tinh lặng.

Bởi vì tinh lặng là cội nguồn, là chỗ khởi sinh và cũng là chỗ trở về của âm thanh.

Khi kẻ lữ hành im lặng ra đi thật xa, bầy chó dữ sẽ yên tâm khép mõm.

Âm thanh thịnh nộ là vũ khí của kẻ yếu trong khi im lặng là sức mạnh của bậc đại hùng.

Âm thanh lớn có thể lấn át tiêu diệt âm thanh nhỏ.

Nhưng không âm thanh nào có thể lấn át tiêu diệt sự im lặng.

Mùa xuân, mùa hạ, hoa bướm vườn ai nở rộ những sắc vàng sắc cam rực rỡ.

Mùa thu, mùa đông, nhụy hoa khô được trân trọng ép giữ để dành cho chu kỳ mới.

Những gì cao rộng chẳng qua cũng được triển khai từ hạt mầm bé xíu. Nhưng hạt mầm bé xíu không thể mở ra vườn hoa sắc sỡ khi tâm lượng co rút khép lại trong những cái vỏ cằn khô, chai cứng.

Tình yêu, tôi nhìn thấy trong những hạt mầm thật nhỏ từ em. Cũng có trong vết nứt của kẽ đá phủ rong và trên những phiến lá phong vàng rụng theo mưa thu. Tôi biết chúng được thai nghén nuôi dưỡng để ngày nào đó, trải rộng trên đồng hoa thắm sắc, hay phóng lộng âm hưởng cho một hướng trời mệnh mông.

Những hạt mầm tình yêu, có thể sinh từ mùa này, khai nở ở mùa kia; hái từ đất này, gieo ở đất kia.

Không có đâu là nơi chốn hay thời gian vĩnh viễn.

Chỉ có những tấm chân tình. Trải rộng như mưa rơi.

Trải đến chỗ không tận cùng.

Đêm huyền thoại nhẹ trôi theo tiếng mưa rơi.

Nỗi đau và niềm hạnh phúc hơn nửa đời người có thể trải ra trong đêm ấy.

Có em và tôi, có sự tương ngộ và cách chia, có tình yêu và lý tưởng.

Bên ngoài mưa tạnh dần khi trăng lặn qua hồ thu tĩnh. Nửa vầng trăng trên trời và nửa vầng trăng đáy nước, chẳng biết đâu là thực.

Sớm mai thức dậy, đất trời thật tinh khôi sau đêm mưa thu rả rích. Lá vàng ngập đầy lối đi, và sâu tôi hầy còn vương vất.

Nhưng khi mặt trời rực rỡ vụt khỏi mây đen, đêm huyền thoại cũng chợt tan theo sương sớm.

(Phổ Đà Sơn Tự, Ottawa, Canada)

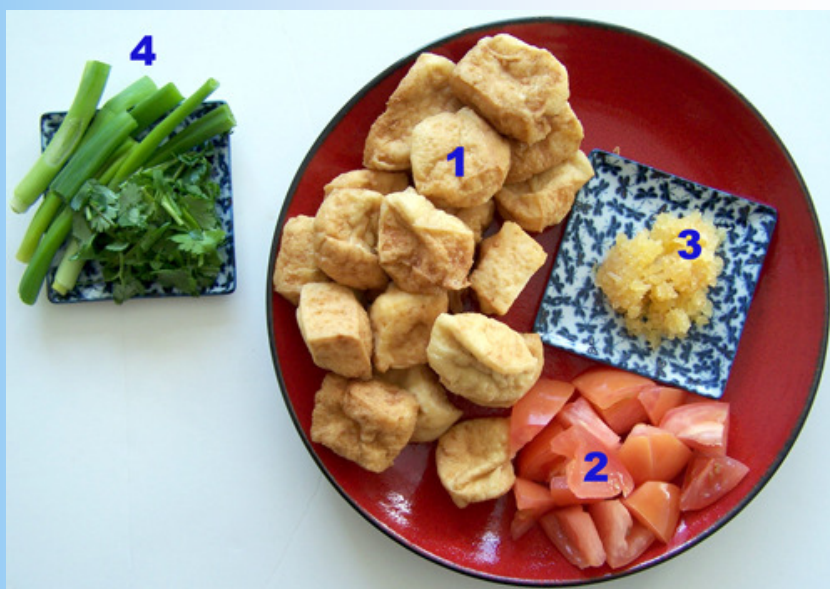


MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY:

TÀU HỦ CHIÊN SỐT CÀ

Vật Liệu:

1. 3 miếng tàu hủ cắt nhỏ chiên vàng
2. 2 trái cà bỏ hết hạt, cắt nhỏ
3. 1 cục đường phèn (rock sugar) = 3/4 table spoon
4. Vài cọng hành lá và ngò
5. 1 muống canh nước tương
6. 5 tép tỏi, băm nhuyễn, có thể thay thế bằng 1 cọng Boa-rô (boireau).



Cách Làm:

Cắt tàu hủ ra từng miếng nhỏ khoảng 2x1 phân, để ra rổ cho ráo nước, xong chiên tàu hủ lên cho vàng và để qua một bên.

Bắt nồi lên lò, cho vào nồi 1 muống canh dầu ăn. Khi nồi vừa nóng thì cho tỏi đã được băm nhuyễn (#6) vào và xào lên. Khi tỏi hơi vàng thì cho vào cà đã được cắt nhỏ (#2) và đường phèn (#3). Để lửa nhỏ lại và đập nắp nồi, nấu khoảng 5-10 phút, hoặc khi thấy cà thành nước sốt là được. Có thể cho thêm chút nước dừa, nếu thấy không có nhiều nước sốt. Sau đó cho vào 1 muống canh nước tương (#5) và những miếng tàu hủ đã được chiên vàng (#1) và trộn lên cho đều rồi để vào đĩa. Trình bày trên mặt vài cọng ngò và hành lá (#4) cắt thành những khúc nhỏ cho thơm và đẹp.

Chúc bạn có được một đĩa Tầu Hủ Chiên Sốt Cà thật ngon miệng.



Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Quảng Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org



HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ I, TẠI THÀNH PHỐ OXNARD, CALIFORNIA, TỪ NGÀY 27 ĐẾN 31 THÁNG 10.2011

